



Gối đầu lên cổ

NATSUME SOSEKI

Lam Anh dịch



TOXS HỢI NHÀ VĂN

Thông tin sách

Tên sách: **Gối đầu lên cỏ**

Nguyên tác: 草枕

Tác giả: **Natsume Soseki**

Người dịch: **Nguyễn Thị Lam Anh**

Công ty phát hành: **Phương Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Trọng lượng vận chuyển: **230 grams**

Kích thước: **12 x 18.5 cm**

Số trang: **228**

Ngày xuất bản: **03/2012**

Giá bìa: **56.000đ**

Thông tin ebook

Type+Tạo prc: thanhbt

Nguồn: tve-4u.org

*Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook -
www.dtv-ebook.com*

*Ebook này được thực hiện nhằm chia
sẻ cho những bạn không có điều kiện
mua sách!*

*Còn nếu bạn có khả năng hãy mua
ủng hộ nha!*

Giới thiệu tác phẩm

Gối đầu lên cỏ (Kusamakura) là một kiệt tác diễm ảo. Nó lững lơ trong một làn sương giữa hoang sơ và hiện đại, giữa Đông và Tây, giữa xa xưa và nay, giữa bình an và khói lửa, giữa thơ Haiku và tiểu thuyết.

Gối đầu lên cỏ là câu chuyện của một chàng họa sĩ Tokyo dần bước vào một thôn làng miền núi, tìm kiếm một thế giới khác. Và bằng lòng làm một lữ khách, không dần thân. Tìm cái đẹp mà không dục vọng. Chỉ là khách trong lãng uyên bông hồ. Nhưng anh chưa vẽ được gì.

Rồi anh gặp nàng Nami, một người đẹp u uẩn với tâm hồn mù sương. Tên nàng là “diễm ảo”. Nàng như một làn hương thu hút những cánh bướm ẩn tượng. Mà không có tình yêu nào hết. Cốt truyện dường như trống rỗng. Rồi một hôm, dung nhan nàng ánh lên một niềm xúc động bất ngờ trên sân ga. Và bức tranh trong tâm hồn họa sĩ cuối cùng đã tiếp nhận nét thần.

Gối đầu lên cỏ ra đời năm 1906 như một cuốn tiểu thuyết thể nghiệm, bất thường và đẹp kỳ lạ. Nó đánh dấu một chuyển mình táo bạo của Natsume Soseki cũng như văn học Nhật vào đầu thế kỉ XX. Đây là một tác phẩm thuộc “Cánh cửa

Kiệt tác” trong tủ sách Tinh Hoa Văn Học.

Giới thiệu tác giả

Natsume Soseki (9/2/1867-9/12/1916): Tên thật Natsume Kinosuke là nhà văn cận hiện đại lớn của Nhật Bản. Ông nổi tiếng vì thuộc thể hệ những trí thức tinh hoa theo khuynh hướng sáng tạo văn hóa từ cuộc đối đầu Phương Đông và phương Tây thời kỳ Minh Trị, là một trong những chủ soái của trường phái văn chương tâm lý cao sang bút chiến với chủ nghĩa tự nhiên trên văn đàn Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XX.

Natsume Soseki được các nhà phê bình văn học đánh giá là: “một trong ba trụ cột của văn học hiện đại Nhật Bản” cùng thời Mori Ogai và Akutagawa Ryunosuke.

Mục lục

Lời người dịch

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

Lời người dịch

Natsume Soseki là một nhà văn lớn của văn học Nhật Bản hiện đại. Nét độc đáo ở ông là sự kết hợp giữa cá tính và sự chuyên nghiệp. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua khuynh hướng lựa chọn sự nghiệp của nhà văn. Tuy nằm trong số những trí thức tinh hoa được chính quyền Minh Trị lựa chọn và đào tạo bài bản để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới giáo dục, Natsume Soseki đã quyết định trở thành một nhà văn chuyên nghiệp thay vì tiếp tục giữ một cương vị danh giá ở trường Đại học Tokyo. Với tư cách là một nhà

văn, ông đã đem hết nhiệt tình vào công việc sáng tác và để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ - khoảng 20 tiểu thuyết được viết trong khoảng thời gian từ năm 1905 đến năm 1916.

Natsume Soseki thường được biết đến như một cây bút phê phán hiện đại hóa. Tác phẩm của ông thường đề cập đến những bất ổn nảy sinh trong lòng xã hội Nhật Bản - một xã hội đang hiện đại hóa theo mô hình của các nước phát triển phương Tây - xuất phát từ sự va chạm giữa văn hóa truyền thống và xã hội hiện đại. Vì vậy, thế giới văn chương của Natsume Soseki là một thế giới đa dạng, trong đó người đọc có thể chiêm ngưỡng

một nước Nhật cổ kính với những nét đẹp sâu lắng, dịu dàng nhưng cũng có thể bước chân vào không gian mới mẻ, phức tạp với nhiều xung đột, căng thẳng của xã hội Nhật Bản thời Minh Trị theo cách nhìn của nhà văn.

Gối đầu lên cỏ - tiếng Nhật là *Kusamakura* - được sáng tác năm 1906, vào thời gian mà Natsume Soseki chuyển từ công việc giảng dạy sang công việc viết văn. Đây cũng là một tác phẩm thể hiện rõ phong cách Natsume Soseki qua nhiều đoạn văn lý luận về nghệ thuật được ký thác vào dòng suy tưởng của nhân vật chính - một chàng họa sĩ, trên con đường tìm cảm hứng sáng tạo, đã ghé

lại một quán trọ có suối nước nóng trong một sơn thôn vắng vẻ, phong cảnh hữu tình. Bằng cách đó, tác giả không chỉ giới thiệu với người đọc những tác phẩm nổi tiếng cũng như quan niệm về nghệ thuật của nhiều nghệ sĩ lớn trên thế giới - cả phương Đông lẫn phương Tây - mà còn thể hiện sự độc đáo trong quan điểm của bản thân về sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật, về cái đẹp của văn hóa Nhật Bản so với phương Tây, về những vấn đề của con người trong cuộc sống.

Mặt khác, *Gối đầu lên cỏ* còn là một tác phẩm kết hợp vẻ đẹp của hội họa phương Tây và thơ ca Nhật Bản, một tác phẩm giàu chất thơ mà tác giả đã tự gọi là “tiểu

thuyết *haiku*”. Gối đầu lên cỏ dẫn người đọc vào một thế giới như tranh vẽ, với thiên nhiên mùa xuân trên con đường lên núi và phong cảnh tuyệt mỹ của một khu nghỉ mát có suối nước nóng, có nhiều loài hoa đẹp, có những ngọn đồi trồng quýt bạt ngàn và mặt biển xanh thẳm trải rộng đằng xa. Trong thế giới này, người đọc còn có cơ hội để tiếp cận với những thành tố đặc trưng của văn hóa truyền thống Nhật Bản như thơ *haiku*, thơ chữ Hán, thư pháp, trà đạo, kịch *No*, *Kabuki* và đàn *samisen*...v.v...

Ngôn ngữ đầy chất thơ của tác phẩm, những nội dung triết lý thể hiện sự uyên bác về nghệ thuật và những bài thơ xen

vào giữa những đoạn văn là sự độc đáo và vẻ đẹp riêng của tiểu thuyết này nhưng đồng thời cũng là những thách thức lớn đối với người dịch. Tuy đã cố gắng hết sức để chuyển ngữ chính xác và giữ được vẻ đẹp ngôn từ của nguyên tác cho bản dịch tiếng Việt, nhưng do những hạn chế về khả năng của người dịch cũng như trong bản thân việc dịch thuật tác phẩm văn chương, dịch phẩm này có thể vẫn còn những sai sót và những khiếm khuyết nhất định. Vì vậy, nếu được sự góp ý của quý độc giả, chúng tôi xin tiếp thu với tinh thần học hỏi và lòng biết ơn sâu sắc.

Chương 1

Vừa leo núi tôi vừa ngẫm nghĩ.

Theo lý trí thì gặp trở ngại. Theo tình cảm thì bị cuốn trôi. Theo chí hướng riêng thì bế tắc. Nhìn theo kiểu nào thì thế giới con người cũng là một nơi khó sống.

Khi cảm thấy khó sống quá thì người ta thích tìm đến nơi nào dễ chịu. Và khi nhận ra rằng chẳng có nơi nào dễ sống thì người ta làm thơ, vẽ tranh.

Tạo ra thế giới của con người chẳng phải thần linh cũng chẳng là ma quỷ, mà đơn giản chỉ là những con người yếu ớt kề cận với mình đây. Một khi thế giới do chính con người tạo ra đã là khó sống thì cũng chẳng có nơi nào khá hơn để mình tìm đến. Họa chẳng là phải đến những nơi không có con người. Nhưng mà nơi không có con người thì có lẽ còn khó sống hơn thế giới của con người nữa.

Nếu thế giới mà mình không thể thoát khỏi là khó sống, thì ta hãy cố gắng thích nghi và thư giãn hết mình, và phải làm cho thế giới khó sống này trở thành một nơi dễ chịu hơn để gửi gắm cuộc đời phù du dù chỉ trong phút chốc. Chính vì điều

đó mà sinh ra cái gọi là thiên chức của thi nhân và sứ mệnh của họa sĩ. Những nghệ sĩ của các môn nghệ thuật đều đáng quý vì họ đã làm cho thế giới của con người trở nên dễ chịu hơn, tâm hồn của con người trở nên phong phú hơn. Thơ ca, hội họa xưa tan khổ đau trong cõi người đầy phiền muộn và mở ra trước mắt chúng ta một thế giới đẹp tươi. Âm nhạc và điêu khắc cũng thế. Nhưng nói cho cùng thì không cần thiết phải dùng nghệ thuật để miêu tả. Chỉ cần nhìn thế giới hiện lên trước mắt mình là có thể viết nhạc, làm thơ. Những âm điệu chưa được viết ra giấy đã ngân vang trong tâm hồn. Màu chưa được vẽ trên lụa mà ngũ sắc đã lấp lánh trong tâm tưởng. Chỉ cần

quan sát thế giới mình đang sống, thu vào thấu kính tâm hồn những hình ảnh trong trẻo, đẹp tươi được thanh lọc từ cõi đời ô trọc là đã quá đủ rồi.

Vì lẽ đó mà nhà thơ chưa viết câu thơ nào, họa sĩ chưa vẽ bức tranh nào cũng hạnh phúc hơn cả những người giàu có, hạnh phúc hơn những vị hoàng đế oai hùng hay những kim đồng ngọc nữ của thế gian - vì họ có thể nhìn tường tận cõi người, có thể thoát khỏi những điều phiền muộn, vì họ có thể bước vào cõi thanh tịnh một cách dễ dàng, và cũng vì họ tạo ra được một thế giới nghệ thuật độc đáo, nhờ đó mà có thể thoát khỏi những trói buộc của dục vọng và lòng ích

kỷ. Trải đời hai mươi năm, tôi đã hiểu thế giới này là một nơi đáng sống. Sau hai mươi lăm năm thì tôi đã hiểu ánh sáng và bóng tối chỉ là hai mặt của một vấn đề, đã biết rằng bóng sẽ xuất hiện ở bất cứ nơi nào có ánh mặt trời rọi sáng. Và bây giờ, khi ở tuổi ba mươi, tôi nghĩ thế này: niềm vui càng lớn thì nỗi buồn càng mênh mông, sung sướng càng nhiều thì đau khổ càng ghê gớm. Khi ta cố gắng thoát khỏi điều đó thì cuộc sống sẽ chẳng còn gì. Khi ta cố gắng dàn xếp lại thì thế giới sẽ sụp đổ. Tiền bạc là quan trọng, nhưng có nhiều thứ quan trọng thì ta ngủ cũng không yên vì lo lắng. Tình yêu là hạnh phúc, nhưng có hạnh phúc rồi thì người ta càng luyến tiếc cho một quá khứ

thiếu tình yêu. Một kẻ quyền cao chức trọng phải làm điểm tựa cho muôn vạn dân thường, phải gánh trên vai sức nặng của toàn đất nước. Không ăn được món ngon thì tiếc. Ăn một chút thì thèm. Mà nếu ních cho đầy bụng thì khó chịu...

Tôi đang miên man suy nghĩ thì chân phải bỗng nhiên vấp phải góc của một tảng đá gồ ghề. Chân trái xoạc mạnh về phía trước để giữ thăng bằng. Và để bớt đau, tôi bèn ngồi nghỉ trên một tảng đá nhẵn nhụi cỡ chừng một mét. May mắn là hộp đựng dụng cụ vẽ tôi mang trên vai chỉ bị xóc nảy lên và tuột xuống ngang hông nhưng không hư hỏng gì.

Khi đứng lên, tôi nhìn về phía trước và thấy ở phía bên trái đường một ngọn núi trông giống như cái thùng lật úp. Trên cái nền không biết là rừng tuyết tùng hay rừng trắc bá xanh thẫm từ gốc đến ngọn, anh đào núi điểm tuyết những khóm hoa màu hồng nhạt mờ ảo trong sương. Ngay trước mắt tôi là một ngọn núi trọc cao vượt lên, đầy vẻ đe dọa. Sườn núi bị trọc phải chăng do một người khổng lồ nào đó đã vạt đi bề mặt lởm chởm và đem chôn xuống đáy thung sâu? Tôi nhìn thấy trên đỉnh núi hình như là một cây thông đỏ. Trông rõ cả khoảng trời lộ ra giữa các cành cây. Con đường trước mắt tôi một quãng bị che khuất, nhưng nhìn thấy bóng người mặc áo khoác màu đỏ

đang di chuyển từ trên cao, tôi nghĩ mình có thể leo lên tới chỗ đó. Đường đi hết sức hiểm trở.

San phẳng đất đai thì chẳng tốn mấy công sức, nhưng trong đất lại có đá to. Dù có sang phẳng đất thì cũng không làm cho đá bằng phẳng được. Người ta có thể đập nát loại đá nhỏ nhưng đá tảng thì không. Những tảng đá cứ diềm nhiên án ngữ ở chỗ đất sứt, không có vẻ gì là muốn nhường đường cho ta. Vì chẳng có cách gì thuyết phục được, ta chỉ còn cách trèo lên để vượt qua hoặc là phải đi vòng qua chúng. Thậm chí những nơi không có đá tảng cũng chẳng dễ đi chút nào. Bên phải bên trái đều nhô cao, ở giữa thì lõm sâu.

Có thể hình dung đó là một khoảng đất chỉ rộng chừng hai mét được khoét thành hình tam giác mà đỉnh của nó nằm ở giữa đường. Nói là lội qua sông thì đúng hơn là đi trên đường. Nhưng vì chẳng có gì phải vội nên tôi cứ thong thả chinh phục con đường hiểm trở.

Bỗng ngay phía dưới chân tôi vang lên tiếng chim chiền chiện. Tôi nhìn xuống thung lũng nhưng chẳng thấy bóng dáng chú chim nào đang hát. Chỉ có tiếng hát vẫn thánh thót vang lên. Một chuỗi âm thanh nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Cảm giác như vô số côn trùng đang xâm nhập bầu không khí mênh mông. Trong chuỗi âm thanh ấy không hề có một

khoảng lặng nào. Dường như con chim ấy phải hát cho hết những ngày xuân êm ả, hát cả ngày lẫn đêm. Nó cứ không ngừng lên cao, cao mãi. Hẳn là nó chết trong mây trời. Có lẽ nó cứ lên cao mãi rồi lẫn vào trong những đám mây, và hình hài tan biến trong trạng thái bông bênh đó, chỉ còn tiếng hát vang vọng giữa bầu trời.

Tôi đi vòng qua một tảng đá sắc cạnh, rẽ ngoặt về bên phải để tránh một chỗ hiểm mà nếu không nhìn thấy trước thì có thể bị ngã chổng gọng, nhìn xuống phía dưới thì thấy menh mông hoa cải vàng. Phải chăng, tôi nghĩ, con chim chiến chiến đã rơi về phía đó? Hay có thể chim đã bay

lên từ cánh đồng rực vàng kia? Rồi tôi hình dung đàn chim rơi xuống và đàn chim bay lên gặp nhau tạo thành hình chữ thập. Cuối cùng, tôi tưởng tượng rằng trong khi rơi xuống, khi bay lên hay là khi hai đàn chim giao nhau thành hình chữ thập thì những con chim vẫn say sưa hát.

Mùa xuân làm cho mọi thứ đều uể oải. Mèo thì quên cả bắt chuột, người thì quên cả nợ nần. Đôi khi người ta rơi vào trạng thái ngơ ngẩn mất hồn. Chỉ khi nhìn thấy cánh đồng hoa cải ở đằng xa thì mắt mới bừng tỉnh. Khi nghe tiếng chim chiền chiện thì tâm hồn trở nên trong sáng. Chim chiền chiện không hát bằng miệng

mà bằng cả linh hồn. Trong những âm thanh thể hiện sự sống của linh hồn, không có gì mạnh mẽ hơn tiếng hót của loài chim ấy. Ôi, sáng khoái vô cùng! Suy ngẫm như thế này, tận hưởng sự sáng khoái như thế này chính là thi ca vậy.

Chợt nhớ bài thơ về chim chiến chiến của Shelley, tôi thử nhắm đọc lại những câu mình nhớ, thì chỉ nhớ được có hai ba đoạn. Trong đó có mấy câu thế này:

We look before and after

And pine for what is not:

Our sincerest laughter

With some pain is fraught;

*Our sweetest songs are those that tell
of saddest thought.*

Chúng ta nhìn trước nhìn sau

Và mong mỗi một cái gì không thể

Tiếng cười chân thực nhất của chúng ta

Với nỗi đau tê tái;

*Những bài ca ngọt ngào nhất của
chúng ta là những bài ca về những suy
nghĩ u buồn nhất.*

Quả thật nhà thơ dù có hạnh phúc đến đâu thì cũng không thể giống như chim chiền chiện, quên hết mọi điều trước sau để hát lên niềm vui sướng bằng tất cả tâm hồn. Thơ phương Tây thì khỏi phải bàn, còn thơ Trung Hoa cũng có cách diễn đạt như là “vạn cổ sầu”. Cái sầu “vạn cổ” của thi nhân có lẽ chỉ là một chút phiền muộn tan trong cốc rượu của người đời. Như vậy so với người bình thường thì thi nhân phải chịu đựng nhiều hơn, vì thần kinh của họ nhạy cảm hơn gấp mấy lần. Họ có những thú vui thanh cao vượt lên trên dục vọng tầm thường, nhưng cũng có những nỗi buồn đau vô hạn. Vậy thì phải là người suy tưởng mới

có thể trở thành thi nhân.

Tôi đi qua một quãng đường bằng phẳng, bên phải là ngọn núi rậm rạp cây bụi, bên trái là cánh đồng hoa cải mênh mông. Đôi lúc chân tôi giẫm phải hoa bồ công anh. Những cánh hoa hình răng cưa bay tản mát khắp nơi, chỉ còn lại một cái lõi màu vàng ở giữa. Khi tôi quay nhìn lại, áy náy vì đã trót giẫm chân trong lúc mải mê nhìn hoa cải, thì thấy nhụy hoa vàng vẫn còn đó giữa đài hoa hình răng cưa. Ôi những bông hoa vô tư! Và tôi lại tiếp tục dòng suy nghĩ.

Có lẽ với thi nhân thì nỗi buồn đã là cố hữu nhưng trong khoảnh khắc nghe tiếng

chim chiến chiến thì tâm hồn nhà thơ chẳng vướng chút muộn phiền. Khi ngắm hoa cải cũng thấy lòng rộn ràng vui sướng. Với hoa bồ công anh hay hoa anh đào cũng thế - tôi chợt nhận ra không biết từ lúc nào mình không còn nhìn thấy hoa anh đào nữa. Khi lên miền núi hòa mình với cảnh vật thiên nhiên như thế này, những gì ta nhìn thấy hay nghe thấy đều hết sức thú vị. Không có nỗi buồn riêng nào nảy sinh từ sự thích thú này. Có chăng chỉ là sự mỏi chân, hay là không ăn được những món ngon mà thôi.

Nhưng vì sao mà lại không buồn? Đơn giản là bởi vì ta ngắm phong cảnh cũng giống như ngắm một bức tranh, và đọc nó

như đọc một bài thơ. Khi nhìn phong cảnh như là hội họa hay thi ca thì ta chẳng muốn có đất đai để mà khai thác, cũng không có ý định xây dựng đường sắt để mà thu lợi. Chính phong cảnh này - thứ phong cảnh không làm ra cơm áo hay tiền bạc - lại là phong cảnh khơi dậy niềm vui cho tâm hồn, và vì thế mà không hàm chứa nỗi đau khổ hay sự lo âu. Sức mạnh của tự nhiên đáng quý là ở đó. Chính tự nhiên đã khơi dậy tâm hồn tôi trong khoảnh khắc, gạn lọc cho thuần khiết để đưa vào thế giới trong trẻo của thi ca.

Có lẽ tình yêu cũng đẹp, lòng hiếu thảo cũng tuyệt vời và lòng trung thành hay

tình yêu nước cũng rất là đáng quý. Nhưng nếu là người trong cuộc thì ta sẽ bị cuốn vào sự rắc rối của lễ thiết hơn, và mờ mắt vì cái đẹp hay là sự cao quý đó. Rốt cuộc ta không nhận ra được thơ ca ở nơi nào.

Để hiểu được điều này thì phải đứng ở vị trí của người ngoài cuộc, với sự vô tư để hiểu vấn đề. Chính vì đứng ở vị trí của người thứ ba mà chúng ta thấy kịch hay tiểu thuyết rất là thú vị. Người thích thú với việc xem kịch hay việc đọc tiểu thuyết đều bỏ qua tạm thời những chuyện thiết hơn của bản thân mình. Anh ta là thi nhân ngay trong lúc xem và đọc ấy.

Tuy nhiên, không thể có chuyện thoát khỏi những cảm xúc của con người trong tiểu thuyết hay trong kịch thông thường. Trong tác phẩm đầy rẫy những đau khổ, giận hờn, ồn ào hay khóc lóc. Và một lúc nào đó người theo dõi cũng đau khổ, giận hờn, ồn ào hay khóc lóc theo. Có lẽ cái hay ở đây là không có sự vụ lợi của bản thân xen vào, nhưng chính vì không vụ lợi mà những tình cảm khác được khơi dậy mạnh mẽ khác thường. Thật khó chịu.

Đau khổ, giận hờn, ồn ào hay khóc lóc là những chuyện cổ hữu trong thế giới con người. Tôi cũng trải qua những điều đó trong ba mươi năm sống ở đời, và ngán đến tận cổ. Thật khổ sở khi đã chán ngấy

rồi mà cứ phải xem đi xem lại những thứ này trong kịch hay trong tiểu thuyết. Thứ thơ mà tôi yêu thích không phải là kiểu thơ khơi gợi những cảm xúc tầm thường như vậy. Đó là loại thơ từ bỏ những ham muốn đời thường, đạt đến sự thanh cao rời xa thế tục dù chỉ trong khoảnh khắc. Không có vở kịch nào, dù xuất sắc, thoát ly tình cảm con người, và cũng rất ít tiểu thuyết vượt qua chuyện đúng sai. Đặc trưng của những tác phẩm này là không bao giờ thoát ra khỏi thế gian. Còn trong thơ ca phương Tây, vì bám vào những vấn đề của con người, ngay cả thứ thơ mang tinh thần thi ca thuần túy cũng không vượt qua sự tầm thường đó. Thứ thơ ca đó chỉ biết đến sự cảm thông, tình

ái, chính nghĩa, tự do - những thứ đầy rẫy trong hội chợ phù hoa của cuộc sống đời thường. Cho dù thơ ca có bay bổng đến đâu thì vẫn bước đi trên mặt đất, không quên được chuyện áo cơm. Shelley mà có nghe tiếng chim chiền chiện thì cũng không khỏi thở dài ngao ngán.

Điều đáng mừng là thơ ca phương Đông đã có những bài thơ thoát ly tình trạng đó.

“Chân rào phía Đông tìm hái cúc

Ung dung ngắm núi tận trời Nam.”

Chỉ những câu thơ thuần khiết như thế

này thì mới gợn lên khung cảnh thoát ra ngoài thế giới ngột ngạt. Câu thơ này không chỉ nói về cô gái bên hàng xóm hé nhìn qua hàng rào hay về người bạn đang công tác ở miền núi phía Nam. Nó có thể giúp ta gột sạch những muộn phiền của chuyện được mất hơn thua, đưa ta đến trạng thái vô tư, thoát tục.

“Một mình trong rừng trúc

Đàn hát chốn thâm u

Người đời không ai biết

Trăng soi sáng tâm tư.”

Bài thơ đã mở ra cả một vũ trụ mênh mông chỉ với hai mươi chữ. Cái hay của thể giới thi ca này không phải là cái hay của *Hototogisu* hay *Konjikiyasha*[1]. Nó là sự tuyệt vời của một giấc ngủ vùi để quên đi mọi thứ, sau khi đã quá mệt mỏi vì những thứ tàu thủy, tàu hỏa, quyền lợi, nghĩa vụ, đạo đức, lễ nghĩa.

[1] Hototogisu là tạp chí thơ haiku hiện đại, ra đời vào năm Minh Trị 30 (1897). Konjikiyasha là một tiểu thuyết hiện đại thời Minh Trị của Ozaki Koyo.

Nếu thể kỷ hai mươi cần có những giấc ngủ say như vậy thì thể kỷ hai mươi cũng rất cần loại thơ ca thoát tục. Đáng tiếc là

ngày nay cả nhà thơ và người đọc thơ đều bị ảnh hưởng bởi các nhà văn phương Tây nên chẳng còn ai muốn chèo con thuyền nhỏ thông dong về với chốn đào nguyên cảm xúc. Tôi vốn không phải là một nhà thơ chuyên nghiệp nên không có ý định tuyên truyền hoặc thuyết giáo về cái hay của Vương Duy hay Uyên Minh với thế giới ngày nay. Tôi chỉ nghĩ rằng những cảm hứng như vậy thì bổ ích hơn là những buổi diễn kịch hay vũ hội. Tôi cho rằng nó còn hay hơn cả *Faust* hay *Hamlet*. Và chính vì điều đó mà tôi một mình mang giá vẽ cùng với túi họa cụ dần bước trên con đường núi mùa xuân. Đó là khao khát được hấp thu không khí tự nhiên trong thơ Uyên Minh,

Vương Duy, mong muốn được tiêu dao trong thế giới không có những tình cảm đời thường dù chỉ là chốc lát. Đó là một nỗi đam mê.

Vì tôi cũng là một con người tồn tại trong thế giới nên tất nhiên là dẫu mong muốn thế nào đi nữa thì chuyện thoát ly tình cảm đời thường cũng không thể kéo dài mãi được. Uyên Minh chẳng phải là người quanh năm ngắm núi Nam, Vương Duy cũng không thể ngủ thỏa thích trong rừng trúc mà không buông màn. Nếu còn thừa hoa cúc thì cứ bán hết cho cửa hàng hoa, măng mọc lên thì bán cho cửa hàng rau quả. Và tôi cũng theo cách đó. Dù có say mê chim chiền chiện và hoa cải, tôi

cũng không thể nào vì thoát ly tình cảm mà thành kẻ không nhà sống trong núi được. Và ở tận nơi đây ta cũng gặp gỡ con người. Đó có thể là những người choàng khăn thắt đai lưng, những cô gái mặc kiểu áo *kimono* choàng eo màu đỏ, và đôi khi còn gặp những con ngựa mặt dài hơn mặt người. Tuy ở giữa bạt ngàn rừng trúc bá, khoan khoái hít thở không khí ở nơi cao hơn mặt biển hàng mấy trăm thước nhưng vẫn không thể nào rũ bỏ hơi hướng con người. Thật ra, nơi mà tôi sẽ trọ lại tối nay trong chuyến đi leo núi để tìm sự thanh thản là khu nghỉ dưỡng ở suối nước nóng Nakoi.

Nói chung thì sự vật được xác định tùy

theo cách nhìn. Leonard de Vinci đã nói với học trò rằng, hãy nghe tiếng chuông kia, chỉ có một cái chuông nhưng tiếng kêu thì có thể nghe thành nhiều kiểu. Một người đàn ông, một người phụ nữ cũng được nhìn nhận theo nhiều cách. Vì đây là chuyến đi để thanh lọc tâm hồn nên có lẽ tôi nhìn con người cũng khác so với khi sống chen chúc trong những con phố chật chội của cõi đời tù túng và ngột ngạt. Dù không thể hoàn toàn thoát ly tình cảm đời thường thì ít nhất khi xem những vở kịch *No* cổ điển cũng được thưởng thức một chút cảm giác bay bổng. Nhưng trong kịch *No* cũng có tình cảm đời thường. Không ai dám chắc là mình sẽ không khóc khi xem những vở kịch như

Shichikiochi hay *Sumidagawa*. Tuy nhiên, đó là những vở kịch thể hiện bảy phần kỹ thuật ba phần tình cảm. Những cái hay mà chúng ta cảm nhận được ở kịch *No* không phải là do kỹ năng sao chép “y nguyên” những xúc cảm đời thường, mà nhờ mấy lớp áo nghệ thuật khoác lên hiện thực “như nó vốn là”, và cả những cử động chậm rãi không thể có trong đời thực.

Nếu ta xem những việc xảy ra và những người ta gặp trong những chuyến đi này như những cảnh và vai diễn trong tuồng *No* thì sao nhỉ? Điều đó không có nghĩa là loại trừ triệt để những cảm xúc đời thường, nhưng vì đây là một chuyến đi

thanh lọc tâm hồn, nên cùng với việc thoát ly tình cảm thế tục thì tôi cũng cố gắng hết mình để đưa con thuyền tâm hồn tìm về với suối nguồn trong trẻo. Rõ ràng núi Nam hay rừng trúc là những cái khác hẳn về bản chất, và cũng không thể đánh đồng với chim chiền chiện hay hoa cải, nhưng tôi muốn tiếp cận những khung cảnh thiên nhiên này ở khoảng cách gần nhất có thể, và trong khoảng cách đó thử nhìn con người từ cùng một điểm quan sát. Nhà thơ Basho thậm chí còn sử dụng cả cảnh ngựa đái ở đầu giường như một tứ thơ *haiku*. Từ bây giờ tôi cũng sẽ nhìn tất cả mọi người mình gặp - những nông dân, thị dân, viên chức ở thôn quê hay là những ông già bà cả - như là những hình

ảnh được khắc họa trong bức tranh thiên nhiên rộng lớn. Khác với những nhân vật trong tranh vẽ, những người này có cách hành xử không ai giống ai. Tuy nhiên, nếu theo cách làm của một tiểu thuyết gia bình thường - chỉ mãi tìm kiếm lý do của những hành động ấy, thâm nhập vào thế giới nội tâm hay giải bày những vướng mắc đời thường - thì chẳng có gì hay ho cả. Những con người như thế cũng có thể hoạt động.

Có thể xem những nhân vật trong tranh vẽ như là những con người đang hoạt động. Những nhân vật trong tranh vẽ dù có sinh động như thế nào thì cũng không thoát ra ngoài mặt phẳng của bức tranh. Chỉ cần

tưởng tượng những nhân vật ấy bước ra khỏi bức tranh, hành động như những con người thực, thì sẽ thấy họ có thể gây gổ với ta hay kỳ kèo hơn thiệt, phiền phức biết bao. Càng phiền phức thì cái đẹp càng khó được nhìn nhận. Từ bây giờ với những người mình gặp, tôi sẽ xem họ như là những nhân vật siêu thực, cao xa, không để cả mình lẫn họ tiếp cận với ánh sáng của tình cảm đời thường. Nếu vậy thì dù đối tượng có hoạt náo đến đâu cũng không dễ làm mình rung động, nên rốt cuộc cũng giống như mình đứng trước bức tranh mà nhìn những hình người trong tranh ồn ào nhảy múa. Chỉ cần đứng cách bức tranh chừng một mét là có thể bình thản ngắm nhìn. Có thể yên tâm

mà quan sát. Nói cách khác, nếu không bị chi phối bởi chuyện hơn thiệt thì có thể tập trung quan sát những động tác của họ từ góc nhìn nghệ thuật. Có thể nhập tâm để nhận xét về giá trị thẩm mỹ.

Khi tôi đi đến quyết định như thế thì bầu trời chợt thay đổi một cách kỳ lạ. Tôi cứ ngỡ những đám mây hàm hấp vẫn còn giăng trên đầu nhưng không biết từ lúc nào chúng đã tản đi, trở thành một biển mây miên man trải rộng bốn bề, và mưa xuân thánh thót rơi trong cảnh tượng kỳ ảo đó. Tôi đã đi qua đám hoa cải và bây giờ đang đi giữa núi non trập trùng, nhưng vì mưa giăng mờ mịt giống như sương mù nên tôi không biết khoảng cách

giữa những ngọn núi là bao xa. Đôi khi gió thổi dạt những vầng mây trên cao, có thể nhìn thấy phía bên phải mờ mờ sườn núi màu đen. Có vẻ như ở phía trước, bên kia thung lũng lại là một dãy núi. Tôi nhìn thấy chân núi ở ngay bên trái. Từ trong màn mưa mờ mịt thấp thoáng hiện ra cây gì có vẻ như cây tùng. Vừa hiện ra đã lại biến mất. Thật kỳ lạ, tôi không rõ sự biến ảo đó là do mưa, do cây hay là do trạng thái mơ màng.

Đường đi bất ngờ mở rộng và bằng phẳng nên có thể bước đi thoải mái, nhưng vì không chuẩn bị áo mưa nên tôi phải vội bước đi nhanh. Những giọt mưa rơi lộp độp từ trên nón. Khi đó từ quăng

đường cách chừng mười mét về phía trước có tiếng nhạc ngựa vọng đến, rồi từ trong không gian tối sẫm, một người dẫn theo con ngựa thồ đột ngột xuất hiện.

- Quanh đây có chỗ nào nghỉ chân không nhỉ?

- Đi chừng hơn một cây số nữa nữa thì có một quán trà đấy. Uống hết rồi phải không?

“Hơn một cây số kia à”, tôi thầm nghĩ và quay nhìn lại, thì bóng người dẫn ngựa phút chốc đã chìm trong làn mưa, tan biến như một ảo ảnh.

Trước mắt tôi là những giọt mưa mềm mại nặng hạt dần, rồi từng hạt bị cuốn vào trong gió. Lớp áo *haori* mặc ngoài ướt đẫm, rồi nước thấm vào lớp áo trong, ẩm lên vì nhiệt độ cơ thể. Cảm giác hơi khó chịu nên tôi nghiêng nón bước nhanh.

Nếu hình dung con người đang ướt sũng và bước đi trong khoảng trời xám xịt mênh mông, trong màn mưa như vô vàn những mũi tên bạc bay nghiêng này không phải là ta thì sẽ lay động được hồn thơ vậy. Khi quên hết con người cá nhân của mình để có cái nhìn tuyệt đối khách quan thì trước hết, như là những nhân vật trong tranh vẽ, chúng ta giữ được sự hài hòa

tốt đẹp với cảnh vật tự nhiên. Còn trong khoảnh khắc khổ sở vì trời mưa, khi mãi bận tâm với đôi chân mệt mỏi vì đi bộ thì chúng ta chẳng phải là người của thơ ca hay hội họa. Khi đó ta chẳng qua chỉ là một gã thanh niên của cuộc sống đô thị tầm thường. Không nhìn ra vẻ đẹp của khói tỏa mây bay. Cũng chẳng xao lòng với chim kêu hoa rụng. Một kẻ độc hành buồn bã trên đường núi mùa xuân thì không thể hiểu thế nào là cái đẹp. Khởi đầu, ta cứ nghiêng nón mà đi. Sau đó thì cứ nhìn xuống chân mình, cắm cúi bước. Cuối cùng thì so vai thất thểu. Mưa lay những ngọn cây trước mắt ta và xua chúng về phía kẻ bộ hành đơn độc. Cảnh tượng thật khoáng đạt và hùng vĩ.

Chương 2

- Có ai ở nhà không??

Tôi cất tiếng gọi nhưng chẳng ai trả lời.

Đứng dưới mái hiên, tôi ghé nhìn vào trong thì nhìn thấy lò mờ một lớp cửa *shoji*[1] ám khói đang khép kín. Không nhìn thấy được phía bên trong cánh cửa. Năm sáu đôi dép rơm treo lủng lẳng trên đầu hồi lơ đãng đong đưa. Phía dưới có bày ba hộp kẹo rẻ tiền, cạnh đó là dăm đồng tiền kẽm nằm rải rác.

[1] Cửa shoji là loại cửa trượt, thường thấy ở những ngôi nhà Nhật Bản theo kiểu truyền thống, được đóng bằng những thanh gỗ nhỏ và dán giấy phủ lên các ô vuông giữa những thanh gỗ ấy.

Tôi lại cất tiếng gọi “Có ai ở nhà không?”. Những con gà đang ngủ trên chiếc cối xay đặt trên nền đất trong góc nhà giật mình thức giấc, bắt đầu kêu “cục cục” loạn xạ. Bên ngoài ngưỡng cửa là bếp lò bằng đất nung, lúc này đang bị mưa tạt làm ướt và đổi màu. Chiếc ấm màu đen đặt trên lò không rõ là ấm làm bằng đất hay bằng bạc. Và may mắn là lửa trong lò vẫn cháy.

Vì không có ai trả lời nên tôi cứ tự tiện đi vào nhà, ngồi xuống chiếc ghế xếp. Những con gà trên cối xay vỗ cánh bay xuống. Giờ thì chúng đậu lên chiếu *tatami*[2]. Nếu không có tấm cửa trượt ngăn lại thì có lẽ chúng đã bay vào phía bên trong. Khi gà trống cất lên những tiếng kêu mạnh mẽ thì gà mái đáp lời bằng những tiếng nhỏ nhẹ hơn. Có lẽ chúng cho tôi là một con cáo hay con chó gì đấy. Trên ghế xếp nằm lặng lẽ một chiếc lư hương dung tích chừng 2 lít, những khoanh nhang cuộn tròn bên trong vẫn thông thả nhả khói, không để ý gì đến thời gian đã trôi qua. Mưa đang dần ngớt hạt.

[2] Loại chiếu dùng để trải sàn nhà trong những ngôi nhà Nhật Bản kiểu truyền thống.

Một lúc lâu mới nghe tiếng chân bước từ bên trong, rồi tấm cửa trượt ám khói mở ra. Một bà cụ bước ra ngoài.

Tôi đã đoán là thế nào cũng có người xuất hiện. Vì lửa vẫn đang cháy trong lò. Tiền thì vung vãi trên hộp kẹo. Còn nhang thì vẫn diêm nhiên tỏa khói. Chắc chắn là thế nào cũng phải có người. Nhưng cái kiểu bỏ quán thoả mái thế này thì hơi khác với cuộc sống ở thành thị. Và tuy gọi không có ai trả lời, nhưng

cái kiêu tự ý vào nhà ngồi đợi cũng là chuyện khó chấp nhận ở thế kỷ hai mươi. Đây quả là một nơi thú vị, và là nơi không vương bận đời thường. Hơn nữa, vẻ mặt bà cụ vừa xuất hiện cũng làm tôi thích thú.

Cách đây hai, ba năm tôi có xem vở kịch *No* có tựa là *Takasago*, thuộc trường phái Hosho. Khi đó tôi rất ấn tượng với những hoạt cảnh đẹp của vở này. Một ông cụ vác cây chổi đi năm sáu bước trên chiếc cầu dẫn ra sân khấu, và chậm rãi quay về phía sau giáp mặt với bà cụ. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ cảnh hai nhân vật đối diện nhau. Vì từ chỗ tôi ngồi có thể nhìn thẳng gương mặt bà cụ,

nên khi tôi chợt nhận ra “ồ, đẹp quá!”, thì từ khoảnh khắc ấy hình ảnh bà đã in vào trong tôi như một bức ảnh được thấu kính tâm hồn ghi lại. Bà cụ ở quán trà có gương mặt giống hệt gương mặt của bà cụ trong vở kịch *No đạo* ấy, như thể cả hai đều có cùng một dòng máu chảy bên trong.

- Chào cụ, cháu xin ngồi tạm ở đây một lát.

- Vâng. Tôi không biết là có khách đến.

- Mưa lớn quá cụ nhỉ.

- Thời tiết xấu thế này, chắc là anh đi

đường vất vả? Ôi, anh bị ướn hết rồi! Để
tôi khêu lửa cho anh hong khô nhé.

- Chỉ cần khêu lửa thêm một chút, cháu
ngồi gần bếp lò là sẽ khô hết thôi. Cháu
ngồi đây một lúc thì hơi thấm lạnh.

- Ừ, tôi sẽ khêu lửa ngay đây. À, anh
uống chút trà nhé?

Bà cụ nói thế rồi đứng dậy “xùy xùy”
đuổi mấy con gà đi. Vợ chồng nhà gà kêu
lên “cục cục”, nhảy từ chiếc chiếu màu
nâu sẫm qua hộp đựng kẹo và bay ra
đường. Con gà trống khi bay ra còn để
lại trên hộp kẹo một bãi phân.

- Trà đây.

Thoáng chốc bà cụ đã bung ra một chén trà đặt trên chiếc khay lốm. Dưới đáy cốc đã sạm đen vì chất trà bám lâu ngày, hiện lên hình ba bông hoa mạn được vẽ bằng nét bút thanh tao.

- Anh dùng bánh đi.

Lần này bà cụ mang đến những chiếc bánh xoắn hình dây thừng và bánh xiên que đựng trong chiếc hộp đã bị gà giẫm lên lúc nãy. Tôi nhìn xem chỗ phân gà đã được dọn chưa, thì thấy vẫn còn nguyên trong hộp.

Bà cụ vén gọn tay áo bằng sợi dây vải choàng qua vai rồi lom khom đến trước bếp lò. Tôi lấy trong túi ngực ra cuốn tập dùng để vẽ phác thảo, vừa phác họa gương mặt bà cụ nhìn nghiêng vừa hỏi chuyện.

- Ở đây yên tĩnh, thích quá cụ nhỉ.
- Ừ, thì ở miền núi mà, như anh thấy đấy.
- Có cả chim sơn ca hát phải không?
- Ừ, vẫn hát mỗi ngày. Ở đây thì mùa hè chúng cũng hát.
- Cháu thích nghe lắm. Vì chẳng được

nghe bao giờ nên rất thích.

- Rất tiếc là hôm nay... vì lúc này trời mưa nên lũ chim trốn đâu mất cả rồi.

Ngay lúc ấy có tiếng nổ lốp bốp trong lò, rồi bất chợt lửa đỏ cháy bùng lên thành ngọn cao gần nửa mét.

- Nào, anh đến sưởi đi. Chắc là lạnh lắm rồi. Bà cụ bảo. Tôi nhìn ra đầu hồi thì thấy một cụm khói xanh bay lên rồi tan dần, để lại làn khói mỏng vương vất dưới mái hiên.

- Ôi thích quá. Mình may mắn được sống lại rồi!

- May mà mưa cũng đã tạnh. Trên trời đã xuất hiện tảng đá *Tengu*[3] rồi kìa.

[3] Tengu là tên một con quái vật tưởng tượng trong văn hóa Nhật Bản, có mặt đỏ, mũi dài, trên lưng có cánh và trên tay cầm một chiếc quạt.

Một góc của dãy núi trước mặt, hứng những cơn gió núi ghé người thổi thốc qua bầu trời xuân âm u nặng trĩu, đã sáng bừng lên. Và ở hướng bà cụ chỉ, tảng đá *Tengu* dựng đứng như một cây cột được đeo gọt sơ sài.

Tôi nhìn tảng đá, rồi nhìn bà cụ, rồi lại nhìn cả hai để so sánh. Với tư cách là một họa sĩ, tôi chỉ ghi nhớ hai gương mặt bà lão, đó là gương mặt bà cụ trong vở *Takasago* và gương mặt phù thủy núi trong tranh vẽ của Rosetsu[4]. Khi xem tranh của Rosetsu, tôi cảm thấy rợn người trước hình ảnh toàn bích về một bà lão. Tôi cho rằng một hình ảnh như thế phải được đặt vào giữa cảnh rừng lá đỏ mùa thu hay dưới ánh trăng lạnh lẽo. Đến khi xem vở kịch *No* của sân khấu Hosho, tôi mới ngạc nhiên nhận ra rằng ở một bà lão vẫn có những nét biểu hiện tình cảm dịu dàng như vậy. Hẳn là chiếc mặt nạ của nhân vật ấy[5] phải là tác phẩm của một nghệ sĩ tài hoa. Tiếc là tôi không

nghe rõ được tên tác giả, nhưng có thể thấy rằng thể hiện hình ảnh một bà lão như vậy là vừa sâu sắc, vừa điềm tĩnh lại vừa nồng hậu. Đó là thứ đạo cụ không phù hợp với kiểu phong đất vàng, với gió xuân hoặc hoa anh đào. Tôi cho rằng hơn cả tảng đá *Tengu*, hình ảnh bà cụ mặc áo cộc tay đang rướn người chỉ về đằng xa như thế này là một cảnh tượng tuyệt đẹp trên đường núi mùa xuân. Tôi cầm cuốn sổ phác thảo lên, hy vọng ghi được hình ảnh đó nhưng ngay lúc ấy thì bà cụ đã đổi tư thế mất rồi.

[4] Nagasawa Rosetsu (1754 - 1799) là một họa sĩ Nhật Bản nổi tiếng thời Edo.

[5] Diễn viên chính trong kịch No Nhật Bản luôn đeo mặt nạ khi diễn xuất để thể hiện vai diễn.

- Trông cụ cũng quắc thước nhỉ, tôi vừa hơ lên lửa cuộn sô đã trở nên thừa thãi trên tay, vừa nói.

- Vâng, may mắn là tôi vẫn khỏe. Vẫn cầm kim may vá, xe sợi gai, xay bột làm bánh được.

Tôi muốn được nhìn bà cụ xay bột bằng chiếc cối xay bằng đá nhưng không dám đề nghị nên đổi đề tài:

- Từ đây tới Nakoi chắc khoảng ba cây

số cụ nhỉ?

- Vâng, cũng gần ba cây số. Chắc là anh định qua chỗ suối nước nóng bên ấy...?

- Cháu cũng định nghỉ lại nếu chỗ đây không quá đông người. Nhưng để xem thế nào đã.

- Không đông đâu. Từ lúc chiến tranh thì chẳng có người đến nữa. Bên đó hầu như đóng cửa suốt.

- Lạ nhỉ. Vậy chắc là không trọ lại được rồi.

- Không, nếu đến gọi thì lúc nào họ cũng

sẵn sàng.

- Chỉ có một chỗ nhà trọ thôi cụ nhỉ?

- Ừ, cứ hỏi nhà ông Shihoda thì biết ngay. Nhà giàu trong làng đấy, nhưng chẳng biết là khu nghỉ dưỡng hay là chỗ ẩn cư.

- Nếu vậy thì không có khách cũng chẳng hề gì.

- Anh mới đến lần đầu tiên à?

- Không ạ, trước đây ít lâu cháu cũng có lần đi qua rồi.

Một thoáng im lặng. Trong lúc mở sổ tay
lặng lẽ phác họa mấy con gà, tôi nghe
thấp thoáng tiếng nhạc ngựa leng keng
văng vẳng. Những âm thanh này tự hình
thành trong tôi một bản hòa âm theo nhịp
điệu riêng. Tôi có cảm giác như mình
nghe tiếng cối xay từ nhà bên cạnh vọng
sang đều đều trong ngủ giấc ngủ lơ mơ.
Tôi ngừng phác họa, ghi bên lề trang
giấy đang vẽ một bài thơ:

Tiếng nhạc ngựa

I'nen lắng tai nghe

Gió xuân

Trên đường lên núi tôi đã gặp năm, sáu con ngựa. Cả năm sáu con đều được thắt đai và đeo nhạc. Khó mà hình dung đó là những con ngựa của cuộc sống ngày nay.

Điệu nhạc ngựa êm đềm vắng lại đã xé tan giấc mơ về một con đường núi vắng vẻ đang giữa mùa xuân. Có chút gì vui tươi lắng sâu vào đáy của nỗi buồn trong những âm thanh ấy, giống như tiếng hát được vẽ vào trong một bức tranh.

Điệu nhạc ngựa

Hơn cả tiếng đàn Suzuka

Mùa xuân.

Bài thơ lần này tôi viết thành dòng
nghe. Viết ra rồi, tôi lại cảm thấy như
đây không phải là thơ của mình.

- Lại có ai đến đây. Bà cụ nói, nửa như
đang độc thoại.

Bởi vì chỉ có một con đường mùa xuân
này thôi, nên người đi người về ai cũng
ghé vào quán nước. Có lẽ một trong số
năm, sáu con ngựa mà trước đây tôi đã
gặp khi chúng đi xuống núi, bây giờ quay
trở lên, và mỗi lần nghe tiếng nhạc leng
keng thì bà cụ đều nghĩ rằng có ai đó
đến. Chắc hẳn bà cụ đã sống qua không
biết bao nhiêu mùa xuân từ trước đến

nay bên con đường cô tịch này, trong
ngôi làng nhỏ bé ngập tràn hoa mà đêm
mãi tiếng nhạc ngựa cho đến tận bây giờ,
khi mái đầu bạc trắng.

Tiếng nhạc ngựa

Nhuộm mái đầu bạc trắng

Vãn xuân

Tôi viết bài thơ trên vào trang kế tiếp
nhưng không thể diễn đạt hết cảm xúc
của mình. Cảm thấy cần phải trau chuốt
ngôn từ thêm chút nữa nên tôi cứ suy
nghĩ và chăm chăm nhìn vào đầu chiếc
bút chì. Tôi muốn thể hiện cô đọng trong

mười bảy âm tiết những tứ thơ “tóc trắng”, “giai điệu ngày xưa”, và chọn câu mở đầu là “Tiếng nhạc ngựa”, rồi cũng thêm cả quý ngữ chỉ mùa xuân nữa[6]. Trong khi đang loay hoay với những tứ thơ thì có tiếng ngựa thồ dừng lại trước nhà, rồi ai đó cất tiếng:

[6] Quý ngữ là từ chỉ mùa, một đặc trưng của thể thơ haiku. Theo quy ước của thể thơ này, quý ngữ có thể là từ gọi tên mùa hoặc là tên gọi một hình ảnh đặc trưng của một mùa nào đó trong năm, chẳng hạn như hoa anh đào là hình ảnh tượng trưng cho mùa xuân, chim quỳên tượng trưng cho mùa hạ...v.v...

- Xin chào!

-Ồ, anh Gen đây à? Lại đi xuống phố hả?

- Cự cần gì thì cứ bảo cháu nhé.

-Ừ nhỉ, nếu anh có đi qua khu phố Kaji thì lấy giúp cho con bé nhà tôi một lá bùa[7] ở chùa Reigan nhé.

[7] Chùa ở Nhật Bản thường bán những lá bùa cho khách đến thăm. Khách mua những lá bùa này với mục đích cầu sức khỏe, hạnh phúc...v.v...

- Vâng, cháu sẽ mang về. Một lá thôi phải không? Cô Aki đã được gả về nơi tử tế và sống hạnh phúc rồi, phải không cụ?

- Giờ thì cũng may mắn là chưa có chuyện gì. Ủ, thì cũng có thể nói là hạnh phúc.

- Tất nhiên là hạnh phúc chứ, thưa cụ. Chỉ cần so sánh với cô gái ở chỗ Nakoi kia thì biết.

- Ủ, tội nghiệp thật đấy. Người đẹp như thế mà... Đạo này mọi chuyện có khá hơn không?

- Ôi, vẫn như mọi khi thôi ạ.

- Rõ khô! Bà cụ thở dài sống sượng.

- Đúng là khô thật. Anh Gen vuốt mũi con ngựa.

Những giọt nước mưa từ bầu trời xa thẳm rơi xuống vẫn còn đọng lại trên tán cây anh đào núi rậm cạnh, lúc này bị một cơn gió thổi qua cuốn khỏi nơi trú ẩn tạm thời, rơi xuống lộp độp. Con ngựa giật mình, hắt chiếc bờm dài. Tiếng anh Gen kêu “Họ!” hòa cùng tiếng nhạc ngựa leng keng đã kéo tôi ra khỏi dòng suy tưởng.

Bà cụ bảo:

- Anh Gen này, tôi vẫn còn nhớ rõ, như đang thấy trước mắt mình, hình ảnh cô ấy lúc đưa dâu. Áo hoa dài tay, tóc búi cao kiểu *takashimada*[8], ngồi trên lưng ngựa...

[8] Kiểu búi tóc của phụ nữ Nhật Bản khi mặc kimono, đặc biệt các cô dâu thường búi tóc kiểu này khi mặc trang phục truyền thống trong lễ cưới.

- Đúng rồi. Không phải thuyền mà là ngựa. Có nghỉ lại ở đây cụ nhĩ.

- Ừ. Rồi khi ngựa của cô dâu dừng lại dưới cây hoa đào kia thì hoa rơi lả tả,

rắc lôm đôm lên cả mái tóc đã được búi công phu.

Tôi lại mở sổ ký họa. Cảnh này có thể đi vào tranh vẽ, mà cũng là một tứ thơ. Tôi thử tưởng tượng hình ảnh cô dâu lúc đó, rồi viết rằng:

Cô dâu trên lưng ngựa

Lộng lẫy lướt qua

Mùa hoa

Điều kỳ lạ là, tôi có thể hình dung rõ trước mắt mình hình ảnh về trang phục, mái tóc của cô dâu, cả con ngựa và hoa

anh đào, nhưng chỉ riêng gương mặt cô thì không sao mừng tượng được. Trong lúc tôi đang suy nghĩ xem nên vẽ gương mặt kiểu này hay kiểu khác, thì đột nhiên gương mặt nàng Ophelia trong tranh vẽ của Millais[9] hiện lên lấp vừa vặn vào bên dưới mái tóc búi cao của cô dâu. Không được rồi, tôi xóa vội những nét vẽ mà mình vừa phác thảo một cách thận trọng. Hình ảnh về trang phục, mái tóc, con ngựa và hoa anh đào phút chốc đã biến mất trong tôi, chỉ có hình ảnh nàng Ophelia trôi trên dòng nước với hai tay chấp lại là vẫn chập chờn trong tâm tưởng, như một làn khói mờ ảo không thể nào quét sạch bằng chổi được. Trong tôi dậy lên một cảm giác lạ lùng khó tả, như

thể vừa nhìn thấy sao chổi kéo một vệt sáng ở đuôi quét ngang qua bầu trời.

*[9] John Everett Millais (1829 - 1896)
là họa sĩ người Anh.*

- Thôi xin phép cụ, cháu phải đi đây.
Anh Gen cất tiếng chào.

- Lúc về anh lại ghé chơi nhé. Có lẽ mưa to lại làm cho đoạn đường “bảy khúc quanh” khó đi hơn đây.

- Vâng, chắc là hơi vất vả.

Anh Gen đáp lời rồi quay đi. Con ngựa cũng bước theo sau. Tiếng nhạc cứ leng

keng leng keng mãi.

- Anh chàng đấy ở Nakoi phải không cụ?
- Vâng, anh Genbei ở Nakoi đấy.
- Anh ấy đã từng đưa cô dâu vượt đèo trên lưng ngựa kia à?
- Trong lễ đưa cô gái nhà Shihoda xuống làm dâu dưới phố, anh Genbei đã cầm cương con ngựa chở cô dâu. Ngày tháng trôi nhanh quá, mới đây mà đã năm năm rồi.

Những ai chỉ khi đứng trước gương mới thấy buồn phiền vì tóc mình đã bạc là

người hạnh phúc. Còn như bà cụ này, chỉ nhận ra thời gian năm năm trôi nhanh khi đếm ngón tay, thì có lẽ đã gần thoát tục rồi.

- Chắc là đẹp lắm nhỉ. Ước gì cháu được nhìn cảnh ấy.

Bà cụ cười to:

- Bây giờ cũng nhìn được đấy chứ. Nếu anh đến chỗ suối nước nóng thì chắc chắn là cô ấy sẽ ra chào đấy.

- Ô, bây giờ cô ấy vẫn ở trong làng đây ă? Giá mà cô ấy vẫn mặc áo cưới truyền thống dài tay và búi tóc kiểu cô dâu nhỉ!

- Nếu mà anh đề nghị thì cô ấy sẽ mặc cho xem đây.

Tôi nghĩ làm sao mà có chuyện như thế được. Nhưng bà cụ có vẻ rất nghiêm túc. Một chuyến đi tìm kiếm sự thoát ly tình cảm đời thường mà không gặp những chuyện thế này thì còn gì là thú vị!

- Cô ấy giống hệt nàng Nagara. Bà cụ bảo.

- Giống gương mặt ạ?

- Không. Giống về hoàn cảnh ấy.

- Thế ă? Nhưng nàng Nagara ấy là ai thế?

- Nghe nói ngày xưa ở làng có một cô gái rất xinh đẹp, con của một gia đình giàu có. Người ta gọi là nàng Nagara.

- Thế à?

- Có hai người đàn ông cùng yêu cô ấy đấy, anh ă.

- Thế đấy!

- Không biết nên ngả về phía chàng Sasada hay chàng Sasabe, suốt ngày cô ưu tư sầu muộn. Vì không dứt khoát được

nên cô rất khổ tâm. Cô đã trảm mình xuống sông tự vẫn, sau khi đọc bài thơ:

Rồi mùa thu sang

Giọt sương mong manh

Tan trên đầu ngọn cỏ

Cuộc đời tôi cũng thế

Sẽ tan vào hư vô.

Tôi không hề nghĩ là mình lại gặp được một sơn thôn thơ mộng thế này, với một bà lão hết sức thú vị, và còn được nghe những câu chuyện xưa cũ bằng một thứ

ngôn ngữ cổ xưa và thanh tao đến thế!

- Từ đây đi về phía đông khoảng gần một cây số thì sẽ gặp một ngôi mộ hình tháp năm tầng. Nhân tiện trên đường đi anh có thể ghé thăm mộ của cô gái ấy.

Tôi thề nhủ mình nhất định phải ghé xem. Rồi bà cụ kể tiếp:

- Cô gái ở Nakoi cũng có hai anh chàng theo đuổi. Một anh thì cô gặp khi đi học ở Kyoto, còn anh kia là người giàu có nhất ở vùng này.

- Ồ, vậy cô ấy phải lòng anh nào?

- Bản thân cô ấy thì nhất định muốn gần bó với anh chàng ở Kyoto, nhưng vì nhiều lý do, bố mẹ cô đã gả cô cho người ở vùng này...

- May mà cô ấy không trầm mình xuống sông đấy nhỉ.

- Chuyện là... anh chàng này vì ngưỡng mộ mà muốn cưới cô ấy nên có lẽ cũng rất chiều chuộng cô. Nhưng cô gái thì vốn mang tâm lý bị cưỡng chế nên không hòa hợp được với chồng, vì thế bố mẹ cô cũng rất lo lắng. Rồi khi chiến tranh xảy ra thì ngân hàng nơi chồng cô làm việc bị giải thể, và cô ấy về lại Nakoi. Thiên hạ chỉ trích cô đủ điều, cho rằng cô là

người bạc tình, không nhân nghĩa. Cô vốn là người rất hiền lành nhút nhát nhưng dạo này hay nổi loạn, mỗi khi ghé lại đây anh Genbei đều nói rằng mọi việc có vẻ là không ổn...

Nếu mà nghe tiếp thì câu chuyện sẽ mất hay. Giống như khi ta sắp bay bổng lên cõi tiên thì bỗng có ai đó giằng níu lại. Tôi đã mạo hiểm vượt qua những đoạn đường khúc khuỷu để đến được nơi này, nên nếu mà sơ hở để bị kéo trở lại thế giới trần tục thì thật là phí công vô ích cho một cuộc dân thân. Nếu ta lưu tâm quá mức đến những chuyện đời thường, thì mùi tục lụy sẽ thấm vào da thịt, làm dơ bản và nặng thêm thân xác.

- Cụ ạ, con đường này dẫn đến Nakoi có phải không? Tôi đặt mấy đồng tiền lẻ lên chiếc bàn nhỏ và đứng dậy.

- Từ chỗ mộ tháp năm tầng rẽ sang bên phải thì có một con đường tắt khoảng chừng tám trăm mét. Đường hơi xấu nhưng hình như những người trẻ tuổi thì thích đi lối ấy hơn... Chỗ tiền nước này hơi nhiều đấy... Thôi anh đi cẩn thận!

Chương 3

Đêm qua thật lạ lùng.

Lúc tôi đến nhà trọ thì đã tám giờ tối, nên tất nhiên tôi chẳng nhận ra cách bài trí căn nhà hay khu vườn là theo kiểu phương Đông hay phương Tây nữa. Tôi được dẫn đi lòng vòng một hồi lâu theo lối đi có vẻ là một dãy hành lang ngoằn ngoèo, cuối cùng thì đến một căn phòng nhỏ, rộng chừng sáu chiếu[1]. Khác hẳn quang cảnh khi tôi ghé lại trước đây. Ăn tối xong, tôi đi tắm rồi trở về phòng uống trà thì có một cô gái đến xin phép dọn

phòng.

[1] Theo truyền thống văn hóa Nhật Bản, diện tích của phòng ở được tính theo số lượng chiếu trải sàn.

Điều hết sức kỳ lạ là tất cả mọi việc, từ việc tiếp đón khi tôi mới đến, phục vụ ăn tối, hướng dẫn khu vực tắm nước nóng cho đến việc dọn dẹp trong phòng, nhất nhất đều do cô gái này phụ trách. Và rất hiếm khi cô mở miệng. Kiểu cách thì hết sức quê mùa. Khi dẫn tôi đi lòng vòng qua lối đi giống như là cầu thang ngoài hành lang, cô thắt một chiếc *obi*[2] màu đỏ chẳng hợp chút nào, tay cầm một cây đèn kiểu cổ, rồi vẫn chiếc *obi* và cây đèn

lúc dẫn tôi đi thăm thăm xuống lối cầu thang ấy để đến bể tắm nước nóng. Có cảm giác như mình đang đi lại trong một bức tranh.

[2] Kiểu thắt lưng rộng bản, phụ nữ Nhật thường dùng khi mặc kimono.

Trong bữa ăn, cô nói rằng vì những phòng khác chưa được dọn dẹp do dạo gần đây vắng khách, nên tôi chịu khó ở tạm trong gian phòng vẫn dùng cho gia đình. Trái sắn xong, cô “chúc ngủ ngon”, tiếng nói nhỏ và chậm rãi, nghe có vẻ ấm áp tình cảm đời thường. Rồi cô ra khỏi phòng, tiếng bước chân xa dần phía dưới đoạn cầu thang khúc khuỷu. Sau đó thì

mọi thứ chìm trong yên lặng, giống như không có sự tồn tại của con người.

Từ lúc sinh ra đến giờ tôi chỉ mới trải nghiệm như thế này một lần. Hồi ấy tôi đã từng đi xuyên qua tỉnh Boshu từ Tateyama, đi bộ dọc theo bờ biển từ Kazusa đến Choshi. Có một đêm tôi nghỉ lại ở một chỗ nọ. Chỉ có thể nói là “một chỗ nọ” vì không còn cách nào khác. Bây giờ thì tôi đã quên mất tên gọi vùng đất đó và quên cả tên nhà trọ ấy rồi. Vấn đề là tôi không biết nơi mình trọ lại khi ấy liệu có phải là một quán trọ chẳng. Trong gian nhà cao và rộng chỉ có hai người phụ nữ. Khi tôi hỏi xin tá túc, người phụ nữ lớn tuổi hơn nhận lời, và cô gái trẻ

tuổi dẫn tôi lên phòng.

Chúng tôi đi qua nhiều căn phòng rộng nhưng đã xuống cấp để đến gian phòng ở phía trong cùng trên tầng lửng. Khi tôi vừa bước được ba bước từ hành lang để vào phòng thì bụi trúc tựa vào dưới mái hiên đón gió đêm rì rào chọt lả ngọn qua vai rồi sượt qua mái tóc làm tôi thoáng rùng mình. Tấm ván làm ban công đã cũ đến rệu rã. Và khi tôi bảo rằng năm tới chắc là măng tre sẽ đâm xuyên qua ban công rồi mọc khắp phòng thì cô gái trẻ không nói gì mà chỉ cười tùm tùm rồi quay đi.

Tối hôm ấy những cành tre cứ rít lên kéo

kẹt ở đầu giường làm tôi không ngủ được. Khi tôi mở tấm cửa trượt thì nhìn thấy một khu vườn mọc đầy cỏ dại. Dưới ánh trăng đêm hè vàng vạc, tôi phóng tầm mắt quan sát thì thấy ngay phía trước mặt mình ở đằng xa cỏ mọc dồn thành đụn cao như những ngọn đồi lớn trải dài, và chẳng có hàng rào hay bức tường nào cả. Ngay phía bên kia đồi cỏ là đại dương bao la cuộn cuộn sóng như đe dọa thế giới con người. Tôi cứ mở mắt chong chong cho đến khi trời sáng, nằm chịu đựng trong chiếc mừng kỳ lạ mà nghĩ rằng phải chăng đây là cảnh tượng được miêu tả trong loại truyện *kusazoshi*[3].

[3] *Kusazoshi* là một loại tiểu thuyết

bình dân, phổ biến vào khoảng trung kỳ và hậu kỳ thời Edo (1603 - 1867).

Sau đó tôi cũng đi nhiều nơi nhưng cho đến đêm vừa rồi mới trải nghiệm cảm giác như lần ấy, khi ở lại quán trọ Nakoi.

Tôi nằm ngửa lúc đi ngủ, khi tỉnh cò mở mắt nhìn lên thì thấy ở phía trên cửa trượt một bức thư pháp lồng trong chiếc khung sơn màu đỏ. Dù đang ở tư thế nằm tôi cũng có thể đọc rõ dòng chữ: “*Bóng trúc quét thêm, không dấy bụi*”, và cũng thấy rõ tên Daitetsu ghi trên đó. Mặc dù không hiểu gì về thư pháp nhưng tôi vốn rất thích chữ viết của hòa thượng Kosen thuộc phái Obaku[4].

[4] Obaku là tên của một phái Thiền Nhật Bản, do Thiền sư Obaku sáng lập, tách ra từ phái Thiền Lâm Tế.

Các vị sư như Ingen, Sokuhi, Mokuan mỗi người đều có nét tài hoa riêng, nhưng chữ viết của Kosen là sắc sảo và điêu luyện nhất. Khi nhìn dòng chữ này, từ nét bút cho đến cách viết, tôi cứ bị ám ảnh bởi cảm giác đó là chữ của Kosen. Nhưng vì tên Daitetsu đã được ghi rõ ràng nên chắc là không phải. Như vậy thì có lẽ phái Obaku còn có một nhà sư tên là Daitetsu. Nhưng màu giấy thì vẫn còn rất mới. Chắc hẳn là bức chữ này mới được viết trong thời gian gần đây.

Tôi trở mình nằm nghiêng. Và nhìn thấy bức tranh hạc của Jakuchu[5] treo ở hốc tường[6]. Quan sát những tác phẩm nghệ thuật trong phòng bằng con mắt nghề nghiệp, tôi công nhận bức tranh này là xuất sắc nhất ở đây. Tranh hạc của Jakuchu nói chung là có nhiều sắc thái tinh tế. Nhưng đặc biệt ở bức tranh này những con hạc với thân hình như quả trứng phủ lông mềm mại, đứng mảnh khảnh trên một chân hiện lên qua nét vẽ phóng túng và dứt khoát, ngay cả phần đầu nhọn của những chiếc mỏ dài cũng toát ra vẻ thanh thoát tự nhiên. Kề bên hốc tường có một chiếc kệ và một chiếc tủ xếp nối tiếp nhau. Tôi không biết có

những gì bên trong chiếc tủ ấy.

[5] Ito Jakuchu (1716 - 1800) là một họa sĩ Nhật Bản thuộc trường phái Kano, chuyên vẽ tranh sơn thủy, đặc biệt nổi tiếng với loại tranh hạc.

[6] Hộc tường là một vị trí được quy ước trong nhà ở Nhật Bản truyền thống, là nơi trang trọng nhất của ngôi nhà, thường được trang trí bằng một bức tranh hoặc thư pháp treo tường và một bình hoa đặt trên sàn nhà.

Rồi tôi chìm vào một giấc ngủ êm đềm.
Và đi vào giấc mơ.

Nàng Nagara mặc áo *kimono* tay dài, cưỡi con ngựa trắng đi qua hẻm núi. Đột nhiên, hai anh chàng Sasada và Sasabe phóng ra, giằng kéo cô từ hai phía. Cô gái bỗng nhiên biến thành nàng Ophelia, nằm trên cành liễu, vừa trôi theo dòng sông vừa cất lên giọng hát mượt mà. Định cứu cô gái, tôi cầm một cây sào dài chạy theo đến tận Mukojima. Cô gái không có vẻ gì là đau khổ, vẫn tươi cười hát vang và trôi vô định trên dòng nước. Tôi vác cây sào, ời ời gọi với theo.

Đến đây thì tôi tỉnh giấc. Phía dưới cánh tay đồ mồ hôi. Tôi biết mình vừa trải qua một giấc mơ lạ lùng, cái phàm tục pha lẫn với sự thanh thoát. Ngày xưa, Thiên

sư So Daie có nói rằng, khi đã ngộ đạo rồi thì tâm ý sáng suốt không có gì vướng bận, nhưng chỉ trong giấc mơ là vẫn còn xuất hiện dục ý. Trong một thời gian dài tôi đã khổ sở vì suy ngẫm điều đó, mãi đến bây giờ mới hiểu ra. Những người lấy nghệ thuật làm lẽ sống nếu không gặp những giấc mơ đẹp thì không phát triển được. Nhưng một giấc mơ như thế này thì chẳng đi vào hội họa hay thơ ca gì cả, tôi nghĩ thế và định ngủ tiếp thì chợt nhận ra không biết từ lúc nào ánh trăng đã chiếu lên cửa trượt, in bóng mấy cành cây nghiêng nghiêng. Một đêm mùa xuân thật là trong trẻo.

Hình như trong trạng thái mơ màng tôi

nghe có tiếng ai đang khe khẽ hát. Tôi lắng tai nghe, không hiểu là tiếng hát trong giấc mơ đi vào thế giới này, hay là giọng hát từ cuộc đời thực đã len vào thế giới của mộng ảo xa xôi. Đúng là có ai đang hát thật. Một chất giọng trầm ấm và êm dịu, một chuỗi âm thanh ngân nhẹ mơ hồ trong một đêm xuân mà người ta không nữa ngủ. Điều kỳ lạ là tôi không chỉ nghe được giai điệu mà còn nghe loáng thoáng ca từ, mặc dù tiếng hát từ xa vắng lại nên khó mà nghe rõ được. Đó là những câu trong bài thơ của nàng Nagara, được lặp đi lặp lại nhiều lần:

Rồi mùa thu sang

Giọt sương mong manh

Tan trên đầu ngọn cỏ

Cuộc đời tôi cũng thế

Sẽ tan vào hư vô.

Tiếng hát mà thoát nghe có vẻ như vang lên gần chỗ mái hiên đã nhỏ lại và xa dần. Khi điều gì chấm dứt đột ngột, ta sẽ cảm thấy hơi bất ngờ, nhưng cảm giác hụt hẫng chỉ thoáng qua. Một giọng hát có kết thúc rõ ràng sẽ tạo cho người nghe cảm giác về một sự hoàn chỉnh. Còn khi nghe cái gì cứ kéo dài mãi và nhỏ dần đi một cách tự nhiên rồi biến mất không

biết từ lúc nào thì chúng ta cũng rút lại từng giây, chia nhỏ từng phút trong tâm trạng hồi hộp vô cùng. Trong sâu thẳm bài hát này có nỗi phấp phỏng như tâm trạng của một người vợ bên người chồng hấp hối nhưng chưa tắt thở, như khi ta nhìn một ngọn nến sắp tàn nhưng vẫn leo lét cháy. Có vô vàn những nỗi sầu muộn về mùa xuân trần thế mong manh.

Từ nãy đến giờ tôi vẫn nằm trong giường để nghe, nhưng khi giọng hát xa dần thì tai tôi cứ muốn đuổi theo những âm thanh ấy, dù biết rằng mình đang bị mê hoặc. Có cảm giác khi tiếng hát càng nhỏ lại thì tai tôi càng thể hiện vai trò của chúng và muốn bay theo dấu vết của những âm

thanh đó. Trong khoảnh khắc trước khi tiếng hát tan biến hẳn, tôi không chịu nổi đã bất giác tung mền dậy và mở toang cánh cửa. Ngay lập tức từ đầu gối tôi trở xuống ngập trong ánh trăng chênh chếch. Và bóng những cành cây đong đưa trên bộ quần áo ngủ tôi đang mặc.

Lúc vừa mới mở cửa tôi không hề chú ý đến điều đó. Tôi nôn nóng tìm kiếm tiếng hát đã thôi thúc đôi tai mình... Và kia, một bóng người mờ ảo hiện ra dưới ánh trăng lạnh lẽo, đang trầm mặc tựa vào một gốc cây hình như là hải đường. Trong khoảnh khắc mà tôi vừa thoáng nghĩ có phải người ấy chăng, thậm chí tôi còn chưa kịp xác nhận điều đó trong ý

thức thì cái bóng đen kia đã giẫm lên bóng hoa đi về hướng bên phải. Rồi cánh cửa gian phòng ở góc dãy nhà, kê sát phòng tôi đang ở khẽ mở ra, một dáng con gái cao cao lướt nhanh vào bên trong, biến mất khỏi tầm nhìn.

Tôi vẫn đứng một lúc lâu trong tâm trạng bồi hồi, tay vịn vào cánh cửa trượt, trên người chỉ có một lớp áo *yukata* mà quán trọ dành cho du khách, và ngay khi sức tỉnh thì nhận ra tuy đã vào mùa xuân nhưng trên núi vẫn còn khá lạnh. Tôi quay lại chui vào mớ chăn mềm bỏ trống và tiếp tục suy nghĩ. Tôi lấy chiếc đồng hồ bỏ túi đặt dưới gối ra xem thì thấy hơn một giờ mười phút, rồi lại đặt đồng

hồ vào dưới gối và suy nghĩ tiếp. Chắc hẳn không phải là ma. Nếu không phải ma thì là người, mà người thì phải là phụ nữ. Hay có thể là cô con gái trong nhà này. Nhưng nếu là cô gái đã bỏ chồng về nhà mà nửa đêm lại ra khu vườn tiếp nối những ngọn đồi hoang dại thế này thì có vẻ hơi bất ổn. Nhưng dù sự thật là thế nào thì tôi cũng khó mà trở lại giấc ngủ. Lại thêm chiếc đồng hồ đặt dưới gối cứ kêu tích tắc. Tôi chưa từng để ý đến âm thanh của chiếc đồng hồ bỏ túi, nhưng riêng đêm nay thì tiếng kêu của nó cứ như bảo tôi “Đừng ngủ, đừng ngủ!” và thôi thúc “Suy nghĩ tiếp đi nào!”. Thật quái lạ!

Ngay cả những gì đáng sợ nếu ta nhìn nó đúng như là điều đáng sợ thì cũng có thể trở thành cảm hứng thơ ca. Nếu nhìn những điều kỳ lạ một cách độc lập từ điểm nhìn khách quan thì cũng có cảm hứng vẽ tranh. Cũng theo cách đó mà chuyện thất tình trở thành đề tài của nghệ thuật. Nếu quên đi sự đau khổ vì thất tình, chỉ nhớ đến một cách rõ ràng và khách quan những cảm xúc dịu dàng, sự thấu hiểu lẫn nhau, nỗi buồn lắng đọng, hay thậm chí là bản thân trạng thái tràn ngập đau khổ vì thất tình, thì những điều đó sẽ trở thành chất liệu của văn chương hay mỹ thuật. Cũng có trường hợp người ta tưởng tượng ra chuyện thất tình không có thực, rồi tự mình ôm lấy phiền muộn

và khao khát niềm vui.

Người bình thường thì bảo rằng những người như thế là ngu ngốc, điên rồ. Tuy nhiên, theo quan điểm nghệ thuật thì phải nói rằng, việc tự mình vẽ ra sự bất hạnh rồi thưởng thức và sống trong đó cũng hoàn toàn giống như tự mình vẽ ra trong đầu một cảnh tượng không có thực rồi vui vẻ trong thế giới tưởng tượng kia. Ở điểm này thì biết bao nghệ sĩ trên thế giới (không biết trong cuộc sống đời thường như thế nào) nhưng trong nghệ thuật thì so với người bình thường đều là những kẻ ngu ngốc và điên rồ. Khi mang dép rơm du hành thì suốt ngày chúng ta cứ luôn miệng kêu than vì cực nhọc,

nhưng kể chuyện ngao du cho người khác nghe thì chẳng khổ sở chút nào. Những chuyện thú vị, vui vẻ thì đã đành, ngay cả những chuyện buồn trong quá khứ người ta cũng có thể nói huyên thuyên rôm rả. Đây không phải là chuyện cố ý dối mình lừa người. Chẳng qua là trong những cuộc du hành thì chúng ta chỉ là người bình thường, nhưng trong lúc kể chuyện ngao du thì chúng ta mang thái độ của thi nhân, nên mới có chuyện mâu thuẫn như thế. Như vậy, có thể gọi nghệ sĩ là những người sống trong thế giới chỉ có ba góc, vì thế giới bốn góc quen thuộc đã bị vạt mất một góc dành cho những nhận thức bình thường.

Vì vậy, trong tự nhiên hay trong thế giới con người cũng thế, ở những nơi mà đám đông bình thường tỏ ra e sợ và co cụm lại thì nghệ sĩ nhìn ra được vẻ lung linh vô ngần và thấy được sự quý giá tốt cùng của nghệ thuật. Những người bình thường gọi đó là mỹ hóa. Nhưng thực tế thì chẳng có gì là mỹ hóa cả. Trong thế giới vật chất này từ xưa đã lấp lánh thứ ánh sáng rực rỡ của cái đẹp. Chỉ vì có cái bóng mờ trong mắt làm ta không nhìn rõ, vì những suy tư ngổn ngang trong lòng mà không nhận rõ chân tướng sự vật. Vì không dứt được những phiền muộn của cõi đời, vì bị bó buộc bởi những chuyện được mất, vinh nhục và bị những tham vọng ám ảnh nên người ta cứ sống mà

không chú ý gì đến giá trị thẩm mỹ, trước khi được biết vẻ đẹp của đoàn tàu hỏa trong tranh vẽ của Turner[7], hay vẻ đẹp của linh hồn trong tranh Okyo[8].

[7] Joseph Mallord William Turner (1775 - 1881) là họa sĩ người Anh, thuộc trường phái ấn tượng.

[8] Maruyama Okyo (1733 - 1795) là họa sĩ Nhật Bản thời Edo, vẽ tranh theo phong cách dung hợp giữa hình thức tả thực trong hội họa phương Tây và tranh trang trí Nhật Bản truyền thống.

Nếu xem cái bóng mà tôi vừa nhìn thấy chỉ là một hiện tượng đơn thuần thì cho

dù ai nhìn hay nghe ai cũng là một hình ảnh nhiều thi vị. Suối nước nóng trong thôn vắng, bóng hoa trong chiều xuân, tiếng ngâm thơ dưới ánh trăng hay một hình bóng trong đêm trăng mờ đều là những chủ đề thu hút giới nghệ sĩ. Vậy mà giờ đây, với một chủ đề nên thơ ngay trước mắt mình, tôi lại đi xét nét vớ vẩn và đưa ra những bình luận không cần thiết. Thứ đạo lý cứng nhắc đã xâm phạm vào một thế giới tao nhã khó mà tìm được, thứ thành kiến hẹp hòi giẫm đạp lên sự thăng hoa không dễ có. Như thế thì việc tìm kiếm sự thanh thoát cũng trở nên vô nghĩa. Nếu không đào luyện tinh thần nhiều hơn nữa thì không thể khoác lác trước mọi người rằng mình là nhà thơ

hay là họa sĩ. Tôi từng nghe có câu chuyện kể rằng, họa sĩ người Ý ngày xưa là Salvator Rosa vì muốn tìm hiểu về trộm cắp mà bất chấp sự nguy hiểm của bản thân để gia nhập vào một toán sơn tặc. Một khi đã dứt khoát cầm lấy cuốn sổ tay phác họa cho vào túi rồi dần bước vào cuộc hành trình, nếu không có quyết tâm khám phá như vậy thì thật đáng xấu hổ.

Trong trường hợp này, để trở về với cái nhìn có hồn thơ thì chỉ cần tạo ra không gian để đặt cảm xúc của bản thân trước mặt mình, rồi lùi lại một bước để khám phá cảm xúc ấy một cách khách quan trong trạng thái điềm tĩnh. Nếu là nhà thơ

thì phải có trách nhiệm tự mổ xẻ bản thân và cho mọi người biết rõ bệnh trạng của mình. Có nhiều cách để làm điều đó nhưng cách thuận tiện nhất là khi có bất cứ ý tưởng gì cũng ghi lại bằng thể thơ mười bảy chữ[9]. Thơ mười bảy chữ về hình thức là thể thơ dễ làm nhất, nên người ta có thể làm được dễ dàng ngay cả khi đang rửa mặt, khi ở trong nhà vệ sinh hay trên xe điện. Nhưng không nên khinh suất mà cho rằng làm được thơ mười bảy chữ một cách dễ dàng thì cũng dễ trở thành nhà thơ, và bởi vì trở thành nhà thơ cũng là một kiểu giác ngộ nên cho rằng giác ngộ cũng là điều đơn giản. Theo tôi thì cái gì càng đơn giản hiệu quả lại càng cao, nên ngược lại càng

đáng được tôn trọng. Giả sử ta đang có điều gì tức giận, thì ta ghi lại ngay sự tức giận kia bằng bài thơ mười bảy chữ. Khi làm như thế thì sự tức giận của ta rốt cuộc đã trở thành cơn giận của tha nhân. Người ta không thể vừa tức giận vừa làm thơ *haiku* cùng một lúc. Hay là khi ta khóc, ta có thể biến nước mắt thành thơ. Ngay khi làm được điều đó thì ta đã thấy hạnh phúc rồi. Khi biến nước mắt thành thơ thì những giọt nước mắt đau khổ đã rời khỏi bản thân mình, và ta trở thành một người đàn ông sung sướng vì biết khóc.

[9] *Thể thơ mười bảy chữ là thể thơ haiku.*

Tôi vốn có chủ ý như vậy rồi. Đêm nay, để thực hiện chủ trương đó, nằm trong chăn tôi đã làm mấy bài thơ về những chuyện vừa kể. Vì đang học cách làm việc thận trọng, nghĩ rằng nếu có ý thơ mà không ghi lại thì sẽ quên mất nên tôi lấy cuốn sổ phác họa ra để sẵn ngay bên gối. Bài thơ đầu tiên tôi ghi là:

Ngơ ngẩn

Làm run rẩy giọt sương

Đóa hải đường

Khi đọc lại thì thấy bài thơ không thật

hay nhưng cũng không quá tệ. Rồi tôi viết tiếp:

Bóng hoa

Bóng người con gái

Mơ hồ

Bài này thì bị lặp quý ngữ. Nhưng có hề gì, miễn là ta cảm thấy trong lòng thanh thản. Rồi bài thơ kế tiếp:

Hồ ly

Hóa thành cô gái

Trăng mờ

Toàn là những câu thơ buồn cười. Đúng là thơ của mình nhưng thật là kỳ quặc.

Thế này là ổn rồi. Tôi cứ thoải mái thu giãn, nắm bắt mọi tứ thơ và ghi lại tất cả.

Dưới bầu trời xuân

Những vì sao lạc

Lấp lánh trâm cài

Tóc vừa mới gội

Lướt thướt mây trời

Đêm xuân

Dáng người con gái

Hòa tiếng thơ ngâm

Ôi! Đêm mùa xuân!

Đêm trăng

Hồn cây hiện bóng

Hoa hải đường

Dưới ánh trăng

Mùa xuân

Văng vẳng tiếng ca

Cạn dòng suy nghĩ

Sắp sáng rồi

Đêm xuân một mình tôi

Trong lúc tôi làm thơ, cơn buồn ngủ đã đến lúc nào không biết.

Có lẽ dùng từ “xuất thần” cho hoàn cảnh này là phù hợp nhất. Trong lúc ngủ thì ai cũng quên đi bản thân mình. Còn lúc tỉnh táo sáng suốt thì chắc hẳn không ai quên

được thế giới xung quanh. Sự huyền ảo chỉ xuất hiện ở lẫn ranh mập mờ giữa hai thế giới. Đó là trạng thái quá mơ màng để nói là đang tỉnh, nhưng nói là đang ngủ thì không đúng hẳn vì cũng có nhận biết đôi chút. Đúng hơn, trạng thái ấy giống như ta dồn hai thế giới vào trong cùng một cái chai, rồi cầm cây bút màu của nàng thơ mà khua khoắng để pha trộn lại. Ngay trước khi ta chìm vào giấc mơ, những màu sắc thật của tự nhiên trở nên nhòa nhạt, rồi cả vũ trụ nguyên dạng trôi tuột vào thế giới của sương mù. Bàn tay phù phép của cơn buồn ngủ làm trơn tru những góc cạnh của hiện thực, và trong khi đó thì mạch sống mỏng manh trong ta vẫn khe khẽ đập, hòa vào thế giới đã

được cải biến để trở nên mềm mại dịu dàng. Giống như làn khói là là mặt đất không bay lên được, linh hồn chúng ta không thể dứt khoát lìa bỏ xác phàm. Muốn thoát hẳn ra nhưng cứ mãi quanh quẩn mà không thoát được, cuối cùng linh hồn không thể tồn tại lâu hơn nữa trong trạng thái không cảm xúc, và cái sức sống vô hình mạnh mẽ kia không bị tản mát mà trở lại bám chắc vào tứ chi ngũ tạng, làm nảy sinh trong ta cảm giác cần nơi nương tựa hay khát vọng yêu đương.

Khi tôi đang mơ màng nửa tỉnh nửa mê thì tấm cửa dán giấy bông nhẹ nhàng trượt qua. Một cái bóng con gái mờ mờ

ảo ảo vụt hiện ra ở chỗ trống nơi ngưỡng cửa. Tôi không hề cảm thấy kinh ngạc. Cũng không sợ hãi. Mà chỉ thích thú ngắm nhìn. Nhưng nếu dùng từ “ngắm” thì hơi quá mạnh. Lẽ ra phải nói rằng bóng người con gái mờ ảo đó lướt thẳng vào trong đôi mắt tôi lúc ấy đang nhắm lại. Cái bóng nhẹ nhẹ đi vào phòng, bước trên lớp chiếu mà không hề gây nên những tiếng động mang hơi hướng con người, cứ như một nàng tiên lướt qua sóng nước. Vì tôi đang nhìn bằng đôi mắt nhắm nên không rõ có chính xác hay không, nhưng tôi thấy là bóng người màu trắng, tóc dày và dài phủ xuống sau gáy. Có cảm giác như đó là hình ảnh ta nhìn thấy khi soi lên ánh đèn một bức ảnh mờ,

loại ảnh thịnh hành trong thời kỳ gần đây.

Cái bóng dừng lại trước chiếc tủ. Tủ mở, và trong bóng tối thấp thoáng một cánh tay trắng muốt thò ra bên ngoài tay áo rộng. Rồi cửa tủ đóng lại. Dĩ nhiên là cái bóng lại lướt trên lớp sóng làm bằng chiếu để quay ra. Cánh cửa dán giấy tự động khép. Tôi chìm dần vào một giấc ngủ sâu. Giống như khi người ta đã rời khỏi kiếp người mà chưa đến lúc đầu thai làm trâu hay ngựa vậy.

Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu trong khoảng không lơ lửng giữa kiếp người và kiếp ngựa, rồi thức dậy khi nghe tiếng con gái cười khúc khích bên tai. Nhìn ra

thì thấy màn đêm đã được vén lên, khắp nơi đều chan hòa ánh sáng. Nhìn ánh sáng của ngày xuân rạng rỡ nhuộm thắm những thanh tre đan thành lưới mắt cáo trong ô cửa sổ hình tròn, tôi cảm thấy dường như trong thế giới này không hề có chỗ trú ẩn cho những gì được gọi là ma quái. Có lẽ những gì thần bí đã trở về thiên đàng, đã qua bên kia chiếc cầu dẫn về cõi u minh.

Tôi vẫn mặc nguyên chiếc áo *yukata*[10] đi xuống phòng tắm, ngâm mình thoải mái trong bồn nước nóng khoảng chừng năm phút. Tôi chẳng muốn kỳ cọ mà cũng không muốn đi ra ngoài. Sao đêm đầu tiên ở đây mình lại có tâm trạng như thế

nhỉ? Sự thay đổi trong tự nhiên giữa ngày và đêm như thế này thật là kỳ diệu!

[10] Yukata là loại kimono mỏng, dùng để mặc trong nhà.

Ngay cả việc lau khô thân thể tôi cũng lười nên chỉ phủi qua loa rồi bước ra, người vẫn còn đang ướt. Khi mở cửa nhà tắm bước ra ngoài thì tôi lại gặp một chuyện đáng kinh ngạc.

- Chào anh. Tối qua anh có ngủ ngon không?

Tôi nghe tiếng chào ngay khi đang mở cửa. Vì không nghĩ là có người ở đây,

nên trước câu chào đột ngột này tôi còn chưa kịp đáp lời ngay thì người kia đã nói tiếp:

- Đây này, anh mặc áo vào đi!

Người vừa nói bước vòng phía sau rồi vắt một chiếc *kimono* mềm mại lên vai tôi. Tôi chỉ kịp nói “Ồ, cảm ơn...” như thường lệ, quay lại thì cô gái đã bỏ đi cách mấy bước chân rồi.

Từ xưa đã có thông lệ là tiểu thuyết gia phải thật công phu khi khắc họa diện mạo nhân vật chính. Nếu liệt kê ra hết những lời văn được dùng để bình luận về người đẹp trong các ngôn ngữ Đông Tây kim cổ

thì có lẽ cũng thành một tập hợp đồ sộ không thua kém gì Đại tạng kinh. Trong cái mớ tính từ nhiều đến mức làm người ta phát hoảng kia, không biết có bao nhiêu từ là thích hợp để miêu tả người con gái đang đứng cách tôi ba bước chân, xoay nghiêng người, liếc nhìn về phía sau để nhìn thẳng tôi đang kinh ngạc và lúng túng? Hơn ba mươi năm trải đời, quả là tôi chưa từng gặp một sự biểu hiện tình cảm nào như vậy. Nói theo ngôn ngữ của những nhà phê bình mỹ thuật, thì lý tưởng của điêu khắc Hy Lạp có thể quy về hai chữ “ng nghiêm trang”. Tôi cho rằng nghiêm trang là dáng vẻ con người khi sức sống tiềm ẩn còn chưa được thể hiện thành hành động. Ta không thể biết

được nếu sức sống kia thể hiện thành hành động thì dáng vẻ bên ngoài sẽ thay đổi ra sao, liệu có thành mây mưa hay sấm chớp gì chẳng? Nhờ đó mà hình tượng nghệ thuật có một thứ dư âm mờ hồ, và vì thế mà tác phẩm vẫn giữ được sức hấp dẫn tiềm tàng sau hàng trăm thế kỷ. Mọi vẻ đẹp tôn nghiêm và cao quý trên đời đều ẩn giấu đằng sau một vẻ ngoài trầm tĩnh. Nếu có sự hoạt động thì mọi thứ sẽ hiển lộ. Nếu hiển lộ ra bên ngoài thì tất yếu sẽ dẫn đến một kết cuộc nào đó. Dù kết quả là như thế nào đi nữa thì chắc hẳn là cũng hàm chứa những năng lực đặc thù. Nhưng rốt cuộc dù đạt đến kết quả nào thì cũng trở nên tầm thường vụn vặt, không thể nào quay trở

về với trạng thái viên mãn nguyên vẹn như trước đó. Vì vậy những gì có sự hoạt động hay danh tiếng đều chẳng tốt đẹp gì. Tác phẩm điêu khắc Nio của Unkei[11] và tranh khắc gỗ của Hokusai[12] đều không thành công cũng chỉ vì chữ “động”. Động hay là tĩnh. Đó là vấn đề lớn chi phối sự sống còn của ngành hội họa chúng ta. Chắc hẳn từ xưa đến nay chân dung của những mỹ nhân cũng chỉ là sản phẩm của một trong hai cách vẽ cơ bản ấy mà thôi.

[11] Nio là tượng hai vị thần bảo hộ, thường được đặt hai bên cửa chùa ở Nhật Bản.

*[12] Katsushika Hokusai (1760 - 1849)
là họa sĩ nổi tiếng, thuộc dòng tranh
khắc gỗ Nhật Bản thời Edo.*

Nhưng khi nhìn những gì cô gái này biểu hiện, tôi lúng túng không biết xếp cô vào loại chân dung nào. Nét môi khép kín thành một lằn ngang. Đôi mắt nhanh nhẹn như đang dò xét từng góc nhỏ. Gương mặt trái xoan hơi bầu phía dưới cằm thì mang vẻ đẹp trầm tĩnh sâu sắc nhưng trán thì lại quá hẹp và khắc khổ, vụng về ôm lấy đường tóc rẽ ngôi theo hình núi Phú Sĩ. Lại còn hai đường chân mày mọc lan ra chụm vào nhau, giống như bị vấy mực ở khoảng giữa, cứ giật giật như đang có điều gì nồn nóng. Chỉ có cái mũi là

không mỏng nhọn quá mà cũng không dày nặng quá. Nếu lên tranh thì chắc là đẹp. Mỗi đường nét đều có vẻ độc đáo riêng, và khi tất cả những nét này cùng dồn dập đập vào mắt ta trong một lúc thì ta lúng túng cũng là lẽ tất nhiên.

Một thế giới rộng lớn vẫn yên ổn bấy lâu bỗng bị lỗi ở một góc nào đó, làm cho mọi thứ đều rung động. Vì biết rằng sự rung động ấy là trái với bản chất tự nhiên nên tất cả đều cố gắng trở về với sự yên tĩnh ban đầu, nhưng vì đã ở trong tư thế mất thăng bằng nên sự rung động không thể ngừng lại được, và bây giờ muốn thể hiện cho người khác thấy sự rung động mà mình đang phải chịu đựng kia. Có thể

hình dung cô gái này đang ở trong tình trạng đó, nếu như có tồn tại một trạng thái như vậy.

Vì thế, tôi đã nhìn thấy ở cô ấy một vẻ gì như là sự khát khao nương tựa, ẩn trong cái vẻ ngoài khinh bạc thế kia. Đằng sau sự nổi loạn ẩn chứa một vẻ sâu lắng dịu dàng. Bên trong sự nỗ lực để thể hiện tài năng và khí phách vượt cả hơn trăm người đàn ông là dòng chảy âm thầm của những đam mê trong sáng. Tóm lại là những biểu hiện trên gương mặt cô không thể nào thống nhất về một kiểu. Giống như mê và ngộ tranh đấu với nhau nhưng vẫn tồn tại cùng nhau dưới một mái nhà. Chắc hẳn cái vẻ không hài hòa trên

gương mặt cô gái này là bằng chứng cho sự thiếu cân bằng trong tâm hồn, và sự thiếu cân bằng trong tâm hồn gắn với tình trạng mất cân bằng trong thế giới của cô. Đó là gương mặt thể hiện một con người bị bất hạnh đè nén và đang chống chọi với bất hạnh. Rõ ràng đây là một cô gái không hạnh phúc.

Tôi khẽ gật đầu và lặp lại:

- Cảm ơn!

Cô bật cười:

- Tôi đã dọn phòng rồi đấy. Anh về phòng mà xem. Gặp lại anh sau nhé!

Cô nói xong liền vội vàng xoay người, nhẹ nhàng chạy xuống hành lang. Tóc búi thành búi nặng hình cánh bướm. Cổ áo trắng lộ ra bên dưới búi tóc. Dải thắt lưng đen bằng lụa hình như chỉ giắt có một bên.

Chương 4

Tôi tha thần quay về phòng thì thấy quả nhiên phòng đã được dọn sạch. Vì trong lòng có hơi thắc mắc nên tôi thử mở cửa tủ xem lại. Ở phía dưới có ngăn tủ nhỏ. Một tấm vải dùng làm thắt lưng nhuộm theo phong cách *yuzen*[1] bị xô ra một nửa, buông rủ từ trên xuống. Có thể đoán rằng ai đó vừa lấy vội quần áo rồi đi ra ngoài. Không nhìn thấy nửa trên của tấm vải vì bị lấp trong một bộ trang phục có hoa văn lộng lẫy. Có một ít sách được xếp ở một bên. Trên cùng là cuốn *Orategama* của Thiền sư Bạch Ẩn và

cuốn đầu tiên của *Truyện Ise*. Cái bóng mà tôi nhìn thấy tối qua chắc là có thật.

[1] Một kiểu nhuộm vải đặc biệt, tạo ra nhiều mẫu vải có hoa văn đẹp, quý phái.

Tôi lơ đãng ngồi lên tấm đệm, cuốn sổ phác họa trên chiếc bàn gỗ trắc vẫn đang mở ra một cách chảnh tề với chiếc bút chì kẹp ở giữa. Tôi cầm bút lên định xem lại những bài thơ mà đêm qua mình đã viết say sưa.

Phía dưới bài thơ:

Ngơ ngẩn

Làm run rẩy giọt sương

Đóa hải đường

Lại có một bài thơ ai đó đã viết vào thêm:

Tiếng chim ca buổi sớm

Làm run rẩy giọt sương

Đóa hải đường

Vì nét chữ được viết bằng bút chì nên không thể hiện rõ phong cách, nhưng có vẻ hơi cứng so với nét chữ con gái, mà

lại hơi mềm so với nét chữ của đàn ông.
Và lạ lùng chưa, khi tôi đọc bài thơ:

Bóng hoa

Bóng người con gái

Mơ hồ

Thì lại thấy bên dưới có thêm bài:

Bóng hoa

Bóng người con gái

Lẫn vào nhau

Rồi bên dưới bài thơ:

Hồ ly

Hóa thành cô gái

Trăng mờ

Lại có bài:

Chàng thư sinh

Hóa thành cô gái

Trăng mờ

Tôi nghiêng đầu suy nghĩ, không hiểu

người này định bắt chước hay muốn sửa
những bài thơ tôi viết, hay là định thêm
một chút thi vị vào thơ. Có thể đây là
một kẻ hơi điên. Hoặc là một kiểu giễu
cợt người khác.

Vì đã hẹn là “gặp lại sau”, nên có thể cô
ấy sẽ xuất hiện trong bữa ăn sáng nay.
Nếu mà cô xuất hiện thì có lẽ mọi chuyện
sẽ dễ hiểu hơn một chút. Tôi xem đồng
hồ thì thấy đã hơn mười một giờ. Mình
ngủ nhiều thật! Thế này thì có lẽ chỉ nên
ăn một bữa trưa thôi.

Tôi mở cánh cửa trượt bên phải, đưa mắt
tìm dư âm của tiếng hát đêm qua. Cái cây
mà tôi đoán là cây hải đường thì quả

đúng như vậy, nhưng khu vườn thì hẹp hơn tôi tưởng. Rêu xanh phủ đầy trên bề mặt năm, sáu hòn đá lát lối đi, gợi cảm giác êm dịu khi ta bước chân trần trên đó. Trên sườn núi chạy dài phía bên trái, giữa những tảng đá là mấy cây thông đỏ mọc nghiêng xuống khu vườn. Phía sau cây hải đường có vài bụi cây, xa hơn nữa là một đám trúc xanh rì cao hơn mười mét đang tắm trong ánh nắng ngày xuân. Phía bên tay phải thì bị mái nhà che khuất nên không nhìn thấy được, nhưng nhìn địa hình thì thấy có vẻ là một con dốc thoải thoải, thấp dần về phía bề tấm công cộng.

Hết núi thì đến đồi thấp. Hết đồi thấp thì

mở ra một khu đất bằng phẳng rộng chừng bốn trăm thước. Nối tiếp khoảng đất bằng là phần dưới đáy biển. Rồi đột ngột nhô lên khỏi mặt nước, cách bờ gần bảy mươi cây số, một dải đất có tên là Mayajima - một đảo nhỏ có chu vi chừng ba mươi ki lô mét vuông. Đó là địa hình của vùng Nakoi. Khu nghỉ dưỡng có suối nước nóng nằm nương theo triền núi, với địa hình đồi núi chiếm một nửa khu vườn, nên những kiến trúc ở đây mặt trước thì hai tầng nhưng phía sau là nhà trệt. Chỉ cần thò chân xuống khỏi ban công là gót chân đã chạm vào rêu. Thảo nào đêm qua khi hấp tấp leo lên leo xuống cầu thang hẹp, tôi đã cảm thấy ngôi nhà này có kiến trúc thật lạ kỳ!

Rồi tôi mở cánh cửa sổ bên tay trái. Cành hoa anh đào núi lặng lẽ soi mình trong vũng nước mưa xuân đã đọng từ lúc nào trên tảng đá có bề mặt rộng bằng hai tám chiếu lồm xuống một cách tự nhiên. Hai ba bụi trúc phủ xanh một góc tảng đá. Phía bên kia là một hàng rào làm bằng cây củ khởi. Thỉnh thoảng có thể nghe thấy tiếng cười nói vọng lại từ phía bên kia rào, hẳn là bên đó có con đường mòn từ bãi biển chạy lên đồi. Bên kia con đường có người đi là một đám quýt được trồng trên con dốc thoải dần về phía nam, và ở phía cuối thung lũng là những bụi tre to trắng lóa. Lần đầu tiên tôi mới nhận ra rằng, nhìn từ xa thì lá tre

ánh lên màu trắng bạc. Phía trên đám tre là rừng tùng, có thể nhìn thấy rõ mòn một con đường lát bằng năm sáu bậc đá chạy giữa những thân cây. Hình như bên ấy có một ngôi chùa.

Tôi mở cửa trượt và bước ra ngoài hiên. Ở về phía có thể nhìn thấy biển, cách một khoảng sân ở giữa là một gian nhà mặt trước có hai tầng, với những thanh chắn lan can tạo thành hình chữ nhật. Tôi thấy thật thú vị vì căn phòng mình đang ở, nếu dựa vào chiều cao của lan can, thì cũng cao bằng tầng hai của căn nhà bên kia. Nếu tính cả khu vực tắm nước nóng nằm ở tầng thấp hơn nữa thì có thể nói tôi đang ở vị trí cao nhất trong một căn nhà

ba tầng.

Nhà thì rất rộng. Nhưng ngoại trừ gian nhà hai tầng ở phía đối diện và một phòng nối tiếp dãy hành lang phòng tôi bên góc phải thì dường như hầu hết đều là phòng trọ dành cho khách đang đóng cửa, còn phòng tiếp khách của gia đình và nhà bếp thì chẳng thấy đâu. Khách trọ ở đây ngoài tôi ra thì hình như chẳng còn ai khác. Những căn phòng đang khép cửa thì đóng kín cả cửa chớp suốt ngày, nhưng nếu cửa phòng đã mở thì hình như ban đêm cũng không ai đóng lại. Thậm chí là cửa trước chẳng biết có cài chốt hay không. Có thể nói rằng đối với một cuộc hành trình tìm kiếm sự thăng hoa thì

đây là một nơi lý tưởng.

Kim đồng hồ đã chỉ gần mười hai giờ mà vẫn chưa thấy dấu hiệu gì của bữa cơm trưa. Tôi đã bắt đầu có cảm giác đói bụng, nhưng vì thấy mình đang ở trong cõi thơ “đồi núi hoang vu chẳng thấy người”, nên tự nhủ rằng có phải nhịn một chút cũng không sao. Lúc này mà vẽ tranh thì cũng phiền toái quá. Thơ *haiku* thì tôi không định làm, nhưng vì bắt được dòng cảm hứng nên những dòng thơ cứ nối tiếp nhau một cách dễ dàng. Tôi đã mang hai, ba cuốn sách kèm theo giá vẽ nhưng bây giờ không có hứng thú để đọc. Cứ như thế này, nằm phoir lưng trong tiết trời mùa xuân ấm áp dưới bóng hoa

ngoài hiên nhà thì quả là cực lạc nơi trần thế. Nếu ta suy nghĩ thì sẽ lạc lối ngay. Còn nếu hoạt động thì sẽ rất nguy hiểm. Thậm chí nếu được thì tôi còn muốn nín thở nữa kia. Tôi muốn ở lại đây hai tuần trong trạng thái bất động, như một cái cây mọc rễ trên tám chiếu.

Ngay lúc đó có tiếng bước chân ở hành lang phía dưới, rồi ai đó đi lên cầu thang. Khi tiếng bước chân đến gần thì nghe có vẻ như hai người đang đến. Tôi vừa nghĩ chắc là họ đã đến trước cửa phòng thì một người im lặng quay trở xuống. Cửa trượt mở. Tôi cứ tưởng là người đã gặp ban sáng nhưng hóa ra là cô gái nhỏ nhắn tôi qua. Có cảm giác như

thiếu vắng một điều gì đó.

- Xin lỗi anh vì đã làm cơm hơi muộn.

Cô nói rồi dọn bữa. Chẳng đề cập gì đến bữa ăn sáng. Tôi thấy trong chiếc đĩa hoa văn màu xanh có món cá nướng, và khi mở nắp một chiếc chén thì thấy những con tôm màu hồng ẩn mình trong đám lá dương xỉ non. Thấy màu đẹp, tôi cứ mãi ngắm thức ăn trong lòng chén.

- Anh không thích à? Cô gái hỏi.

- Không. Tôi sẽ ăn ngay bây giờ đây chứ

Tôi nói vậy nhưng cũng cảm thấy nếu mà

ăn mất đi thì cũng hơi tiếc thật. Tôi đã từng đọc trong sách câu chuyện tả cảnh Turner dự một bữa tiệc tối. Ông vừa ngắm món salad bày trên đĩa vừa nói với người bên cạnh rằng màu dịu thật, rằng đây là màu tôi vẫn dùng. Và tôi rất muốn giới thiệu với Turner màu của những con tôm và rau dương xỉ. Trong các loại thực phẩm của phương Tây chẳng có thứ nào đẹp về màu sắc. Có chăng chỉ là salad và củ cải đỏ. Nếu nói về khía cạnh dinh dưỡng thì không biết thế nào, nhưng theo cái nhìn của họa sĩ thì đều là những món ăn kém hấp dẫn. Sang phương Tây tôi mới nhận ra rằng, trong thực đơn của người Nhật từ món súp, đồ ngọt dùng khi uống trà cho đến món cá sống đều được

trình bày đẹp mắt. Khi đến khu ẩm thực truyền thống, chỉ cần ngồi ngắm khay thức ăn trước mặt, dù không hề đụng đũa thì cũng đã được thưởng thức một bữa tiệc no mắt, thật bổ công!

- Hình như trong nhà ta có một cô gái trẻ phải không? Tôi vừa đặt chén cơm xuống bàn vừa hỏi chuyện.

- Vâng ạ.

- Cô ấy là ai thế?

- Bà chủ trẻ đây ạ.

- Vậy ra còn có bà chủ lớn nữa ư?

- Bà đã qua đời năm ngoái rồi ạ.
- Còn ông chủ?
- Vẫn còn đấy ạ. Cô gái là con ông ấy đấy.
- Ý cô nói là bà chủ trẻ đấy à?
- Vâng.
- Ở đây có ai là khách trọ nữa không, cô?
- Không ạ.
- Chỉ một mình tôi ư?

- Vâng.
- Bà chủ trẻ thường ngày làm gì nhỉ?
- Dạ, thì cũng may vá...
- Rồi còn làm gì nữa?
- Chơi đàn *samisen*[2].

[2] Loại đàn ba dây của Nhật Bản.

Điều này quả là bất ngờ. Thật thú vị. Tôi thử hỏi tiếp:

- Rồi còn làm gì nữa không?

Thì cô gái trả lời:

- Cô ấy đi chùa.

Đây cũng là điều bất ngờ. Đi chùa và chơi đàn *samisen* đều là những biểu hiện độc đáo.

- Cô ấy đi chùa để làm lễ phải không?

- Không ạ, cô đến thăm hòa thượng.

- Hòa thượng học đàn *samisen* chẳng?

- Không ạ.

- Vậy thì cô đến đây làm gì nhỉ?

- Đến chỗ ngài Daitetsu đây ạ.

Thì ra vậy. Rõ ràng người có tên là Daitetsu đã viết bức thư pháp trên tường. Nếu suy ra từ những lời cô gái nói thì có lẽ ông là một Thiền sư. Cuốn *Orategama* trong tủ chắc hẳn thuộc về cô ấy.

- Căn phòng này thường ngày vẫn có ai đó ra vào chứ nhỉ?

- Thường thì người đó là bà chủ trẻ đây ạ.

- Vậy thì cô ấy đã ở đây trước lúc tôi

đến hôm qua chứ?

- Vâng ạ.

- Nếu vậy thì tôi thất lễ quá. Mà cô ấy đến chỗ ngài Daitetsu làm gì thế nhỉ?

- Tôi không biết ạ.

- Còn việc gì nữa không?

- Sao cơ ạ?

- Ý tôi hỏi là cô ấy có còn làm việc gì nữa không?

- Dạ, thì nhiều việc linh tinh...

- Việc linh tinh là những việc gì?

- Tôi không biết ạ.

Cuộc đối thoại chấm dứt ở đây. Bữa ăn đã kết thúc. Cô gái thu dọn bát đĩa, và khi cô mở cánh cửa trượt thì bỗng tôi nhìn thấy ở bên kia đám cỏ cây mọc trong sân giữa, trên lan can tầng hai của gian nhà đối diện, hiện ra một gương mặt con gái bên dưới búi tóc kiểu *ichogaeshi*[3]. Cô gái đưa hai tay chống cằm, vẻ mặt tươi sáng như Phật bà Quan Âm đang nhìn xuống phía dưới. Trái ngược với lúc sáng, bây giờ cô có vẻ hết sức điềm đạm. Phải chăng sự thay đổi ấy

là do lúc này cô đang cúi xuống, ánh mắt không nhìn về phía tôi? Người xưa có nói rằng trên cơ thể con người không có gì bằng đôi mắt, quả đúng là ở một con người thì đôi mắt là bộ phận linh hoạt nhất. Từ phía dưới những thanh chắn ban công được tạo hình hoa văn mà cô gái đang trầm tư tựa vào, đôi cánh bướm đang chập chờn bay lên. Thi thoảng chúng như nhập vào làm một, rồi lại tách rời ra. Ngay lúc đó thì cánh cửa phòng tôi trượt mở. Nghe tiếng cửa trượt, cô gái đột ngột chuyển cái nhìn từ đôi bướm sang phía tôi. Tia nhìn từ ánh mắt cô như một mũi tên độc xuyên qua khoảng không giữa hai người, chiếu thẳng vào trán tôi một cách điềm nhiên, không có dấu hiệu

gì tỏ ra quen biết hay thân mật. Trong lúc tôi còn đang sửng sốt thì cô gái trẻ đã khép cánh cửa trượt, trả lại một không gian mùa xuân thanh thản vô cùng.

[3] Một kiểu tóc búi cao của phụ nữ Nhật Bản khi mặc trang phục truyền thống.

Tôi lại nằm ườn ra trên tấm đệm. Chợt nhớ đến mấy câu thơ:

Sadder than is the moon's lost light,

Lost ere the kindling of dawn,

To travellers journeying on,

The shutting of thy fair face from my sight.

(Buồn hơn vàng trắng đã mất đi ánh sáng

Hay bầu trời không còn ánh bình minh

Là khi lũ khách miệt mài dần bước

Không còn được ngắm gương mặt yêu kiều)

Giả sử tôi đem lòng mơ tưởng cô gái có mái tóc búi cao kia, rồi cố gắng hết mình để được nhìn cô ấy, để rồi đau khổ trước

ánh mắt lạnh lùng lướt ngang như khoảnh khắc vừa qua, thì chắc hẳn tôi sẽ gửi gắm mọi cảm xúc, dù sung sướng và hay đau khổ, vào những vần thơ như thế. Rồi có thể còn thêm cả hai câu thế này:

Might I look on thee in death,

With bliss I would yield my breath.

*(Có thể tôi được ngắm nhìn em khi cận
kê cái chết*

Và sung sướng trút hơi thở cuối cùng)

May mắn thay, tôi đã vượt qua ranh giới của những thứ tầm thường được gọi là

tình yêu hay sự lưu luyến ấy, nên dù có muốn cũng không hề biết đến cảm giác đau khổ như vậy. Nhưng mấy câu thơ này lại thể hiện một cách tuyệt vời cái điều mà tôi vừa chứng kiến trong khoảnh khắc vừa qua. Tuy rằng giữa tôi và cô gái có búi tóc kia không có một niềm nhung nhớ thiết tha như thế, nhưng đặt vị thế của hai người lồng vào ý thơ trên thì thật là thú vị. Hoặc là hiểu ý nghĩa của bài thơ này trong hoàn cảnh của chúng tôi thì cũng rất hay. Giữa hai người chúng tôi lúc này đang vướng vắn một sợi chỉ nhân duyên mỏng manh, phần nào giống với tình cảnh trong bài thơ ấy. Nếu nhân duyên chỉ là một sợi chỉ mong manh như thế này thì chẳng có gì là đau khổ. Nhưng đây không

phải là một sợi chỉ thông thường. Nó giống như cầu vồng giăng ngang trời, như sương khói mệnh mang trên đồng ruộng, như sợi tơ nhện lấp lánh giọt sương. Mong manh dễ mất và tuyệt đẹp trong khoảnh khắc mà chúng ta chiêm ngưỡng. Nhưng nếu trong khoảnh khắc chúng ta nhìn ngắm, sợi chỉ bỗng phình to thành sợi dây thừng kéo nước thì sao? Chắc là không nguy hiểm đến mức ấy. Tôi là một họa sĩ. Còn cô ấy thì lại không giống như một cô gái bình thường.

Bất ngờ cánh cửa trượt mở ra. Khi tôi trở mình nhìn ra cửa thì thấy đối tượng của mối nhân duyên ấy, vẫn mái tóc búi cao, đang đứng trên ngưỡng cửa, bung

trên tay chiếc khay có đựng một chén sứ màu ngọc bích.

Cô cười:

- Anh lại ngủ đấy à? Đêm qua anh bị làm phiền hơi nhiều phải không? Tôi đã mấy lần đường đột vào phòng anh, hì hì!

Dĩ nhiên cô chẳng hề tỏ ra rụt rè, bẽn lẽn hay xấu hổ. Đơn giản là cô toàn giành thế chủ động.

- Cảm ơn cô về chuyện hồi sáng nhé!

Tôi nhắc lại. Chợt nhận đây là lần thứ ba tôi lặp lại cùng một lời cảm ơn khách

sáo. Đã ba lần mà vẫn cảm thấy khó nói ra.

Tôi vừa định nhóm dậy thì cô ấy bước đến bên chỗ đầu nằm, ngồi ngay xuống rồi nói với vẻ rất tự nhiên:

- Anh cứ nằm đi. Cứ vừa nằm vừa nói chuyện luôn vậy.

“Ừ phải đấy”, tôi thăm nghĩ và xoay người nằm sấp lại, hai tay chống cằm trên chiếu.

- Tôi sợ anh buồn nên mang đến một chút trà.

Tôi lại buột miệng nói:

- Cảm ơn!

Trên chiếc đĩa đựng đồ ngọt để uống trà có mấy miếng *yokan*[4] trông rất hấp dẫn. *Yokan* là món tôi thích nhất trong các thứ bánh kẹo. Tôi không có cảm giác muốn ăn, nhưng miếng bánh có bề mặt trơn bóng, rắn chắc với chất thạch gần như trong suốt, nhìn theo kiểu nào thì cũng thấy đúng là một tác phẩm mỹ thuật. Đặc biệt là cách chế biến để miếng *yokan* ánh lên màu xanh dịu, giống như một hỗn hợp của ngọc và đá, rất là đẹp mắt. Hơn thế, miếng bánh màu xanh nhạt đang nằm trên chiếc đĩa sứ màu ngọc

bích lấp lánh như mới được sinh ra từ chất sứ, làm tôi bất giác muốn đưa bàn tay ra thử vuốt ve. Bánh kẹo phương Tây không có loại nào cho ta cảm giác thích thú như vậy. Màu sắc của món kem thì có vẻ dịu dàng nhưng hơi ngọt ngạt. Món thạch thì thoát nhìn giống như viên đá quý nhưng châng lằng chứ không đậm thắm như bánh *yokan*. Còn loại bánh hình tháp năm tầng làm bằng sữa và đường cát trắng thì đúng là kinh khủng không tả được.

[4] Yokan là một loại bánh ngọt Nhật Bản có dạng thạch.

- Ừm. Đẹp quá nhỉ!

- Bánh mới mua đấy. Anh Genbei mới mang từ dưới phố về. Tôi đoán là anh cũng thích ăn.

Có lẽ anh Genbei đã nghỉ lại dưới phố đêm qua. Tôi không nói gì mà chỉ ngắm miếng *yokan* trước mặt. Ai mua ở đâu về thì cũng không quan trọng lắm. Chỉ cần biết vẻ đẹp của cái đẹp là đã hoàn toàn mãn nguyện rồi.

- Cái đĩa sứ màu ngọc này có kiểu dáng thật tuyệt. Màu cũng rất đẹp nữa. Không kém cạnh gì so với miếng *yokan*.

Cô gái khúc khích cười. Khóe môi

thoáng nét khinh bạc. Có lẽ cô nghĩ là tôi khoe khoang chữ nghĩa. Quả thật nếu mà tôi cố ý khoe khoang thì cũng đáng bị coi thường. Đó là kiểu thể hiện của những người đàn ông kém thông minh mà hay lạm dụng ngôn từ hoa mỹ.

- Cái này là đồ sứ Trung Hoa à?

- Cái gì? Cô gái chẳng chú ý gì đến cái đĩa sứ màu ngọc bích.

- Trông rất giống đồ sứ Trung Hoa. Tôi bung chiếc đĩa lên nhìn dưới đáy.

- Nếu anh thích mấy thứ kiểu đó thì tôi sẽ mang cho anh xem.

- Ủ, cho tôi xem với.

- Bố tôi rất thích đồ cổ, nên có rất nhiều món. Tôi sẽ nói với bố, rồi hôm nào ông sẽ mang ra mời anh uống trà.

Nghe nói đến trà tôi hơi nản. Trên đời không có loại người nào khoa trương mà tẻ nhạt như những trà nhân. Họ là những người làm cho thế giới nên thơ rộng rãi bị thu hẹp một cách bất thường. Họ cực kỳ tự tôn, tỏ ra hết sức đặc biệt, tự gò bó bản thân mình một cách không cần thiết vào một thế giới cực kỳ chật hẹp, rồi mãi nguyện với việc uống một nhúm bột trà. Nếu có sự thanh nhã trong những quy

tắc rườm rà đó, thì có lẽ một quân đoàn tinh nhuệ phải tỏa ra mùi hương thanh nhã đến diếc mũi! Và những chàng lính rầm rập quay mặt sang phải hoặc tiến lên phía trước đều xứng tầm với những trà nhân vĩ đại! Chẳng qua là một đám người thuộc tầng lớp thương nhân, thị dân, hoàn toàn không hiểu biết gì về những thú vui tao nhã, không biết làm thế nào để trở nên phong lưu nên mới vận dụng một cách máy móc và mù quáng những quy tắc của Rikyu[5] rồi cho rằng như thế là phong lưu lắm vậy. Nói cách khác, nếu xem cách làm đó là một môn nghệ thuật thì ngược lại những nghệ sĩ đích thực đều là những kẻ điên rồ cả.

[5] Rikyu là tên một vị trà sư nổi tiếng ở Nhật Bản, người đã xác lập những quy tắc cơ bản trong trà đạo.

- Cô có nói đến chuyện uống trà, chắc ông cụ phải theo một trường phái nào chứ nhỉ?

- Không, chẳng có trường phái nào đâu ạ. Nếu anh không thích thì không cần phải uống đâu.

- Nếu vậy thì nhân tiện trong lúc ở đây mà được uống cũng hay đấy.

- Hi hi! Bố tôi rất thích mang bộ đồ trà cho khách xem...

- Vậy tôi có cần phải khen không?
- Ông cụ có tuổi rồi, nên nếu được khen thì rất vui.
- Được rồi, tôi sẽ có vài lời tán thưởng.
- Ôi, anh cứ khen ngợi hết lời đi!
- A ha! Lời lẽ của cô đôi lúc chẳng giống kiểu thôn quê chút nào!
- Con người ta đều thuộc kiểu thôn quê hết cả ư?
- Người ta nên thuộc về thôn quê thì tốt

hơn.

- Nếu vậy thì tôi đang có lợi thế cơ đấy!
- Nhưng hình như cô đã từng sống ở Tokyo rồi thì phải?
- Vâng, tôi cũng đã từng sống ở Kyoto. Vì tôi là người lang thang nên cũng biết khá nhiều nơi rồi đấy.
- Cô thích ở đây, hay ở thành phố hơn?
- Ở đâu cũng thế thôi.
- Nơi yên tĩnh như thế này thì bù lại sẽ được thoải mái đúng không?

- Thoải mái hay không thoải mái là tùy thuộc vào cảm nhận của mình thôi. Nếu sống giữa lũ bọ mà không chịu nổi thì làm sao sống trong đám muỗi được?

- Giá có thể đến một nơi không có bọ mà cũng chẳng có muỗi thì hay nhỉ!

- Nếu mà anh biết có nơi nào như thế thì hãy chỉ tôi xem! Nào, anh hãy chỉ ra đi! Cô gái nghiêng người sang phía tôi.

- Nếu cô muốn thì tôi chỉ ra nhé.

Tôi lấy ra cuốn sổ tay dùng để vẽ phác họa. Hình ảnh cô gái cưỡi ngựa đang

ngắm hoa anh đào núi..., tất nhiên tôi mới chỉ phác thảo vài nét chứ chưa vẽ thành một bức tranh. Chẳng qua là ghi lại lốt phớt vài đường nét thể hiện tâm trạng.

- Nào, hãy vào chỗ này đi. Ở đây chẳng có bọ mà cũng không có muỗi

Tôi đưa bức vẽ ra trước mũi cô. Tôi thầm nghĩ, chẳng biết cô có ngạc nhiên hay bối rối gì không, nhưng chắc hẳn cô chẳng tỏ vẻ gì là đau khổ. Cô nhìn bức vẽ một chút rồi gạt phất đi:

- Ôi, sao mà ngọt ngạt thế! Chỉ có bề ngang thôi sao? Anh thích một nơi kiểu đó à? Giống hệt một con cua nhỉ!

Tôi bật cười:

- Ha ha!

Một chú chim sơn ca mới vừa cất tiếng hót ở gần mái hiên chợt ngưng lại và chuyển cành ra phía xa. Cả hai chúng tôi đều cố ý ngừng nói chuyện, lắng tai nghe một lúc lâu, nhưng giọng ca đã bị đứt giữa chừng không dễ gì được cất lên lần nữa.

- Chắc hôm qua anh đã gặp anh Genbei trên núi phải không?

- Ừ.

- Anh cũng đã ghé thăm mộ tháp năm tầng của nàng Nagara rồi chứ?

- Rồi.

Cô gái chẳng giải thích, cũng chẳng kể ngọn ngành gì mà bất ngờ cất tiếng ca:

Rồi mùa thu sang

Giọt sương mong manh

Tan trên đầu ngọn cỏ

Cuộc đời tôi cũng thế

Sẽ tan vào hư vô.

Không hiểu điều gì khiến cô làm như thế.

- Bài ca đó tôi đã được nghe ở quán nước rồi.

- Bà cụ đã kể chuyện cho anh nghe phải không? Bà cụ ấy vốn là người làm ở nhà tôi, ngày tôi chưa lấy chồng... Cô gái kể, và khi cô nhìn sang tôi thì tôi vờ như không biết.

- Hồi ấy tôi còn trẻ. Mỗi lần bà đến tôi đều kể câu chuyện về nàng Nagara. Chỉ có bài ca ấy là mãi bà không nhớ được, nhưng vì nghe nhiều lần quá nên rất cuộc

rồi cũng thuộc lòng.

- Thì ra thế. Tôi vẫn thắc mắc, không biết bà cụ nghe được ở đâu một câu chuyện phức tạp như vậy... Nhưng mà, bài ca ấy cảm động quá phải không?

- Cảm động ư? Nếu là tôi thì tôi không ca những lời như thế. Trước hết, gieo mình xuống sông thì thật ngớ ngẩn, phải không nào?

- Đúng là ngớ ngẩn thật. Nếu là cô thì cô sẽ làm gì?

- Làm gì thì cũng vô nghĩa hết. Chỉ có cách là giữ lấy cả hai chàng, cả Sasada

và Sasabe luôn vậy.

- Cả hai kia à?

- Vâng.

- Cô thật đáng khâm phục!

- Có gì đâu. Chuyện đương nhiên thôi mà.

- Thảo nào cô bảo là chẳng bước vào thế giới của bộ hay của muối!

- Thì người ta vẫn sống được mà chẳng cần phải suy nghĩ như một con cua đấy chứ!

“Ho..o..o.., hokekyoo...”, chú chim sơn ca bắt đầu bị lãng quên hẳn là đã lấy lại phong độ, bỗng dưng hót lạnh lót một tràng dài. Có vẻ như nếu đã bắt đầu suôn sẻ thì sau đó âm thanh cứ tuôn ra một cách tự nhiên. Chú chim treo mình chổng ngược, rung chiếc cổ căng phồng, từ chiếc mỏ nhỏ xíu đang ngoác rộng tuôn ra một tràng dài những tiếng ca không dứt: “Ho..o..o.., hokekyoo...”.

- Một bài ca đích thực! Cô gái bảo.

Chương 5

- **Xin lỗi anh, cho phép tôi tò mò một chút.** Anh là người Tokyo phải không?
- Nhìn tôi giống người Tokyo lắm hay sao?
- Anh nói là “nhìn giống” ư? Nếu mới thoáng nhìn thì... Trước hết, tôi nghe anh nói mấy tiếng là đoán được ngay.
- Anh có biết là tôi ở nơi nào của Tokyo không?

- Để xem nào. Tokyo thì rộng kinh khủng nhỉ. ...Có lẽ không phải là ở khu trung tâm. Chắc ở Yamanote? Kojimachi ở Yamanote chẳng? Không à? Hay là ở Koishikawa? Nếu không phải thì chắc là Ushigome hoặc Yotsuya gì đó?

- Chắc là cũng loanh quanh đâu đó thôi. Anh rành nhỉ!

- Nhìn thế này nhưng tôi cũng là người Edo[1] gốc đấy!

[1] Edo là tên cũ của Tokyo

- Thảo nào! Tôi thấy anh cũng có phong thái của người Tokyo đấy chứ.

- Hề hề... Chẳng phong thái chút nào đâu. Dù sao cũng làm người mà lại ra thế này, khổ sở lắm!

- Nhưng làm sao mà anh lại trôi dạt đến vùng quê này?

- Đúng rồi, như anh vừa nói ấy. Tôi là kẻ trôi dạt thật mà. Phải cần rãng mà sống thế thôi...

- Anh vốn là chủ tiệm cắt tóc à?

- Không phải chủ, chỉ là một người làm thuê thôi. Sao? Nơi nào á? Ở Matsunagacho, Kanda. Đó là một khu

phổ dơ bẩn và chậ²t như nê²m. Chắc hẳn là người như anh thì không biết đâu n²hĩ. Ở đó có một cây cầu tên là Ryukanbashi, đúng không? Sao? Cũng không biết luôn à? Nhưng Ryukanbashi thì cũng nổi tiếng đấy chứ.

- Này, anh cho thêm một chút xà phòng đi, đau quá!

- Anh bị đau à? Tôi là người hơi cầu toàn, nên cứ phải làm như thế, cạo ngược gốc râu, làm sạch đến từng vết chân lông, nếu không thế thì không chịu được... Còn mấy người cắt tóc bây giờ ấy à, họ chẳng cạo gì cả mà chỉ chải qua thôi. Anh cố chịu một chút nữa nhé!

- Tôi đã chịu đựng mãi từ lúc này, cũng khá lâu rồi. Xin anh đẩy, cho thêm một chút nước nóng hay xà phòng nữa đi nào!

- Không chịu được nữa à? Lẽ ra là cũng không đau quá đâu. Vấn đề là do râu của anh dài quá.

Anh thợ cắt tóc gần như miễn cưỡng buông bàn tay bầu mạnh trên má tôi, rồi lấy miếng xà phòng màu đỏ mỏng dính từ trên kệ xuống, ngâm vào nước một chút rồi cứ để nguyên như thế xoa đều lên mặt tôi. Tôi chưa từng bị xát xà phòng trực tiếp lên mặt như vậy. Hơn nữa, chỗ nước mà anh thợ cắt tóc nhúng bánh xà phòng

như đã bị hút khô tự bao giờ, chẳng biết có còn lại chút nào không. Tôi thầm nghĩ và cảm thấy ngán ngẩm.

Rốt cuộc, vì quyền lợi của một khách hàng ở tiệm cắt tóc nên tôi không thể không nhìn vào gương. Nhưng từ lúc này tôi đã tự nhủ rằng mình chẳng muốn sử dụng cái quyền này. Cái đồ vật được gọi là gương chỉ là một thứ mặt phẳng chẳng có ích lợi gì ngoài việc điềm nhiên phản chiếu mặt người. Nếu ta treo một chiếc gương không đủ đảm bảo chức năng này và bắt người ta phải soi vào đó, thì chỉ có thể nói rằng chiếc gương lúc đó giống như một nhà nhiếp ảnh tồi, sẽ cố ý làm hỏng chân dung của người được phản

chiếu. Giày vò cái tâm phù phiếm có lẽ cũng là một cách để rèn luyện nhân cách, nhưng không cần phải xúc phạm người ta đến mức lúc nào cũng trưng ra cái bộ mặt xấu xí hơn gương mặt thật của họ rồi bảo rằng đấy chính là người. Và đúng là từ nãy đến giờ cái gương ngay trước mặt mà tôi bị buộc phải nhìn vào đang sỉ nhục tôi. Khi tôi quay sang phải thì cái mũi choáng hết phần giữa gương mặt. Quay sang trái thì cái miệng bị kéo ra đến tận mang tai. Nếu ngược lên thì khuôn mặt bị kéo dẹt ra như con cóc nhìn từ phía trước. Nếu cúi xuống một chút thì cái đầu nhô cao giống như đứa con của thần Fukurokuju[2]. Vậy là trong lúc miễn cưỡng đối diện với chiếc gương,

tôi đã một mình đóng vai đến mấy con quái vật. Thoạt tiên thì tôi cũng phải công nhận khuôn mặt trong gương của mình hơi thiếu thẩm mỹ, nhưng xem xét kỹ chiếc gương từ cấu tạo cho đến màu sắc, những chỗ bong lớp bạc để ánh sáng lọt qua thì thấy bản thân cái gương này mới là một vật thể cực kỳ xấu xí. Khi bị kẻ tiểu nhân xúc xiêm thì ta chẳng có gì phải đau khổ vì lời xúc xiêm ấy, nhưng nếu cứ phải sống trước mặt kẻ tiểu nhân thì chắc là ai cũng cảm thấy khó chịu.

[2] Fukurokuju là vị thần phúc lộc thọ trong văn hóa Nhật Bản. Điểm đặc biệt ở vị thần này là trán rất cao.

Hơn nữa, anh thợ cắt tóc này cũng chẳng phải một người thợ cắt tóc bình thường. Khi ghé nhìn từ bên ngoài vào thì thấy anh ta đang ngồi xoay chân hút thuốc bằng một cái tẩu dài, nhả khói đều đều về phía lá cờ liên minh Nhật Anh nhỏ xíu, đúng là có vẻ hơi uể oải; nhưng khi bước vào tiệm, giao phó cái đầu cho anh ta thì mới thấy bất ngờ. Anh ta giằng bấu cái đầu tôi không thương tiếc, đến nỗi trong lúc được cắt tóc, tôi cứ hoang mang không biết liệu cái đầu mình có còn nằm trên cổ, hay đã nằm trọn vẹn trong tay anh ta rồi! Kiểu này thì cho dù có khâu chặt cái cổ vào giữa hai vai cũng không thể nào giữ vững cái đầu được.

Còn lúc cầm dao cạo thì anh ta giống một kẻ man rợ không hiểu gì về luật pháp văn minh. Khi cạo trên má thì có tiếng kêu soạt soạt. Cạo ở chỗ tóc mai thì mạch máu chạy rần rật. Ở chỗ cằm thì lưỡi dao loang loáng kêu rào rào từng hồi, một thứ âm thanh kỳ lạ như tiếng kêu phát ra khi mảnh băng bị giã vỡ. Và anh chàng này tự nhận là có tay nghề cắt tóc bậc nhất ở Nhật Bản!

Và anh ta lại còn say rượu nữa. Mỗi lần anh ta bảo “anh à” thì lại phả ra một thứ mùi kỳ lạ. Thỉnh thoảng thứ mùi lạ ấy lại xộc vào mũi tôi. Kiểu này thì không biết lúc nào anh ta vung tay đưa nhăm lưỡi

dao cạo. Người đang cầm dao mà còn không biết rõ đường dao, thì lẽ nào người giao phó khuôn mặt là tôi lại có thể đoán được. Vì tôi đã tin tưởng mà giao phó, nên có lỗi bị trầy xước một chút thì cũng không có ý phàn nàn, nhưng nếu bỗng nhiên anh ta dờ chừng, làm rách cả cổ họng thì to chuyện.

- Chỉ những người chưa vững tay nghề mới bôi xà phòng rồi cạo, nhưng mà râu của anh thì cái nào ra cái nấy nên tôi cũng buộc phải dùng đến xà phòng.

Vừa nói người thợ cắt tóc vừa vứt nguyên bánh xà phòng để trần lên trên kệ, nhưng bánh xà phòng không nghe lời chủ,

lại lăn ngay xuống đất.

- Hình như cũng ít thấy anh ở quanh đây. Có lẽ anh mới đến vùng này phải không?

- Tôi vừa đến hai, ba ngày trước đây mà.

- Thế à? Anh đang ở đâu vậy?

- Tôi trọ ở nhà Shihoda.

- À, anh là khách ở chỗ đấy à? Tôi cũng đoán là như thế. Thật ra thì tôi cũng biết ơn ông già ẩn cư ấy lắm... Nói thế nào nhỉ? Đạo ở Tokyo ông ấy là hàng xóm của tôi... Nhờ thế mà quen biết. Ông ấy là người tốt đấy. Và cũng biết nhiều thứ

nữa. Năm ngoái bà vợ mất... giờ thì chỉ quanh quẩn với mấy thứ đồ sưu tầm... mà ông toàn sở hữu những thứ tuyệt hảo đấy. Người ta bảo rằng nếu mà ông bán mấy thứ ấy đi thì cũng được khôi tiền.

- Ông ta có một cô con gái đẹp phải không?

- Nguy hiểm đấy!

- Sao vậy?

- Anh hỏi vì sao á? Anh không biết đấy thôi. Cô ta đã từng lấy chồng rồi lại bỏ về nhà đấy.

- Thế à?

- Anh nói “thế à” mà cứ như chẳng có chuyện gì cả nhỉ! Cô ấy chẳng có lý do gì mà trở về kiều đó... Nghe bảo là vì ngân hàng phá sản, cô ta không còn điều kiện mà sống xa hoa nữa nên mới bỏ về, chẳng còn gì là tình nghĩa nữa! Lúc ông cụ vui vẻ thì không sao, nhưng chẳng may gặp ngày có chuyện gì thì chắc là không ổn được.

- Ủ nhỉ!

- Tất nhiên rồi. Anh con trưởng ở nhà trên thì không dễ chịu lắm đâu.

- Có nhà trên nữa à?

- Nhà ở trên đồi ấy. Anh đến tham quan đi. Cảnh đẹp lắm!

- Ôi, anh cho thêm một chút xà phòng nữa đi. Lại hơi đau rồi.

- Râu của anh hay làm đau nhĩ. Vì râu cứng quá đấy. Cứ ba ngày thì anh nhất định phải cạo râu một lần nhé. Tôi cạo mà bị đau thì anh đến tiệm nào cũng không chịu nổi đâu.

- Từ bây giờ tôi sẽ nghe lời anh. Tôi đến đây mỗi ngày cũng được mà.

- Anh định trọ lại lâu thế kia à? Nguy hiểm đấy! Đừng có dây vào! Chẳng ích gì đâu. Cứ vướng vào những chuyện chẳng hay ho gì, rồi không biết sẽ ra sao đấy.

- Sao vậy?

- Cô gái ấy mặt mũi thì có vẻ xinh đẹp, nhưng thực ra là người có vấn đề.

- Vì sao?

- Anh hỏi vì sao á? Mọi người trong làng đều bảo cô ta bị điên kìa!

- Thế thì chắc là có điều gì nhảm lẫn đấy

thôi.

- Nhưng trước mắt đã có chứng cứ thì anh đừng nên dính dáng vào. Nguy hiểm lắm!

- Tôi thì chẳng sao cả. Nhưng chứng cứ gì kia?

- Đó là một câu chuyện kỳ cục. Anh cứ thông thả ngồi hút thuốc rồi tôi kể cho nghe... Anh có cần gọi đầu không?

- Vẫn còn sạch đấy mà.

- Chỉ làm sạch gàu thôi nhé?

Không một chút lưỡng lự, người thợ cắt tóc đặt mười đầu ngón tay với những móng tay cạo bản lên đầu tôi rồi thẳng tay xoa giật liên hồi. Những chiếc móng tay cạo từng chân tóc, luồn giữa những sợi tóc trên đầu như một chiếc cào khổng lồ chạy nhanh như gió. Tôi không biết trên đầu mình có bao nhiêu sợi tóc, nhưng cảm giác như từng chân tóc đều bị giật mạnh, và từng khoảng trống trên da đầu đều phồng rộp cả lên, kể cả xương đầu và óc não bên trong cũng bị chấn động mạnh mẽ bởi sự cạo xát này.

- Anh thấy thế nào? Dễ chịu không?

- Mạnh tay thật đấy!

- Sao kia? Làm thế này ai cũng thấy sáng khoái mà!

- Sắp rụng cả cổ ấy!

- Mệt mới đến thế à? Chỉ là do thay đổi thời tiết thôi. Mùa xuân hay làm cho cơ thể người ta uể oải... Nào, hút một điếu thuốc đi. Anh ở Shihoda một mình chắc là buồn lắm? Cứ đến đây chơi. Người Edo gốc thì có những chuyện chỉ nói được với người Edo gốc mà thôi. Sao? Chắc hẳn cô ấy đã chào hỏi thân thiện với anh rồi chứ? Nhưng vì cô ta chẳng biết phải trái gì nên mới hỏng.

- Trong lúc kể chuyện về cô ấy thì anh đã xóc bay cả gàu, mà đầu tôi cũng muốn rụng luôn kia!

- Đúng đấy, vì cái đầu trống rỗng nên chẳng giữ được chuyện gì... Nhà sư bên ấy đã say mê...

- Nhà sư đó là nhà sư nào vậy?

- Nhà sư quản kho ở chùa Kankaiji ấy mà...

- Tôi chưa được biết nhà sư nào cả, dù quản kho hay trụ trì.

- Thế à? Không được rồi, tôi kể hơi hấp

tập. Đó là một nhà sư có gương mặt hơi khắc khổ nhưng duyên rũ, thường đến nhà cô ấy. Rồi cuối cùng ông ta gửi một lá thư... Khoan nào! Ông ta tán tỉnh chẳng?Ồ không, chỉ là gửi một lá thư thôi. Chỉ là một lá thư. Rồi thì... ra thế đây...Có gì đó không bình thường trong chuyện này.Ừ, đúng là như thế. Làm thế rồi thì phát hoảng lên...

- Ai phát hoảng?

- Cô gái ấy!

- Cô gái nhận được thư thì phát hoảng à?

- Nếu là người nhút nhát đến mức phát

hoảng thì đã chẳng có chuyện gì, nhưng cô ta lại không hề ngạc nhiên kia chứ!

- Vậy thì ai phát hoảng?

- Người theo đuổi cô ấy.

- Chẳng phải anh đã nói rằng ông ta không theo đuổi sao?

- Ừ, quên mất. Tôi nhầm. Là người nhận thư ấy...

- Vậy thì đúng là cô gái kia rồi.

- Là người đàn ông chứ.

- Nếu đàn ông thì chính là nhà sư kia à?

- Ừ, là nhà sư ấy.

- Thế vì sao nhà sư lại phát hoảng?

- Vì sao à? Khi nhà sư đang tụng kinh trên chánh điện thì đột nhiên cô gái nhào đến... Hì hì! Đúng là điên thật nhỉ!

- Rồi sao nữa?

- Cô ta bảo rằng: “Nếu mà tôi đáng yêu như thế, thì hãy ngủ cùng tôi trước tượng Phật này đi!”, rồi cô bất ngờ choàng tay qua cổ Taian.

- Ôi trời!

- Mất mặt thật nhỉ, ông Taian ấy mà. Ông đã viết thư cho một kẻ điên rồ, để rồi bất ngờ bị sỉ nhục như thế. Cuối cùng, đêm hôm ấy ông đã lén trốn đi mà kết liễu cuộc đời...

- Ông ta chết rồi sao?

- Chắc là chết thôi. Làm sao mà sống được!

- Hết chỗ nói!

- Ôi dào... nhưng nếu mà gặp phải một kẻ điên rồ như thế thì có chết cũng chỉ thiệt

thân, nên có thể là ông ta vẫn sống.

- Một câu chuyện khá hay!

- Chẳng biết là có hay hay không, chỉ thấy người trong làng chê cười âm ỉ. Duy chỉ có người trong cuộc là vốn dĩ không bình thường nên cứ bình thản như không... Nếu là người vững vàng như anh thì chắc không phải lo. Nhưng đối tượng vẫn cứ là đối tượng, nên anh tuyệt đối đừng có dính líu gì, chỉ cần một chút thôi thì biết đâu sẽ gặp tai họa đấy.

- Tôi cũng phải đề phòng nhỉ! Tôi bật cười.

Từ phía những tảng đá vẫn còn ấm nóng, gió xuân mang hơi mặn của biển nhè nhẹ thổi vào, làm tấm biển hiệu của tiệm cắt tóc phát phơ như buồn ngủ. Trong gương hiện lên hình ảnh một con chim én chao nghiêng rồi lách mình vào bên dưới tấm biển hiệu. Ở nhà đối diện, một người đàn ông chừng sáu mươi tuổi đang ngồi xồm dưới mái hiên, lạng lẽ bóc vỏ sò. Mỗi lần con dao nhỏ chạm vào vỏ cứng khua lách cách là phần thịt đỏ hồng của một con sò lại rơi xuống lẫn vào trong chiếc rổ tre. Rồi chiếc vỏ sò lấp lánh sáng khi được ném xuyên qua lớp khói mù[3] cao chừng một mét. Đống vỏ chất dồn lại cao như núi không rõ là vỏ con hào, con nghêu hay là con móng tay. Một phần

đồng vỏ bị sụp, và biết bao nhiêu chiếc vỏ sò đã rơi xuống đáy sông Sunagawa, bị cuốn trôi khỏi trần thế để chôn vùi vào cõi tối tăm. Sau khi lớp cũ bị chôn vùi thì lại có ngay những chiếc vỏ sò mới dồn lại dưới gốc liễu. Người đàn ông cứ ném những cái vỏ rỗng không vào làn khói mù, không chút băn khoăn về số phận của chúng. Cái rỏ của ông dường như không có đáy, mùa xuân của ông dường như trải dài vô tận và rất đổi êm đềm.

[3] Khói mù phủ là là mặt đất. Một hiện tượng tự nhiên thường xảy ra vào mùa xuân.

Sông Sunagawa chảy bên dưới chiếc cầu nhỏ, dài không quá bốn mét, đổ dòng nước mùa xuân về phía biển. Có lẽ những tấm lưới đủ loại được giăng phơi ở nơi mà dòng nước mùa xuân đổ vào biển lớn đã đưa hương vị tanh nồng của biển hòa vào ngọn gió xuân dịu nhẹ thổi qua làng. Xa hơn về phía ấy, có thể nhìn thấy màu sắc của biển, như một thanh kiếm cùn đang bị ai nung chảy từ từ.

Khung cảnh ở đây và cái tiệm cắt tóc này chẳng có gì hòa hợp với nhau. Giá mà người thợ cắt tóc có tính cách mạnh mẽ để có thể gieo vào đầu tôi những ảnh hưởng đối kháng với phong cảnh của nắng gió xung quanh, chắc hẳn tôi đã rơi

vào trạng thái xáo trộn cảm xúc khi đứng giữa hai bên đối lập. May mắn thay, người thợ cắt tóc chưa phải là một tay cừ khôi thực sự. Dù có là người Tokyo gốc, dù nói năng hùng hổ đến đâu thì anh ta cũng không thể sánh với tiết trời mùa xuân phơi phới tuyệt diệu thế này. Người thợ cắt tóc, người đã ba hoa với vẻ tự mãn hòng phá vỡ sự thống trị của không gian này, mới đó chỉ còn là một mẩu vụn tan vào trong ánh nắng tươi vui của mùa xuân. Phải nhận thấy rằng mâu thuẫn không phải là sự đối chọi về mặt sức mạnh, số lượng hay tinh thần ở những đối tượng khác biệt đến mức loại trừ nhau, mà là một hiện tượng chỉ nảy sinh và được thể hiện ở những đối tượng hoặc

giữa những người có vị trí và mức độ ngang nhau. Khi mà sự khác biệt giữa hai đối tượng là quá lớn, thì có khả năng sự mâu thuẫn này được hóa giải, và hai đối tượng ấy lại trở thành bộ phận của một sức mạnh lớn lao hơn. Do vậy mà người tài trí thì trở thành chân tay của một bậc đại phu, kẻ ngu đần thì trở thành thuộc hạ của người tài trí, còn trâu ngựa thì được dùng để phục vụ cho kẻ ngu đần. Lúc này anh thợ cắt tóc của chúng ta đã diễn một pha hài trước bức màn sân khấu là khung cảnh mùa xuân mênh mông vô tận. Muốn phá hỏng sự êm đềm của mùa xuân nhưng, khôn khổ thay, ngược lại anh ta đã làm tăng thêm cảm xúc yên bình ấy. Vô tình tôi lại trở thành một khán giả chứng

kiến pha diễn hài của anh chàng ấy, với tâm trạng thanh thản trong tiết trời đang giữa tháng ba. Trạng thái bình yên vô tận này cũng là một nét đẹp hòa vào bức vẽ ngày xuân với vạn vật thanh bình.

Trong lúc suy nghĩ như vậy, tôi chợt nhận ra người thợ cắt tóc này cũng có thể là một hình ảnh của thi ca hay hội họa, nên đáng lẽ đã ra về thì tôi còn ngồi nán lại một lúc để nói chuyện linh tinh. Rồi một chú tiểu đầu cạo nhẵn vén tấm màn cửa, vừa bước vào vừa nói:

- Xin lỗi, nhờ chú cạo tóc giùm cháu ạ.

Đó là một chú tiểu vui vẻ, mặc *kimono*

bằng vải bông trắng, thắt lưng cùng màu, khoác bên ngoài một chiếc áo choàng thô nhìn từ trên xuống giống như một chiếc mũ.

- Chú Ryonen. Thế nào? Đạo này có bị hòa thượng la mắng đòi đuổi ra đường nữa không?

- Không ạ, cháu còn được khen đấy!

- Chắc được khen là tình cảm vì đã chạy long nhong rồi bắt được con cá ở giữa đường, phải không?

- Sư phụ bảo Ryonen khôn trước tuổi, biết cách chơi đấy chứ!

- Thảo nào mà trên đầu lại mọc lên một cái bướu! Cái đầu đang sung phòng thể này mà cạo thì gãy xương mất. Hôm nay tôi để chú về nghỉ, lần sau nhớ chỉnh lại cái đầu rồi đến nhé.

- Nếu mà phải chỉnh lại, chẳng thà cháu đến một thợ cắt tóc giỏi hơn!

- A ha! Cái đầu thì xộc xệch nhưng cái miệng thì lanh lợi đấy!

- Còn chú thì tay chân chậm chạp nhưng lại giỏi uống rượu!

- Tay chân chậm chạp à? Nói bậy...

- Không phải cháu nói đâu. Sư phụ nói đấy chứ. Nên chú đừng giận nhé. Chẳng đáng gì đâu.

- Hừm, chẳng hay ho gì cả... Đúng không, anh?

- Cái gì?

- Cái bọn sư sãi ấy toàn sống an nhàn trên những bậc đá cao, chẳng biết thế nào là vất vả nên tự nhiên dạn mềm hẳn lên anh nhỉ. Đến như chú tiểu nhóc con này mà cũng ngoác mềm nói chuyện thiên hạ đấy... Ôi, ngả cái đầu qua một chút... ngả qua một chút nào! ...Không nghe lời là ta

cho một nhát đấ²y, biết không? Chả²y máu đấ²y!

- Đau quá! Đừng có làm mạnh tay thế chứ!

- Nếu có chùng này mà cũng không chịu nổi thì làm sao thành nhà sư được?

- Cháu đang là sư đây mà.

- Chẳng phải chú mới chỉ là tiểu tăng sao?... Cái ông Taian hồi đó, làm sao mà chết thế hả chú?

- Nhưng mà ông Taian có chết đâu nhĩ?

- Không chết à? Lạ thế! Tôi cứ tưởng ông ta phải chết rồi kia chứ?

- Ông Taian sau chuyện đó thì rất tức giận, đã bỏ đến chùa Daibai ở Rikuzen chuyên tâm tu hành. Bây giờ có lẽ đã giác ngộ rồi. Cũng là một chuyện hay đấy chứ.

- Chuyện gì hay? Dù có là một nhà sư như thế nào đi nữa, nếu mà ra đi một cách vụng trộm ban đêm thì chẳng có gì là tốt đẹp. Chú phải hết sức cẩn thận đấy. Dù sao thì cũng là một người đàn bà có vấn đề... Nói đến đàn bà mới nhớ, cái cô dờ người ấy vẫn còn đến chỗ hòa thượng phải không?

- Cháu chưa từng nghe nói đến cô dờ người nào cả.

- Chú chẳng hiểu gì cả, đúng là chỉ biết chuyện bếp núc thôi. Cô ta có còn đến nữa hay không hả?

- Cô dờ người nào thì cháu không biết, nhưng cái cô ở Shihoda thì có đến.

- Dù hòa thượng có tụng niệm thể nào cũng không khỏi được đâu. Chắc chắn là cô ta đã bị người chồng trước nguyên rửa.

- Cô ấy là một người tuyệt vời. Sư phụ

hay khen cô lắm.

- Khi người ta leo những bậc đá để lên dốc thì cái gì cũng bị đảo ngược cả, chẳng đúng sự thật tí nào. Hòa thượng có nói gì thì dở người vẫn cứ là dở người thôi. ...À, xong rồi đấy. Chú về nhanh đi, kéo hòa thượng lại mắng cho bây giờ.

-Ồ không, cháu sẽ đi chơi thêm một chút để được sư phụ khen.

- Mặc chú! Đúng là một con quỷ nhanh mồm!

- Đồ bản thủ!

- Nói gì đây?

Cái đầu cạo nhẵn đã lách qua tấm màn treo ở cửa, biến nhanh vào làn gió mùa xuân.

Chương 6

Tôi ngồi vào bàn ăn tối. Những cánh cửa trượt lớp trong lớp ngoài đều mở toang. Nhà vốn đã có không gian rộng mà lại vắng người. Vì căn phòng tôi đang ở cách xa hoạt động của thế giới con người bởi một dãy hành lang ngoằn ngoèo, nên tôi không bị tiếng động nào quấy phá dòng suy tưởng. Đặc biệt hôm nay lại càng yên lặng. Hình như cả chủ nhà, cả cô con gái và gia nhân nam nữ, không biết tự lúc nào, đều biến đi đâu mất bỏ lại một mình tôi. Nói là biến đi đâu thì không có nghĩa đơn giản là họ đi về một

nơi nào đó. Mà có thể họ đã vào trong thế giới của sương mù, hay là vào xứ sở của mây. Hay là khi mây và nước tự nhiên xích lại gần nhau, họ đã lơ đãng bỏ quên cả mái chèo để thuyền trôi lênh đênh trên mặt biển mơ màng, và cánh buồm trắng đã trôi dạt đến nơi khó mà phân biệt được ranh giới giữa mây và nước, rồi cuộc bản thân cánh buồm cũng khó mà biết được nơi nào là nước nơi nào là mây... có lẽ họ đã đi đến cái nơi tận cùng xa xôi như thế. Nếu không phải thế thì có lẽ họ đã đột ngột biến mất giữa mùa xuân, trở thành khí thiêng của đất trời sinh ra vạn vật, trong một thế giới mênh mông mà mắt thường không nhìn thấy, dù có dùng đến năng lực của kính

hiển vi cũng không tìm ra một dấu vết nhỏ nhoi nào. Hay có lẽ họ đã hóa thành chim chiền chiện, cất cao tiếng hát ca ngợi màu vàng hoa cải đến tận hơi rồi tan vào một vùng sương khói hoàng hôn màu tím thẫm. Hay có thể là giống như loài sâu bọ, sau khi xong công việc làm cho ngày càng dài hơn, họ đã uống những giọt sương ngọt ngào đọng trong túi noãn mà trúng độc, lăn xuống dưới những bông hoa trà rơi rụng và chìm sâu trong giấc ngủ thom lừng. Dù đã xảy ra trường hợp nào thì không gian lúc này cũng thật là yên tĩnh.

Những cơn gió mùa xuân lùa thông thốc qua gian nhà trống trải chẳng chiều lòng

những ai chào đón chúng. Mà cũng không muốn chọc tức những ai muốn ngăn chúng lại. Tự đến rồi tự đi, đó là tinh thần của một vũ trụ vô tư và công bằng. Nếu tâm hồn của kẻ đang ngồi chống cằm là tôi cũng trống trải như căn phòng tôi đang ở thì chắc hẳn những cơn gió xuân, dù không ai mời gọi, vẫn cứ tự do thổi thốc vào.

Khi biết rằng mình đang giẫm lên mặt đất, chúng ta sẽ lo ngại bước chân mình làm mặt đất nứt ra. Vì biết trên đầu mình là vòm trời bao phủ nên con người mới sợ sấm sét. Chúng ta bị thế giới phù hoa này thúc giục đấu tranh không ngừng nghỉ, nên phiền não chẳng bao giờ chấm

dứt. Khi chúng ta sống trong cõi trời đất chia biệt Đông Tây, với tám thân bị mắc vào mạng lưới của những chuyện thiệt hơn, được mất, thì tình yêu chân chính chỉ là điều không tưởng. Sự giàu có trước mắt cũng chỉ là cát bụi. Danh vị mà ta giành lấy hay vinh quang mà ta chiếm được chẳng qua cũng giống như một con ong ranh mãnh, vờ tạo ra thứ mật ngọt quyến rũ nhưng lại giấu nọc độc bên trong. Nói chung, bởi vì niềm vui là cảm xúc nảy sinh khi ta gắn mình vào một điều gì đó, nên nó cũng hàm chứa đồng thời mọi khổ đau. Nhờ có thi nhân và họa sĩ mà chúng ta được thưởng thức những tinh hoa cốt tủy của thế giới hai mặt này, được biết sự thanh khiết tận

cùng của nó. Ngậm móc uống sương, khen tía chề hồng, và chẳng hỏi hận gì trước cái chết. Niềm vui của nghệ sĩ không phải do gấn mình với một cái gì. Họ đã đồng hóa chính vào sự vật. Khi đã hòa mình vào trong sự vật rồi thì dù có đi đến tận cùng thế giới mông lung này cũng không thể tìm ra chỗ để ràng buộc cái tôi. Họ thông dong giữ sạch bụi trần, khoác áo tả tơi mà thường thức gió ngàn vô tận. Không phải vì dám hợm mình, tỏ ra khinh thường những thị dân giữa cõi đời ô trọc mà tôi vô cớ nghĩ ra một khung cảnh như thế. Chẳng qua chỉ vì tôi muốn nói lên những lời tốt đẹp để kêu gọi chúng sinh có nhân duyên. Nói thẳng ra thì thi ca, hội họa đều là những nguồn

mạch vốn có trong tất cả mọi người. Dầu chúng ta sống qua bao ngày tháng mòn mỏi cho đến lúc bạc đầu, nhưng khi hồi tưởng lại cuộc đời mình, khi lần lượt điểm lại những gì mình trải nghiệm, nếu quên đi bản thân mình thì chúng ta vẫn tìm thấy một niềm vui lan tỏa nhẹ nhàng, như một cơ thể chết rồi vẫn còn hắt ra những tia sáng le lói. Ai không tìm được điều đó thì có thể nói là anh ta đã sống một cuộc đời không lý tưởng.

Tuy nhiên, niềm vui của thi nhân không chỉ đơn giản là chìm đắm vào một điều gì đó, hay là đồng nhất bản thân với một đối tượng nào. Có khi thi sĩ hóa thành một cành hoa, cũng có khi biến thành một

cánh bướm. Hay có thể giống như Wordsworth[1], anh ta hóa thành một đám thủy tiên, thả hồn vào ngọn gió thổi qua dòng suối. Nhưng cũng có trường hợp chúng ta bị cuốn hút bởi những vẻ đẹp khó diễn tả ở quanh ta, và không hiểu rõ mình bị chinh phục bởi cái gì. Giống như khi người ta chạm vào dòng khí linh thiêng của vũ trụ. Như một người nào đó nghe được nốt nhạc của cây đàn bí ẩn không dây. Hay ta có thể hình dung điều đó giống như trạng thái rơi vào trong một cõi mộng lung mờ hồ, lang thang trong một thế giới vô biên và không sao hiểu được. Diễn tả như thế nào là tùy ý mỗi người. Chỉ biết rằng đó chính là trạng thái tâm lý của tôi khi ngồi

mơ màng bên bàn ăn tối.

[1] Câu này là ý thơ của thi sĩ người Anh - William Wordsworth (1770 - 1850).

Rõ ràng là tôi chẳng suy nghĩ chuyện gì. Và đứng ra thì tôi cũng chẳng nhìn gì cả. Vì ý thức của tôi chẳng ghi nhận màu sắc hay động hướng gì, nên không thể nói là tôi đã hòa mình vào mọi vật. Thế nhưng tôi vẫn đang hoạt động. Không hoạt động ở bên trong hay bên ngoài thế giới này. Chỉ là đang hoạt động mà thôi. Không hoạt động như hoa, như chim, hay thậm chí hoạt động có liên quan đến con người mà chỉ đang hoạt động trong trạng thái

mơ hồ, dường như là say mê.

Nếu buộc phải giải thích điều đó thì tôi chỉ muốn nói rằng tâm hồn tôi đang hòa vào không khí của mùa xuân. Tôi muốn nói đến thứ linh khí được tạo ra từ việc tổng hợp toàn bộ sắc xuân, gió xuân, vạn vật mùa xuân, âm thanh mùa xuân, được luyện thành thuốc tiên rồi hòa tan vào loại nước trường sinh, chưng cất trong ánh nắng thần tiên - thứ linh khí tự lúc nào đã thấm qua lỗ chân lông, rồi lan tỏa trong tâm hồn mà tôi không hề hay biết. Trong sự đồng hóa thường có cả yếu tố kích thích. Và cảm giác thích thú được tạo ra cũng là nhờ chính sự kích thích ấy. Còn trong trường hợp này tôi không rõ

mình đã hòa tan với cái gì, nên không hề có sự kích thích. Và bởi vì không có kích thích nên điều đó tạo ra một niềm vui sâu thẳm khó gọi tên. Nó khác với thứ cảm xúc có vẻ ồn ào nhưng hời hợt, như những làn sóng xô xao khi gió thổi. Có thể hình dung điều đó giống như trạng thái hoạt động của đại dương xanh thẳm với chiều sâu vô tận, trải mênh mông từ châu lục này qua châu lục khác. Chỉ có điều mức độ hoạt động không mạnh mẽ đến như thế. Nhưng lại có một điều may mắn. Vì sự thể hiện sức hoạt động mạnh mẽ luôn kèm theo nỗi lo rằng sức mạnh kia đến một lúc nào đó sẽ cạn kiệt. Trường hợp ở mức độ bình thường thì không có mối bận tâm ấy. Lúc này đây,

không những trong tâm hồn tôi, vốn mong manh khác thường, không có nỗi ưu tư về chuyện năng lực mạnh mẽ kia liệu có suy giảm, mà tôi đã thoát khỏi cả những vương bận đời thường về chuyện xấu tốt, thiệt hơn. Chữ “mong manh” tôi dùng ở đây chỉ có nghĩa đơn giản là khó nắm bắt, chứ không nói đến sự lo sợ vì quá yếu đuối. Có lẽ phù hợp nhất cho trạng thái này là chữ “thư thái” hay “ung dung” mà các thi sĩ vẫn hay dùng.

Nếu vẽ trạng thái này thì không biết sẽ phải thể hiện thế nào nhỉ? Nhưng chắc chắn đó không phải là một bức họa thông thường. Cái mà chúng ta thường gọi là hội họa không có gì khác hơn là sự thể

hiện nguyên vẹn những hình ảnh về phong cảnh, sự vật hay con người mà mình chứng kiến, hay gạn lọc những điều đó qua cái nhìn thẩm mỹ của bản thân rồi đưa lên nền vải. Người ta cho rằng chức năng của hội họa chỉ là vẽ hoa cho ra hoa, nước cho ra nước, nhân vật hành động cho ra nhân vật, như thế là đã đủ rồi. Những họa sĩ tài năng hơn mức tầm thường một bậc sẽ đưa cảm xúc vào trong tác phẩm của mình, làm cho đối tượng mà mình cảm nhận hiện ra một cách sinh động hơn trên bức vẽ. Họ là những kỹ thuật gia luôn tập trung để ký thác cảm xúc đặc biệt của mình vào thế giới của vô vàn những sự vật hiện tượng mà mình nắm bắt. Vì vậy, không thể nói

rằng họ đang vẽ nếu những sự vật hiện tượng mà họ quan sát không hiện ra lấp lánh trong từng nét cọ. Họ chủ trương hội họa phải thể hiện một cách nhìn, cách cảm nhận riêng, và họa sĩ vượt qua được các bậc tiền nhân, thể hiện sự quan sát, cảm nhận ấy bằng cách tiếp thu chất liệu của những huyền thoại xưa cũ để sáng tạo nên một tác phẩm chân thật hơn và đẹp tươi hơn. Nếu tác phẩm không thể hiện được chủ trương ấy thì họ không dám nhận là sáng tác của mình.

Hai kiểu nghệ sĩ này có lẽ khác nhau ở vấn đề chủ quan, khách quan hay mức độ nông sâu. Nhưng sự giống nhau là cả hai đều chờ đợi một sự kích thích rõ ràng từ

ngoại giới để có cảm hứng cầm cọ vẽ. Tuy nhiên, cái chủ đề mà bây giờ tôi muốn vẽ ra không phải là sự vật rõ ràng như vậy. Dù tôi đang theo đuổi những cảm giác vô cùng tận và nỗ lực để tìm ra những ngoại vật tương ứng, nhưng khó mà tìm thấy bóng dáng đậm nhạt hay đường nét lớn nhỏ thế nào, nói gì đến hình dạng vuông hay tròn, màu sắc xanh hay đỏ. Cảm xúc của tôi không phải là cái gì đó đến từ bên ngoài. Mà dẫu có đến từ bên ngoài đi nữa cũng không phải là một vật thể, hay một cảnh tượng nhất định nằm trong tầm nhìn của tôi, nên không thể chỉ rõ ra một nguyên nhân nào cụ thể. Đơn giản chỉ là một trạng thái cảm xúc mà thôi. Vấn đề là làm sao vẽ

được cảm xúc này, hay làm thế nào tìm được một cái gì cụ thể để ký thác cảm xúc, sao cho mọi người có thể cảm nhận được.

Nếu là loại tranh vẽ tầm thường thì thậm chí không cần cảm xúc, chỉ có sự vật thôi cũng đủ. Loại thứ hai thì cần sự phối hợp của cảm xúc và khách thể. Còn ở loại thứ ba thì chỉ có cảm xúc, nên cần phải lựa chọn đối tượng phù hợp để thể hiện trạng thái của tâm hồn mới có thể đưa vào tranh được. Tuy nhiên, đối tượng kiểu này không phải là dễ có. Mà dẫu có thì cũng không nắm bắt được dễ dàng. Cũng có trường hợp đã nắm bắt được nhưng lại thể hiện khác hoàn toàn so với đối

tượng vốn có trong tự nhiên. Cho nên người bình thường không thể xem đó là tranh vẽ. Vẽ tranh không đơn giản là sự sao chép nhân vật, cảnh tượng như một phần của thế giới tự nhiên, mà phải ít nhiều thể hiện được trạng thái tâm hồn trong khoảnh khắc thăng hoa cảm xúc, lồng vào tâm trạng khó tả ấy những hình ảnh nhất định về sự sống thì mới được xem là thực sự thành công. Không rõ từ trước đến giờ đã có họa sĩ nào thành công trọn vẹn trong công việc khó khăn này chưa nhỉ? Nếu cần kể ra những tác phẩm được xem là thành công ở mức độ nào đó theo quan niệm này, thì có thể nói đến những bức tranh tre của Văn Dữ Khả[2]. Hay là tranh sơn thủy của những

họa sĩ trường phái Unkoku[3]. Kế đến là tranh phong cảnh theo phong cách Taiga[4]. Rồi tranh vẽ người của Buson[5]. Còn những họa sĩ phương Tây chủ yếu miêu tả thế giới hiện tượng, hầu như không chú trọng đến chiều sâu tâm hồn thì không biết có được mấy người thể hiện được cái đẹp trừu tượng kiểu này bằng nét vẽ?

[2] Văn Dữ Khả (1018 - 1079) là một họa sĩ, nhà thơ người Trung Quốc.

[3] Trường phái hội họa do Unkoku Togan (1547 - 1618) sáng lập.

[4] Ike Taiga (1723 - 1776) là một họa

sĩ, nhà văn Nhật Bản.

[5] Yosa Buson (1716 - 1784) là nhà thơ, họa sĩ Nhật Bản.

Điều đáng tiếc là vẽ đẹp hàm ẩn mà những họa sĩ như Sesshu[6], Buson nỗ lực thể hiện đều quá đơn điệu, ít có sự thay đổi. Nếu nói về năng lực sáng tạo thì tôi không dám sánh với những bậc thầy như thế, nhưng trạng thái cảm xúc mà bây giờ tôi muốn vẽ ra thì hơi phức tạp. Phức tạp ở chỗ khó mà dung hợp mọi cung bậc cảm xúc vào trong một bức vẽ. Tôi thôi chống cằm mà đổi sang tư thế khoanh hai tay trên bàn ngồi suy nghĩ, nhưng vẫn chưa nảy ra ý tưởng nào. Phải

vẽ ngay khi màu sắc, hình dạng, phong thái của đối tượng vừa xuất hiện trong tâm tưởng, và mình chợt nhận ra “À, như thế này đây!”. Trạng thái đó giống như một người mẹ tìm kiếm đứa con thất lạc của mình, phải đi qua bao nhiêu vùng đất, khi thức cũng như lúc ngủ đều đau đáu nghĩ về con, để rồi một ngày kia giữa ngã tư đường bất ngờ gặp lại đứa con mình tìm kiếm: “A, nó đây rồi!”. Thật khó mà nắm bắt được ngay khoảnh khắc đó. Tôi chỉ cần vẽ ra được thứ cảm xúc này, rồi mặc cho người xem tranh bình phẩm. Nếu mà tranh không đẹp thì dù có bị sỉ vả thế nào tôi cũng không hối tiếc. Dù sao thì, chỉ cần cách phối màu thể hiện được một phần của cảm xúc kia,

hay đường nét cho thấy được phần nào tâm trạng ấy, hoặc là toàn bộ sự phối hợp biểu hiện được trạng thái cảm xúc ở một mức độ nào đó, thì dù cái mà tôi vẽ ra là trâu, là ngựa hay thậm chí chẳng thành trâu ngựa, chẳng là gì cả thì tôi cũng sẵn lòng. Sẵn lòng nhưng bây giờ vẫn chưa làm được. Tôi đặt cuốn sổ phác họa lên bàn, nhìn vào trong sổ mà tập trung suy tưởng, nhưng vẫn chưa nảy ra ý tưởng nào.

[6] Sesshu (1420 - 1506) là một họa sĩ Nhật Bản, nổi tiếng về loại tranh sơn thủy.

Tôi đặt bút chì xuống và ngẫm nghĩ. Bản

thân cái ý định muốn vẽ một cảm xúc trừu tượng như thế đã là một sai lầm. Vì con người vốn không khác nhau nhiều lắm, nên chắc hẳn sẽ có một số người biết đến thứ cảm xúc mà tôi đang trải nghiệm, rồi muốn thử dùng cách nào đó để biến cảm xúc này thành vĩnh cửu. Trong trường hợp đó thì họ sẽ chọn cách nào?

Ngay lúc đó trong tôi chợt bật ra hai chữ “âm nhạc”. Đúng rồi, âm nhạc chính là thứ âm thanh của tự nhiên, vang lên trong khoảnh khắc bởi một sự cần thiết nhất định. Lần đầu tiên tôi nhận ra rằng âm nhạc là thứ người ta cần phải nghe, cần phải học. Nhưng bất hạnh thay, tôi hoàn

toàn không hiểu được những thông điệp của thế giới này.

Tiếp đó, tôi thử bước vào lĩnh vực thứ ba là thơ ca. Tôi nhớ ông Lessing[7] có lý luận rằng, thế giới của thơ ca được kiến tạo từ những gì nảy sinh nhờ trải nghiệm qua thời gian, đồng thời ông cũng đưa ra nguyên lý rằng thơ ca và hội họa là hai lĩnh vực khác hẳn nhau. Tuy nhiên, nếu quan niệm về thơ ca như vậy thì cái thế giới mà bây giờ tôi đang muốn nắm bắt và thể hiện không có triển vọng gì sẽ trở thành một tư thơ. Có lẽ trạng thái mang lại cho tôi cảm xúc hân hoan này cũng có yếu tố thời gian, nhưng không có nội dung nào sẽ phát triển dần dần theo

thời gian cả. Đây không phải là niềm vui mà ta cảm nhận khi cái thứ hai hình thành thay cho cái thứ nhất đã mất đi, rồi khi cái thứ hai biến mất thì cái thứ ba xuất hiện. Mà là niềm vui đến từ một cõi nào sâu thẳm tự ban sơ và không hề thay đổi. Chính vì điều đó không thay đổi nên khi ta sử dụng một thứ ngôn ngữ thông thường để diễn đạt thì không cần thiết phải sắp xếp những chất liệu ấy theo dòng chảy thời gian. Có lẽ chỉ cần sắp xếp cảnh vật trong không gian, giống như hội họa. Vấn đề là làm thế nào để đưa được vào thơ thứ cảm xúc hư ảo mông lung này. Tóm lại, một khi thơ ca đã thể hiện được điều đó thì có thể xem là thành công, cho dù không theo nguyên lý của

Lessing đi chẳng nữa. Và cũng không cần biết đến Homer hay Virgil[8]. Tôi cho rằng nếu quan niệm thơ là sự diễn đạt ứng với một kiểu tâm trạng nào đó, thì dấu tâm trạng ấy không cần đến một nội dung phát triển tuần tự trong giới hạn của thời gian, mà chỉ cần đơn giản là thỏa mãn điều kiện về không gian trong hội họa thì cũng có thể dùng ngôn ngữ thơ ca để mà diễn đạt.

[7] Gotthold Ephraim Lessing (1729 - 1781) là nhà thơ, nhà phê bình văn học người Đức.

[8] Virgil (70 BC - 19 BC) là một nhà thơ sống vào thời La Mã cổ đại. Homer

(không rõ năm sinh và năm mất) là nhà thơ Hy Lạp cổ đại, tác giả của trường ca Iliad và Odyssey.

Lý luận thì thế nào cũng được. Tôi hầu như không còn nhớ đến những tác phẩm như *Laocoön*[9], nên nếu cứ soi xét kỹ thì chỉ càng thêm rối. Dù sao, nếu không vẽ tranh được thì hãy thử làm thơ. Tôi nghĩ vậy và chấm bút chì xuống trang sổ phác họa, lắc lư thân mình để tìm một sự thay đổi nào đó, nhưng chẳng có gì. Một lúc lâu vẫn không có ý tưởng nào dịch chuyển được đầu ngọn bút. Như thể bỗng nhiên tôi quên mất tên của một người bạn. Có cảm giác như đã gần nhớ ra được nhưng vẫn không thể nào nhớ nổi.

Rồi nếu tôi chán nản mà bỏ cuộc thì cái tên chột bị quên kia sẽ trôi mãi vào miền quên lãng.

[9] Tác phẩm lý luận của Lessing về thơ ca và hội họa.

Khi khuấy bột làm bánh *kuzuyu*, lúc đầu thì bột còn rời rạc chưa dính đũa. Nhưng nếu kiên nhẫn khuấy tiếp thì bột sẽ kết dính, tay cầm đũa cũng có cảm giác nặng dần. Và nếu cứ khuấy mãi không nghỉ tay thì sẽ đến lúc lại không khuấy nổi. Rồi cuối cùng thì bột ở trong nồi cứ tự dính vào đũa mà không cần phải khuấy. Làm thơ thực ra cũng giống hệt như vậy.

Rốt cuộc thì chiếc bút chì trong trạng thái vô định hướng cũng bắt đầu nhúc nhích từng chút một. Trong khoảng thời gian chừng hai, ba mươi phút, tôi đã làm được bài thơ sáu câu:

Xuân xanh tháng hai, ba

Nỗi buồn vương hương cỏ

Vườn vắng đầy hoa rụng

Phòng trống trải cung đàn

Tơ nhện giăng im lìm

Trên nhà hoen muội khói

Khi đọc lại, tôi thấy trong thơ đầy những hình ảnh có thể vẽ tranh. Giá mà vẽ được tranh ngay từ đầu thì tốt quá, tôi thầm nghĩ. Rồi lại tự hỏi mình vì sao làm thơ lại dễ hơn vẽ tranh. Đã làm được thơ như thế này thì có lẽ dễ làm tiếp phần sau. Nhưng tiếp đó, tôi muốn diễn đạt thành thơ những cảm xúc mà tôi không thể vẽ thành tranh được. Sau một hồi đắn đo lựa chọn, tôi đã làm bài thơ:

Ngồi một mình, không gian tĩnh lặng

Soi tâm tư, ánh sáng diệu huyền

Cõi nhân gian lắm người đa sự

Chón thanh bình, sao có thể quên?

Tình cờ được một ngày yên tĩnh.

Để hiểu trăm năm rộn chuyện đời

Gửi vào đâu cõi lòng u mặc

Quê nhà mây trắng mãi xa xôi.

Tôi đọc lại cả bài thơ một lần nữa thì thấy cũng tạm được, nhưng nếu xem đây là những vần thơ miêu tả cảm nhận về cõi siêu nhiên mà tôi vừa biết đến thì có cảm giác như vẫn thiếu vắng điều gì. Nên tôi vẫn cầm nguyên cây bút chì trên tay

với ý định nhân tiện sẽ làm thêm một bài thơ nữa. Trong lúc vô tình nhìn ra phía cửa phòng, tôi chợt thấy cánh cửa trượt qua, rồi bóng một cô gái xinh đẹp lướt nhanh qua khoảng trống mới mở chỉ rộng chừng một mét. Gì thế nhỉ?

Tôi đưa mắt nhìn ra cửa thì cái bóng xinh đẹp ấy đã khuất một nửa vào phía sau cánh cửa trượt vừa mới mở. Nhưng trước khi tôi kịp định hình thì bóng dáng ấy, có vẻ là một cái gì đó đang chuyển động, thoáng chốc đã vụt qua. Tôi bỏ mặc những tứ thơ và chăm chú nhìn về phía cánh cửa. Chưa đầy một phút sau, cái bóng đã hiện ra từ hướng ngược lại. Đó là một cô gái mặc *kimono* dài tay,

bước đi nhẹ nhàng thong thả, trên ban công tầng hai của gian nhà đối diện. Trong khoảnh khắc tôi bất giác nín thở, đánh rơi cả chiếc bút chì.

Trong bóng chiều chạng vạng, dưới bầu trời đầy mây chốc chốc lại sa sầm báo hiệu sắp có mưa, dáng người mặc *kimono* dài tay đang thướt tha đi lại trên khoảng ban công, cách chỗ tôi ngồi một khoảng sân rộng hơn mười mét, cứ chập chờn thoáng ắt thoáng hiện trong không gian trữu nặng.

Cô gái chẳng nói câu nào. Cũng không nhìn sang phía phòng tôi. Cô bước đi nhẹ nhàng đến mức cả tiếng gấu áo quét dưới

hành lang cũng không nghe thấy. Phần thân dưới của chiếc áo có màu sáng, nhưng vì khoảng cách xa nên tôi không rõ hoa văn hay màu sắc ở gấu áo như thế nào. Chỉ thấy hình như ở chỗ tiếp xúc giữa hoa văn với màu nền của vải áo bị mờ đi, giống như trạng thái nhập nhoạng lúc ngày chuyển sang đêm vậy. Và lúc này cô cũng đang bước đi trong khoảng không nhập nhoạng ấy.

Tôi không hiểu cô định mặc bộ áo dài tay này mà đi qua đi lại trên khoảng ban công dài kia bao nhiêu lần nữa. Tôi cũng không hiểu từ lúc nào cô đã bắt đầu cái màn trình diễn lạ lùng này, trong một bộ cánh làm người ta sửng sốt. Tôi hoàn

toàn không hiểu cô muốn thể hiện điều gì. Nhìn qua khung cửa một cô gái cứ thoát ản thoát hiện, lặp đi lặp lại bao nhiêu lần cái việc không thể nào hiểu nổi, với cái vẻ đoan trang và lặng lẽ như vậy, tôi cũng thấy đây là một chuyện hết sức lạ lùng. Nếu đây là cách thể hiện sự nuối tiếc khi mùa xuân sắp trôi qua thì sao cô lại có vẻ lơ đãng thế? Mà nếu đã tỏ ra lơ đãng thì sao lại ăn mặc đẹp đến vậy?

Có lẽ loại vải gấm đã làm nổi bật chiếc *obi*, làm sáng lên trong khoảnh khắc vẻ đẹp dịu dàng của sắc xuân lúc ngày tàn, trước khung cửa mờ mờ tối. Rồi bóng dáng trầm ngâm trong bộ quần áo rực rỡ cứ thướt tha đi lại trong thoáng chốc sẽ

mắt hút trong bóng chiều, tan biến vào cõi xa xăm u tịch. Giống như những vì sao lấp lánh mắt hút vào trong màu xanh thẳm của bầu trời xuân trước buổi bình minh.

Thế giới rộng lớn chừng như mở ra, hút cái bóng dáng rực rỡ kia vào trong cõi u huyền. Tôi cảm thấy có một vẻ gì đó siêu thực khi hình ảnh cô gái diện bộ trang phục chỉ phù hợp với cuộc sống hào nhoáng có phong cảnh dát vàng phía sau và những giá nền bằng bạc lung linh trước mặt, trong một buổi chiều xuân “mỗi giây phút đáng giá ngàn vàng”, với dáng điệu chẳng có vẻ gì buồn bực mà cũng chẳng tỏ ra hăng hái, đang phai nhạt

để dần biến mất khỏi thế giới hiện thực này. Chốc chốc, khi tôi liếc nhìn trong qua bóng hoàng hôn đang dần thẫm lại, thì thấy có vẻ như cô gái kia vẫn nấn ná ở đó, không có vẻ gì bối rối hay vội vã, vẫn bước những bước chân đều đặn không ngừng. Nếu không hề biết đến tai họa sắp giáng xuống đầu mình thì cô đúng là một người vô cùng trong sáng. Còn nếu biết mà không nghĩ rằng đó là tai họa thì quả là khác thường. Phải chăng cô vốn thuộc về bóng tối, và đây là khoảnh khắc mà cái ảo ảnh tạm thời đang trở về với cõi sâu thẳm khởi nguyên, nên mới có thể thông dong cất bước trên lằn ranh giữa hai thế giới hư và thực? Đặc tính này cũng thể hiện trên

chiếc áo dài tay mà cô đang mặc, với những họa tiết đa dạng chìm dần và mất hút vào trong nền vải đen tuyền.

Và tôi cũng nghĩ thế này. Nếu phải ở bên giường, chứng kiến một cô gái đẹp chìm trong giấc ngủ say sưa và trút hơi thở cuối cùng của đời sống thực để bước vào cõi mộng huyền ảo đó, thì chắc hẳn chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng đau khổ. Nhưng nếu chết vì quá nhiều nỗi khổ đau chồng chất, thì không chỉ bản thân người ấy đã quá mệt mỏi vì một cuộc sống không điểm tựa, mà ngay cả những người thân chứng kiến bên cạnh có lẽ cũng chán nản mà cho rằng chết đi là giải thoát. Tuy nhiên, ta sẽ hiểu thế nào về một đứa trẻ

đi vào cõi chết từ trong giấc ngủ say? Khi chết đi một cách dễ dàng trong lúc ngủ, đứa trẻ đã kết thúc cuộc sống quý giá của mình mà chưa kịp nghĩ gì đến cái chết. Nếu ai đó chắc chắn là phải chết, thì chúng ta nên giúp họ hiểu được định nghiệp không tránh khỏi của con người, để người ấy hướng đến hỉ xả và niệm Phật. Nếu bản thân cái chết hiện ra rõ ràng khi ta chưa hoàn thành những điều kiện để kết thúc cuộc đời, thì những tiếng niệm Phật vang lên như những âm thanh dùng để níu kéo trong tuyệt vọng một người đang trên đường về thế giới bên kia. Cũng có thể một người đang chìm trong giấc ngủ tạm thời, tưởng chừng như đã đi vào miền vĩnh cửu, bỗng trong một

khoảnh khắc lơ đãng nào đó bị níu kéo để lại vướng vào sợi dây phiền não tưởng chừng đã đứt thì sẽ cảm thấy rất đau khổ. Biết đâu người ấy sẽ nghĩ rằng, nếu từ bi thì đừng níu kéo, hãy để ta chìm sâu trong giấc ngủ yên bình. Nhưng chúng ta lại cứ giằng níu họ.

Mỗi lần bóng dáng cô gái sắp hiện ra ở cửa là tôi lại định cất tiếng gọi để kéo cô về với thế giới thực. Nhưng khi cái bóng lướt vụt qua khoảng trống một mét phía trước cửa như một giấc mơ thì tôi lại không thể nào cất tiếng nổi. Đã cố trấn tĩnh và thậm nhủ lần này phải làm được, nhưng rồi cái bóng lại vèo qua mất. Rồi trong lúc tôi đang tự vấn vì sao không

làm được, thì cô gái lại lướt qua. Cô cứ đi ngang qua như thế với cái vẻ không để ý gì đến những chuyện nhỏ nhặt xung quanh, không cần biết rằng nếu có người nào đó trông thấy, thì hẳn người đó sẽ lo lắng thế nào về sự bất ổn của mình. Ngay từ đầu cô đã đi qua với cái vẻ không quan tâm gì đến những người như tôi, không cần biết liệu tôi có bị làm phiền hay cảm thấy khó xử gì không. Rồi trong lúc tôi đang tự nhủ “lần này mình sẽ gọi” thì những sợi mưa đã nhẹ nhàng buông xuống từ những vàng mây sũng nước, như bức màn u uẩn che khuất hình bóng cô gái phía bên kia.

Chương 7

Trời lạnh. Tôi choàng tấm khăn đi xuống bồn tắm nước nóng.

Sau khi trút bỏ quần áo ở phòng thay đồ rộng ba chiều, tôi đi xuống bốn bậc thang thì đến một khu nhà tắm rộng chừng tám chiều. Có vẻ như ở nơi này rất nhiều nguyên liệu đá, nên phòng tắm được lát bằng đá hoa cương, và bể tắm nước nóng nằm ở giữa phòng, giống như cái bồn ở tiệm bán đậu phụ, lõm xuống mặt đất chừng hơn một mét. Cái gọi là “bể” này thật ra cũng được lát bằng đá. Nơi này

có tên là suối khoáng nên chắc hẳn là nước ở đây có nhiều khoáng chất, nhưng màu nước trong suốt rất dễ chịu. Thỉnh thoảng tôi vốc nước lên ném thử nhưng chẳng thấy có mùi hay vị gì đặc biệt. Nghe nói loại nước này cũng có tác dụng chữa bệnh nhưng tôi chưa tìm hiểu nên không rõ là chữa được bệnh gì. Tôi vốn cũng chẳng có bệnh gì đặc biệt nên chưa từng quan tâm đến việc tìm hiểu giá trị sử dụng thực tế của nước khoáng. Mỗi lần ngâm mình trong bể tắm tôi chỉ nhớ đến câu thơ của Bạch Lạc Thiên[1]: “*Dòng nước ấm mùa xuân/ Rửa trôi hết bụi trần*” [2]. Hễ nghe nhắc đến “suối nước nóng” là tôi lại nhớ câu thơ này và cảm thấy khoan khoái. Hoặc nếu mà có

suối nước nóng nào không mang lại cho tôi cảm giác thích thú kia thì tôi cho rằng nó không phải là một suối nước nóng đúng nghĩa. Ngoài tiêu chuẩn này tôi chẳng có đòi hỏi gì hơn.

[1] Túc Bạch Cư Dị (772 - 846), nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng đời Đường.

[2] Hai câu thơ trong bài Trường hận ca.

Khi ngâm hết cả người vào bể thì nước ngập đến ngang ngực. Tôi không biết người ta dẫn nước từ chỗ nào vào bể tắm, nhưng mực nước luôn ngập qua thành bể, trông rất tinh khiết. Đá lát đáy

bề luôn dấp nước và ẩm áp dưới chân gây cảm giác dễ chịu. Mưa rơi nhẹ nhàng như lướt qua màn đêm, lạnh lẽo tươi mát bầu không khí mùa xuân. Nhưng rồi tiếng mưa trên mái nhà càng lúc càng nặng hạt hơn, nghe rõ tiếng lộp độp, lộp độp. Hơi nước bốc lên mù mịt, tràn ngập cả gian phòng từ dưới sàn lên đến trần nhà, như đang cố tìm bất cứ khe hở hay lỗ hổng nhỏ nào để thoát ra. Sương thu lạnh hay sương mù giăng bảng lảng và khói bếp cơm chiều xanh ngát đều gửi vào bầu trời rộng mở những hình ảnh về kiếp phù sinh của chúng ta. Và những hình ảnh đó đều gợi lên nỗi buồn khó tả trước cuộc sống vô thường. Nhưng chỉ lúc này, khi đắm mình vào đám mây hơi nước ở vùng

suối nước nóng trong một buổi tối mùa xuân, để cảm giác êm dịu bao bọc lấy da thịt để trần, tôi mới cảm thấy dường như mình đã biến thành một người khác, thuộc về một thế giới nào đó rất cổ xưa. Tuy rằng đám mây này không dày đặc đến mức che lấp toàn bộ những gì trước mắt, nhưng cũng không mỏng manh đến nỗi chỉ cần vén qua như xé đi một lớp vải mỏng thì con người trần tục của tôi sẽ bị phơi bày. Dù có xé đi một lớp, hai lớp hay bao nhiêu lớp thì với gương mặt bị che lấp trong làn khói mù này, tôi vẫn là một người vô hình được bao phủ trong một chiếc cầu vồng âm áp. Người ta thường nói “say rượu”, chứ tôi chưa từng nghe ai nói là “say sương khói”. Mà dẫu

có nói thể đi chẳng nữa, thì tất nhiên người ta không định nói đến sương muối, mà cũng sẽ quá nặng nếu dùng cho sương mù. Lần đầu tiên tôi mới nhận ra cách nói ấy chỉ phù hợp với làn hơi nước mờ mịt thể này, khi người ta nghĩ về hai chữ “đêm xuân”.

Tôi tựa đầu lên thành bể tắm, ngược mặt lên, và thả nổi cơ thể hoàn toàn trong làn nước trong vắt. Linh hồn tôi cũng trôi nổi bồng bềnh như một sinh vật phù du. Nếu ta sống trong cuộc đời cũng với trạng thái thể này thì thoải mái biết bao. Có thể gỡ hết mọi rào cản phân biệt, bỏ hết mọi ngăn trở vì chấp trước. Mặc kệ mọi thứ trên đời, tôi cứ hòa mình vào trong làn

nước ấm. Sống nhẹ nhõm như một phiêu sinh vật. Nếu trôi nổi bồng bềnh như vậy mà làm cho tâm hồn cũng bay bổng được thì còn tốt hơn là trở thành tín đồ Thiên Chúa giáo. Đúng là nếu suy nghĩ theo kiểu như thế này thì chết đuối quả là đẹp đẽ và hạnh phúc. Tôi cho rằng trong một bài thơ nào đó của Swinburne[3], tác giả đã viết về cảm giác vui sướng của một người con gái chết trong dòng nước. Hình ảnh nàng Ophelia trong tranh của Millais mà trước đây tôi vẫn nghĩ là đau khổ, nếu nhìn theo quan niệm này thì cũng trở nên rất đẹp. Từ trước đến giờ tôi vẫn đặt câu hỏi vì sao họa sĩ lại chọn một cảnh tượng gò bó như vậy, và lúc này tôi mới chợt hiểu rằng hội họa thì

phải thể. Đúng là rất đẹp nếu vẽ một người đang trôi hoặc đang chìm, hay có thể đang trôi nổi dập dềnh trong làn nước với vẻ mặt thanh thản. Nếu vẽ thêm hoa cỏ hai bên bờ, phối màu sao cho màu sắc của nước, sắc mặt của người trôi trên dòng nước và màu sắc của y phục hòa hợp với nhau thì chắc chắn sẽ thành một bức tranh đẹp. Tuy nhiên, nếu gương mặt một người chết trôi mà lại có được sự bình yên đến thế thì hình ảnh ấy phải là một huyền thoại hay một lối biểu tượng. Thể hiện sự đau đớn về thể xác thì sẽ làm hỏng tinh thần của bức tranh, nhưng nếu là gương mặt hoàn toàn bình thản, không có vẻ gì là đau khổ thì không phản ánh được tình cảm của con người. Phải

vẽ một gương mặt như thế nào thì mới thành công nhỉ? Bức tranh Ophelia của Millais thì đúng là thành công đấy, nhưng tôi không tin rằng thế giới tinh thần của danh họa và mình lại giống nhau. Millais là Millais, tôi là tôi. Vì vậy tôi muốn vẽ một bức tranh về sự an lạc ở người chết đuối, xuất phát từ cảm hứng của riêng mình. Nhưng chẳng dễ gì mừng tượng được gương mặt mà tôi muốn thể hiện.

[3] Algernon Charles Swinburne (1837 - 1909) là nhà thơ nữ người Anh.

Lần này thì tôi làm một bài thơ ca ngợi người chết đuối, vẫn trong trạng thái trôi nổi bồng bềnh.

Khi trời mưa thì ướt

Khi sương rơi thì lạnh

Trong lòng đất tối tăm

Nhưng trôi trên dòng sông

Hay chìm trong sóng nước

*Làn nước mùa xuân sẽ gột rửa muộn
phiên...*

Trong khi tôi đang mơ màng vừa thả nổi
vừa ngâm nho nhỏ mấy câu như thế thì
chợt nghe thấy tiếng đàn *samisen* từ đâu

vắng lại. Với một người được gọi là nghệ sĩ thì chuyện này đúng là đáng xấu hổ, nhưng phải thú nhận rằng thính giác của tôi hầu như không lĩnh hội được thứ tri thức lạ lùng về cách chơi đàn *samisen*, không phân biệt được cao độ của nốt này hay nốt khác. Tuy nhiên, trong một đêm mùa xuân thanh vắng, càng thêm thi vị khi có hơi mưa, trong một khu nghỉ dưỡng gần suối nước nóng ở vùng đồi núi, thả mình trong làn nước mùa xuân ấm áp đến tận tâm hồn mà vô tình được nghe tiếng đàn vắng lại từ xa thì thật tuyệt. Vì xa nên dĩ nhiên là tôi không rõ người ta hát hay đàn điệu gì. Nhưng tiếng đàn có một vẻ gì đó rất cuốn hút. Nghe âm điệu trầm lắng, tôi đoán là

khúc hát của những người hát rong vùng *Kamigata*[4], thường được chơi bằng loại đàn *futozao*[5].

[4] *Nghĩa là vùng kinh đô.*

[5] *Một loại đàn samisen.*

Thuở bé, trước cửa nhà tôi có một quán rượu tên là *Yorozuya*. Chủ quán có một cô con gái tên là Okura. Cô Okura này luôn dạo khúc *nagauta* vào buổi xế trưa của ngày xuân êm ả. Hễ nghe tiếng nhạc cất lên là tôi lại chạy ra vườn. Có ba cây thông mọc ở phía trước vườn trà rộng hơn ba mươi mét vuông, phía đông của gian phòng khách. Đó là những cây thông

to, gốc cây có chu vi gần nửa mét. Và điều thú vị là hình như những cây thông này chỉ khi đứng gần nhau mới tạo ra dáng đẹp. Hồi nhỏ, mỗi khi ngắm mấy cây thông này tôi thấy rất dễ chịu. Dưới gốc thông, trên một tảng đá màu đỏ mà tôi không biết là loại đá gì, có một chiếc đèn sắt màu đen đã rỉ sét, cứ đứng im lìm như một lão già ngoan cố. Tôi rất thích ngắm chiếc đèn lồng. Và xung quanh chiếc đèn ấy, những ngọn cỏ mùa xuân mà tôi không biết tên đâm xuyên qua mặt đất phủ dày rêu, không cần biết đến những cơn gió của cõi vô thường, đang âm thầm tỏa hương và lặng lẽ tận hưởng cuộc sống. Hồi đó, trong đám cỏ này, tôi tìm được một chỗ vừa đủ để

chen chân, và hay ngồi hàng giờ ở đó. Thói quen mỗi ngày của tôi dạo ấy là ngồi dưới gốc thông, ngắm chiếc đèn lồng, ngửi mùi hương của cỏ, và nghe tiếng đàn của cô Okura từ xa vọng lại.

Có lẽ cô Okura đã trải qua thời kỳ búi tóc thành búi tròn theo kiểu phụ nữ mới kết hôn. Cô hay ngồi ở quầy thanh toán của quán rượu, gương mặt có vẻ đã từng trải vì mưu sinh. Tôi không rõ cuộc sống gia đình của cô có hạnh phúc không. Tôi cũng chẳng biết liệu những con chim én mỗi năm lại bay về, thì những chiếc mỏ lâm bụn của chúng có bận rộn vì kiếm ăn không. Trong tưởng tượng của tôi, hình ảnh những con chim én cứ lẫn vào mùi

hương của rượu.

Không biết bây giờ ba cây thông ấy có còn tồn tại và giữ được dáng vẻ tươi đẹp của ngày xưa? Cây đèn lồng sắt thì chắc là đã hỏng mất rồi. Và những ngọn cỏ mùa xuân có còn nhớ đến người đã ngồi với chúng ngày xưa không nhỉ? Chắc hẳn là giờ đây chúng không thể nào nhận ra người đã lặng lẽ xa rời chúng từ những ngày xa xưa ấy. Và hẳn là chúng cũng không nhớ được tiếng hát mỗi ngày của cô Okura: “*chiếc cà sa vải bông là trang phục du hành*”.

Tiếng đàn *samisen* bất ngờ gọi lại trong tôi cả một bức tranh toàn cảnh về những

ngày thơ ấu. Và trong lúc tôi đang trở về với quá khứ đầy hoài niệm, để lại là một chú bé ngây thơ hai mươi năm về trước, thì cửa nhà tắm đột nhiên xịch mở.

“Có ai đến chẳng?”. Tôi thăm nghĩ và quay nhìn ra cửa, vẫn đang ngâm mình trong bể tắm. Vì tôi gác đầu lên chỗ thành bể ở vị trí xa nhất từ phía cửa vào, nên cầu thang đi xuống bể tắm trong khoảng cách chừng sáu, bảy mét lọt nghiêng vào tầm mắt. Nhưng tôi vẫn chưa nhìn thấy gì. Trong một lúc lâu, tôi chỉ nghe thấy tiếng mưa rơi xuống mái hiên nhà. Tiếng đàn *samisen* đã ngưng từ lúc nào không rõ.

Rồi một bóng dáng nào đó hiện ra ở đầu cầu thang. Vì gian phòng rộng chỉ thấp mỗi chiếc đèn câu nhỏ, nên dù không bị hơi nước che mờ thì cũng khó nhìn rõ hình dạng hay màu sắc của bất cứ cái gì. Còn trong phòng tắm lúc này khi hơi nước bốc lên càng lúc càng nhiều, ngoài trời lại đang mưa mỗi lúc càng nặng hạt, thì tôi không biết lần đi đâu và cũng không nhận diện được cái bóng người đang đứng. Nếu cái bóng kia không bước xuống một, hai bậc thang, nếu không nhìn trực diện dưới ánh đèn rọi sáng thì không thể nào xác định là nam hay nữ.

Cái bóng đen bước xuống một bậc nữa. Bậc đá trông mượt như nhung, nên nếu

chỉ căn cứ vào tiếng chân bước thì có thể tưởng rằng bước chân đã dừng lại. Nhưng cái bóng lại gần thêm một chút. Là một họa sĩ, thị giác của tôi rất nhạy với bộ khung của cơ thể con người. Và rồi tôi chợt nhận ra, nếu cái bóng mờ mờ kia dần thêm một bước nữa, thì tôi và cô ấy sẽ cùng có mặt trong một gian phòng tắm.

Tôi còn đang phân vân tự hỏi có nên đánh động hay không, thì trong thoáng chốc bóng dáng cô gái đã hiện ra trọn vẹn ngay trước mặt. Chìm trong làn hơi nước mờ mịn nhuộm ánh sáng dịu dàng của ngọn đèn thành màu đỏ nhạt, hình ảnh cô gái với suối tóc đen bóng bênh buông

dài mềm mại trên tấm lưng thon chắc gọi lên trong tôi cảm giác về sự đoan trang, lịch lãm và thanh tú. Lúc đó tôi chỉ có một suy nghĩ rằng, mình đã tìm ra được một hình ảnh tuyệt đẹp, toàn bích cho bức vẽ.

Điều khắc Hy Lạp thời cổ đại thì tôi không rõ, nhưng khi xem tranh khỏa thân của những họa sĩ Pháp ngày nay, có thể thấy rõ ràng là họ cố gắng hết mình để mô tả vẻ đẹp nhục thể của thân xác con người. Và tôi cảm thấy thất vọng ghê gớm vì cảm giác thiếu sự tinh tế và tao nhã ở những bức tranh như vậy. Tuy nhiên, lúc đó thì tôi chỉ biết rằng những bức tranh ấy là chưa đạt, mà không biết

chưa đạt vì thiếu cái gì. Có lẽ bấy lâu tôi vẫn bứt rứt trong lòng là vì chưa tìm được lý do khiến những tác phẩm kia kém giá trị thẩm mỹ. Nếu da thịt bị che phủ thì vẻ đẹp cũng bị khuất lấp. Nhưng nếu không che phủ thì lại thành thô thiển. Tranh khỏa thân ngày nay cứ thỏa sức phô bày sự thô thiển không cần che đậy. Không thỏa mãn với việc miêu tả những tấm thân trần trụi không y phục, các họa sĩ còn gắng sức để đưa những hình ảnh lỏa thể vào thế giới có y trang. Họ quên rằng con người đời thường vốn phải khoác y phục lên thân thể để áp đặt mọi quyền năng lên những thân xác lỏa lồ. Vì muốn thể hiện một cách mạnh mẽ cảm giác về “cái trần trụi hoàn toàn”, họ đã

đẩy xa đến mức vô tận những giới hạn cần phải tuân thủ. Việc dụng công thái quá vào kỹ thuật có khi sẽ bị đánh giá là hạn hẹp vì áp đặt người xem. Đó là một ví dụ cho thấy rằng, khi nôn nóng muốn thể hiện cái đẹp một cách sinh động, thì trái lại cái đẹp sẽ bớt đẹp đi. Cũng vì vậy mà trong dân gian có cách nói rằng “cái gì thái quá thì bất cập”.

Sự trong sáng và phóng khoáng là biểu hiện của một tâm hồn phong phú. Phong phú là điều kiện thiết yếu trong hội họa, thơ ca và cả văn chương nữa. Một sự tiêu cực lớn của nghệ thuật ngày nay, mà người ta còn gọi là trào lưu văn minh, đã dồn ép những người làm nghệ thuật một

cách thái quá, tạo ra sự vụn vặt và không khí ngột ngạt ở khắp nơi. Có thể nói tranh khỏa thân là một ví dụ thích hợp cho tình trạng đó. Ở thành thị có một giới được gọi là *geisha*. Họ là những người bán nhan sắc của mình, làm nghề mua vui cho kẻ khác. Khi tiếp khách làng chơi, họ chẳng thể hiện được nét đẹp tinh tế nào, mà chỉ chú ý để làm cho mình quyến rũ hơn trong cái nhìn của khách. Thế mà danh mục tác phẩm hàng năm trong các bảo tàng mỹ thuật lại đầy những tranh vẽ những mỹ nữ khỏa thân giống hệt các nàng *geisha* ấy. Chẳng những không giây phút nào quên được chuyện khỏa thân, họ còn nỗ lực hết mình vì nhục thể, cố gắng để thể hiện hết mức trước người xem cơ

thể trần trụi của mình.

Cái thân hình mỹ miều duyên dáng đang hiện ra trước mắt tôi lúc này thì lại không hề vương một hạt bụi trần tục. Nếu là hình ảnh một người bình thường đã trút bỏ y trang thì sẽ rơi vào sự tầm thường của thế giới con người. Nhưng vóc dáng này gợi lên sự tự nhiên thuần khiết như những vàng mây trong cõi thần tiên, vốn không hề biết đến sự cần thiết của y phục.

Hơi nước đã tỏa mù mịt khắp phòng vẫn cứ dâng lên mãi. Trong đêm xuân, từ chiều sâu của không gian mờ ảo lung linh bảy sắc cầu vồng do ánh đèn bị khuếch

tán trong hơi nước, làm mờ đi cả mái tóc màu đen, đang dần hiện ra một tấm thân trắng nõn nà. Chúng ta hãy cùng thưởng thức hình ảnh ấy!

Đường viền mềm mại ở gáy nhẹ nhàng ôm xuống bờ vai, tạo thành hai đường cong tròn trĩnh xuôi xuống hai cánh tay, phần dưới cùng chẻ ra thành năm ngón. Phía dưới khuôn ngực tròn đầy, đường viền hơi khép vào một chút, để rồi lại vòng lên thành đường cong dịu dàng ở bụng. Đường căng thể lực chạy về phía sau, rồi ở điểm cuối của đường căng những khối cơ hơi nhô về phía trước để giữ thăng bằng. Ngược lại, sau khi chạy qua hai đầu gối thì đường viền gọn sóng

lại đổ xuôi xuống đến tận gót chân, để mọi rắc rối được hóa giải vào một kết thúc nhẹ nhàng ở hai bàn chân bằng phẳng. Trên đời chưa có sự phối hợp nào phức tạp đến như thế. Cũng không có sự phối hợp nào thống nhất đến như thế. Nhất định là người ta không thể tìm được một dáng vóc nào tự nhiên, mềm mại, nhu mì và thông dong đến vậy.

Tuy nhiên, vóc dáng này không hiện lên trước mắt tôi lồ lộ như một tấm thân lửa thể tầm thường. Vẻ đẹp toàn bích ở đây chỉ là sự gợi cảm nhẹ nhàng, trong một không khí thanh thoát đến thiêng liêng làm cho mọi thứ trở nên huyền ảo. Sự ấm áp, mơ hồ và vẻ đẹp tinh tế đầy tính nghệ

thuật ở bức chân dung này giống như hình ảnh con rồng trong tranh thủy mặc chỉ được thể hiện bằng những nét vẽ chấm phá để khơi gợi trí tưởng tượng của người xem. Một bức tranh vẽ rồng chi tiết đến từng chiếc vẩy thì trái lại sẽ trở nên thô thiển, và tương tự, nếu phôi bày nhục thể một cách trần trụi sẽ không gợi được vẻ đẹp huyền ảo và sâu lắng. Tôi nhìn ngắm hình ảnh cô gái trước mắt mình mà tưởng như đang ngắm chị Hằng vừa chạy trốn khỏi cung trăng, lúng túng vì bị vướng trong đám mây ngũ sắc.

Rồi bóng dáng cô nhích lại gần và có vẻ trắng hơn. Tôi chợt nghĩ, lúc này chỉ cần cô tiến thêm một bước thì, chao ôi, hình

ảnh Hằng Nga tuyệt đẹp sẽ rơi xuống cõi phàm! Nhưng ngay khoảnh khắc đó thì cô gái bỗng quật mạnh mái tóc xanh ngời như con rùa thần quấy đuôi rẽ nước. Rẽ đám hơi nước mịt mù vẫn đang cuộn cuộn, cái bóng trắng bước nhanh lên cầu thang. Tiếng cười con gái vang lên một tràng lãnh lót, rồi xa dần về phía cuối hành lang, và gian phòng tắm lại chìm trong yên lặng. Tôi nuốt vội một ngụm nước sôi nóng và đứng trơ như phỗng trong bể tắm. Mặt nước sánh lên, ập những con sóng bất ngờ vào ngang ngực. Vang lên âm thanh rào rạt khi nước tràn qua thành bể.

Chương 8

Tôi được mời dự buổi uống trà. Có một khách tăng tham dự là hòa thượng Daitetsu ở chùa Kankaiji. Còn một người nữa là khách tục - một chàng thanh niên chừng hai tư, hai lăm tuổi.

Từ phòng tôi đang ở đi về dãy hành lang bên phải, rồi rẽ trái một lần nữa thì đến phòng của cụ chủ nhà. Phòng rộng khoảng sáu chiếu. Một chiếc bàn lớn làm bằng gỗ đàn hương nằm ở vị trí trung tâm tạo cảm giác căn phòng khá chật chội. Ở những chỗ ngồi quanh chiếc bàn, một tấm

thảm hoa được đặt vào thay cho loại đệm
ngồi thường thấy. Chắc hẳn là loại thảm
Trung Hoa. Một hình lục giác nằm giữa
tám thảm, có hình những cảnh liễu kỳ lạ
và một ngôi nhà cũng rất lạ lùng. Xung
quanh có màu xanh sẫm, gần như màu
chàm, và ở bốn góc là những hoa văn
xoắn xít trong một vòng tròn màu nâu.
Không biết ở Trung Quốc người ta có
dùng loại thảm này làm đệm ngồi không,
nhưng thật thú vị khi thấy thấy nó được
đặt vào đây thay cho những tấm đệm
ngồi. Giống như vải hoa của Ấn Độ hay
thảm treo tường của Ba Tư hấp dẫn bởi
sự khác lạ, tám thảm hoa này cũng thú vị
nhờ kiểu cách phóng khoáng khác
thường. Không chỉ tám thảm này mà mọi

thứ đồ dùng của Trung Hoa đều có vẻ đơn điệu và kém hấp dẫn. Phải thừa nhận rằng những vật dụng như thế chỉ có thể là sản phẩm của một dân tộc kiên nhẫn nhưng kém thông minh. Chúng chỉ có giá trị ở chỗ khiến người xem sửng sốt và kinh ngạc. Đồ mỹ nghệ Nhật Bản thì thể hiện một thái độ hết sức cẩn trọng, giống như sự cảnh giác của một kẻ chuyên móc túi. Sản phẩm của phương Tây thì hoành tráng và tinh xảo nhưng không thể nào thoát được vẻ trần tục. Đó là những suy nghĩ đầu tiên khi tôi ngồi vào bàn uống trà. Chàng thanh niên cũng ngồi xuống cạnh tôi, trên nửa kia của tấm thảm.

Vị hòa thượng ngồi trên tấm da cạp.

Đuôi của tấm da thò ra cạnh gối tôi, còn phần đầu là chỗ ngồi của cụ chủ nhà. Cụ già có chòm râu bạc rậm rạp, như thể tóc trên đầu đã được chuyển hết sang cằm ở phần dưới gương mặt. Cụ nhẹ nhàng bày lên bàn những cái chén đặt trên khay.

- Chẳng mấy khi có khách đến nhà như hôm nay, nên tôi có nhã ý mời trà... Ông cụ nói và nhìn về phía vị hòa thượng.

- Ô, xin cảm ơn cụ đã có lời mời. Lâu nay tôi ít ra ngoài, nên cũng định là hôm nay sẽ ghé chơi - Vị hòa thượng nói.

Vị sư này khoảng gần sáu mươi tuổi, có gương mặt tròn, nét mặt giống như hình

phác họa một vị Bồ Tát. Có vẻ như nhà sư khá thân thiết với cụ chủ nhà.

- Vị này là khách trọ chăng?

Cụ già vừa gặt đầu vừa rót từ một chiếc bình gốm vào chén trà vài giọt nước màu xanh ngọc. Nghe thoang thoảng một mùi hương thanh khiết.

- Anh ở một mình nơi thôn quê thế này, chắc là buồn lắm? Vị hòa thượng liền bắt chuyện với tôi.

- À... thì...

Tôi ậm ừ không biết nên nói thế nào. Nói

là buồn thì cũng không đúng, nhưng nói không buồn thì lại phải giải thích dài dòng.

- Thầy nói sao? Anh chàng này đến đây để vẽ tranh, nên cũng khá là bận rộn đấy.

-Ồ thế à? Hay quá nhỉ! Vậy anh có phải là một họa sĩ thuộc trường phái Nanso chẳng?

- Không ạ.

Lần này thì tôi lên tiếng, thầm nghĩ mình có nói gì về hội họa phương Tây thì hòa thượng cũng chẳng hiểu được.

- Ôi dào, nói về hội họa phương Tây thì...

Giữ vai trò chủ nhà, một lần nữa ông cụ lại chen vào nói đỡ cho tôi.

- Ồ, hội họa phương Tây à? Vậy là kiểu tranh giống như cậu Kyuichi thường vẽ phải không? Gần đây tôi mới được biết loại tranh đó, nhưng phải công nhận là rất đẹp!

- Không ạ, chỉ là loại xoàng thôi - Chàng thanh niên lúc này mới lên tiếng.

- Cậu có đưa thầy Gozen Nanzo xem phải không? Ông cụ hỏi. Cả lời nói và

cách thể hiện đều tỏ ra hết sức gần gũi.

- Dạ thì... Thật ra cháu không đưa thầy xem, chỉ là tình cờ gặp thầy lúc đang ngồi vẽ ở Ao Gương thôi ạ.

- Hừm, thế sao?... À, tôi rót sẵn trà rồi đây, xin mời!

Ông cụ đặt chén trà trước mặt từng người. Trà chỉ có vài giọt, nhưng cái chén thì thật là to. Trên nền men màu xám nâu của chén trà có những nét vẽ nguệch ngoạc màu đỏ sậm và vàng nhạt, không rõ là tranh hay một kiểu hoa văn nào đó, tạo nên một cái hình gần giống như mặt quỷ.

- Loại chén *Mokubee* đấy - Ông cụ giải thích ngắn gọn.

- Cái này hay đấy - Tôi cũng tán thưởng bằng một câu đơn giản.

- Đồ *Mokubee* giả thì nhiều lắm... Anh nhìn dưới đáy chén mà xem. Có khắc tên nữa đấy - Ông cụ nói.

Tôi nhắc cái chén lên, giơ ra phía cửa để nhìn. Hình ảnh ám áp của một cây địa lan trồng trong chậu in trên vách cửa. Tôi nghiêng đầu, nhìn kỹ thì thấy chữ *moku* nhỏ xíu trên khu chén. Về mặt giá trị thì chữ khắc trên sản phẩm như thế này

chẳng có gì quan trọng, nhưng giới sưu tầm nghiệp dư thì có vẻ rất quan tâm. Tôi không đặt chén xuống mà cứ thế đưa ngang miệng nhấp trà.

Nhấp từng ngụm trà ngọt và đậm pha bằng nước nóng đúng là sự phong lưu của kẻ nhàn cư. Người bình dân thường nghĩ trà là một loại thức uống thông thường, nhưng kỳ thực không phải vậy. Khi ta để từng giọt trà ngấm vào đầu lưỡi, để cho sự thanh khiết tỏa lan trong miệng thì hầu như cổ họng chẳng hấp thu được giọt nào. Chỉ có mùi hương phảng phất là thấm từ thực quản qua dạ dày. Dùng răng khi uống nước thì đúng là ngớ ngẩn. Mà nước thì rất nhẹ. Nước trà

giống như những giọt sương màu ngọc, còn thanh khiết hơn cả thứ nước cất thông thường, nhưng không có độ cứng đến mức làm người ta phải nhai mỗi miếng. Một thứ thức uống tuyệt vời. Người ta thường nói uống trà bị mất ngủ, nhưng tôi thậm chí còn muốn khuyên những ai mất ngủ nên uống trà.

Không biết từ lúc nào, ông cụ đã dọn ra món bánh ngọt dùng trong lễ trà, đựng trong một chiếc đĩa sứ màu xanh ngọc. Thật kinh ngạc khi thưởng lãm sản phẩm của một nghệ nhân thuộc loại quán quân - người đã chế tác từ một khối chất liệu thô thành một chiếc đĩa mỏng mảnh và khéo léo như vậy. Khi nhìn vào có cảm

giác như những tia nắng mùa xuân rơi xuống bề mặt đĩa không bị thoát ra ngoài mà hội tụ lại trong chiều sâu của chất sứ trong suốt. Nếu chiếc đĩa không phải đựng vật gì thì có thể còn đẹp hơn.

- Vị khách này có vẻ thích đồ sứ mỹ nghệ, nên hôm nay tôi mang ra vài món.

- Đồ sứ nào kia?... Cái đĩa đựng bánh ngọt đấy à? Cái đó thì tôi cũng thích. Anh này, có khi nào trong hội họa phương Tây người ta cũng vẽ những thứ như cửa trượt *fusuma*[1] không nhỉ? Nếu có thì tôi muốn nhờ anh vẽ cho một bức.

[1] Loại cửa trượt dày và nặng hơn

cửa shoji, có thể dùng làm vách ngăn tạm thời trong nhà. Trên cửa fusuma thường có vẽ hoa văn trang trí.

Chuyện vẽ thì tôi chẳng nề hà gì, nhưng chẳng biết có vừa ý hòa thượng hay không. Không khéo lại mất công vẽ để rồi bị chê là hội họa phương Tây chẳng ra gì thì quả là uổng công vô ích.

- *Fusuma* thì chắc là không hợp đâu ạ.

- Không hợp à? Thì ra là thế. Vậy thì những bức tranh của Kyuichi hôm trước hình như hơi rục rở quá chăng?

- Tranh của con thì tệ lắm, chẳng nên

xem làm gì - Chàng thanh niên lại nói những lời khiêm tốn với vẻ hơi e ngại.

- Cái ao gì đó ở đâu ấy nhỉ? Tôi hỏi chàng trai với một chút tò mò.

- Ở trong thung lũng phía sau chùa Kankaiji, một nơi yên tĩnh... Hồi còn học ở trường, vì chán quá nên em mới đến ngắm chơi ấy mà.

- Còn chùa Kankaiji...?

- Chùa Kankaiji ấy là chỗ tôi đang ở. Một nơi cũng khá là hay đấy. Nhìn xuống phía dưới thì có thể thu gọn biển cả vào trong tầm mắt... À, trong thời gian còn ở

đây anh tranh thủ ghé chơi đi. Xem nào, từ đây sang bên đó chưa đầy một cây số. Từ dãy hành lang này có thể nhìn thấy những bậc đá đi lên ngôi chùa đấy..., kia kia!

- Hôm nào tôi mạn phép ghé thăm được chứ?

- Ồ, tất nhiên. Tôi lúc nào cũng có ở đó. Cô ở nhà đây vẫn hay đến ấy mà... À, nhắc đến cô mới nhớ, hình như hôm nay không thấy cô Nami... Cụ này, cô ấy vẫn ổn đấy chứ?

- Chắc nó lại đi đâu rồi. Kyuichi này, có gặp nó ở đằng chỗ cháu không?

- Dạ không, cháu không gặp ạ.

- A ha, chắc cô lại đi dạo một mình rồi! Cô Nami vẫn còn đi khỏe lắm. Hôm trước tôi có việc đến Tonami, khi đi ngang chỗ cầu Sugatamibashi tôi cứ tưởng là mình thấy ai đó giống cô ấy thôi, nhưng đúng là cô ấy thật. Cô mặc *kimono* vén cao phía sau lưng, mang dép trượt. Rồi bất ngờ cô hỏi: “Thầy vẫn vợ làm gì ở đây kia chứ? Thầy đang đi đâu vậy?”, làm tôi hết sức ngạc nhiên, hà hà... Tôi hỏi cô định đi đâu với bộ dạng thế này, cô bảo đi hái rau mùi dại, lại bảo thầy ném thử một chút nhé, rồi bất ngờ dúm vào tay áo tôi những cọng rau

nhoe nhoét bùn, ha ha!

- Thật là...

Ông cụ nở nụ cười khổ sở và đột ngột đứng lên, đổi đề tài sang các loại dụng cụ uống trà:

- Thật ra thì tôi cũng muốn cho quý vị xem cái này.

Với những động tác có vẻ rất trang nghiêm, ông cụ lấy từ trên giá sách làm bằng gỗ đàn hương một chiếc túi vải lụa cũ, hình như có đựng vật gì hơi nặng.

- Thầy chắc đã thấy rồi chứ nhỉ?

- Cái quái quỷ gì thế?
- Cái nghiên mực ấy mà.
- Ủa, nghiên mực nào kia?
- Cái nghiên quý của ngài Sanyo ấy...
- Không, thế thì tôi chưa thấy.
- Có nắp *Shunsui* kèm theo nữa...
- Thế thì đúng là chưa. Đâu? Cho xem nào?

Ông cụ mở chiếc túi vải một cách trịnh

trọng, để lộ từ bên trong một phiến đá
vuông vức màu đỏ sẫm.

- Màu đẹp quá! Đá Giang Tây phải
không?

- Đá Giang Tây. Có đến chín chấm cơ!

- Những chín chấm kia à? Hòa thượng
thốt lên, đầy vẻ cảm kích.

- Còn đây là cái nắp *Shunsui* - Ông cụ
đưa ra một cái nắp mỏng gói trong vải
lụa. Trên nắp có bút tích của Shunsui, đề
một bài thơ thất ngôn tuyệt cú.

- Thì ra là vậy. Chữ của Shunsui thì đẹp

tuyệt rồi. Nhưng mà, viết lách thì Kyohei vẫn giỏi hơn.

- Đúng là ngài Kyohei giỏi hơn thật nhỉ!

- Có lẽ Sanyo là người tệ nhất. Chính cái kiêu tỏ ra thông tuệ lại làm cho ông ta trở nên thô thiển, chẳng có gì hay ho!

- A ha! Cụ chủ nhà bật cười - Vì thầy không thích ngài Sanyo nên tôi đã thay bức chữ của ngài sang bức khác rồi.

- Thế à?

Hòa thượng quay nhìn ra phía sau. Trong góc nhà, trên bức gỗ được đánh bóng như

gương có đặt một chiếc lọ bằng đồng đã cũ, bên trong cắm cành hoa mộc lan cao gần một mét. Phía sau lọ hoa là một bức đại tự của Bussorai viết một cách công phu trên loại giấy hoa tiên cũ tuyệt đẹp. Nền giấy này không phải là loại giấy lụa, nhưng vì giấy đã cũ nên bức chữ không chỉ có vẻ đẹp của thư pháp mà còn đẹp vì màu giấy cũng rất hòa hợp với màu nền ở xung quanh. Tôi nghĩ có lẽ khi làm giấy, để tấm giấy bớt đi vẻ sặc sỡ, người ta đã làm cho màu sắc nhạt đi và những đường nét vàng lặn xuống, có như thế mới thể hiện được vẻ đẹp thanh đạm và cổ kính, mới tạo ra sự hòa hợp tuyệt vời như vậy. Ngoài hai chiếc ngà voi trắng hai bên nổi bật trên vách đất có màu nâu

sẫm và cảnh hoa mộc lan lòa xòa phía trước, chỗ góc nhà chìm trong gam màu tối đến mức ảm đạm.

- Cửa Sorai phải không? Nhà sư hỏi, vẫn đang trong tư thế quay nhìn.

- Hình như ngài cũng không thích Sorai lắm, nhưng có lẽ còn đỡ hơn Sanyo.

- Rõ ràng là Sorai khá hơn. Chữ của những bậc học giả thời Kyoho[2] thì dù không đẹp vẫn có nét tao nhã.

[2] Kyoho là niên hiệu được dùng trong khoảng thời gian 1716 - 1735 ở Nhật Bản.

- Thầy ạ, có phải Sorai đã nói rằng: “Kotaku mới là nhà thư pháp Nhật Bản vĩ đại, còn chúng ta đều là kiểu mô phỏng Trung Hoa cả”?

- Tôi không rõ. Làm gì có chuyện khoác lác về thư pháp đến mức ấy! Hòa thượng bật cười to.

- Thầy có theo học ai không nhỉ?

- Tôi ấy à? Cụ biết đấy, Thiền sư thì không đọc sách, mà cũng không luyện chữ.

- Nhưng hình như thầy có theo ai đó?

- Hồi còn trẻ thì tôi có một đạo học chữ ngài Kosen. Chỉ thế thôi. Nhưng nếu người ta xin chữ thì lúc nào tôi cũng sẵn sàng cho. Hà hà! Mà này, cho tôi mượn cái nghiên đá Giang Tây ấy một chút xem nào - Nhà sư đề nghị.

Rồi ngài cầm lấy cái túi lụa. Mọi người chăm chú nhìn vào chiếc nghiên. Một chiếc nghiên bằng đá thường có bề dày khoảng bốn centimet, nhưng cái này thì dày gần gấp đôi. Chiều rộng và chiều dài khoảng mười ba và mười bảy centimet, có thể nói là cỡ trung bình. Nắp nghiên được làm bằng vỏ cây tùng để mộc, có hình một chiếc vẩy và được đánh bóng,

trên nắp có ghi hai chữ bằng mực đỏ, kiểu thư pháp gì thì tôi không rõ lắm.

- Cái nắp này... - Ông cụ nói - Cái nắp này không phải là một cái nắp bình thường. Mọi người xem, đúng là vỏ cây tùng đấy. Nhưng mà...

Ánh mắt ông cụ nhìn về phía tôi. Tuy nhiên, vì vốn là một họa sĩ, chẳng hiểu sao tôi không mấy hứng thú với một cái nắp nghiên làm bằng vỏ cây tùng, dầu nguồn gốc của nó có gắn với chuyện gì đi chăng nữa. Vì vậy tôi lên tiếng:

- Nắp bằng vỏ tùng thì hơi thô, phải không ạ?

- Ừm... Ông cụ khoác tay ra về phản đối:

- Nếu chỉ là cái nắp làm bằng vỏ cây tùng bình thường thì đúng là có hơi thô, nhưng cái này thì hơi đặc biệt. Đây là cái nắp do chính tay ngài Sanyo đẽo vỏ cây tùng ngài đã trồng trong vườn hồi sống ở Hiroshima để làm ra đấy.

Thì ra vậy. Sanyo vốn là một người chẳng cao nhấ mấy, tôi nghĩ vậy và đánh bạo nói luôn rằng:

- Nếu là vật tự tay mình làm thì dù sao cũng có vẻ thô vụng, nên thiết nghĩ ông ta không cần phải mất công tạo hình chiếc

vẩy rồi đánh cho bóng loáng lên như thế làm gì!

- A ha! Đúng thế! Cái nắp này có vẻ rẻ tiền làm sao ấy! Nhà sư ngay lập tức tỏ ra đồng ý với tôi.

Chàng thanh niên thì nhìn ông cụ với vẻ ái ngại. Ông cụ quăng cái nắp sang một bên, có vẻ hơi bức mình. Rốt cuộc thì toàn bộ chiếc nghiên cũng lộ ra từ dưới đáy túi.

Nếu chiếc nghiên này có nét gì độc đáo để hấp dẫn được người xem, thì đó là những nét khắc của nghệ nhân trên bề mặt. Ở giữa nghiên nhô lên một chỗ có

hình tròn như mặt chiếc đồng hồ bỏ túi, cao xấp xỉ vành nghiên. Đó là hình khắc lưng con nhện. Tám “chấm” của chiếc nghiên nằm ở đầu mút của tám cái chân nhện tỏa ra các phía như hình cánh cung, trong tư thế đang chạy. Một “chấm” còn lại nằm giữa lưng con nhện, nhòe nhoẹt như bị lem bởi một thứ nước quả màu vàng. Phần xung quanh lưng và chân nhện được khoét sâu xuống khoảng gần bốn centimet. Có lẽ phần khoét rỗng bao quanh này không phải là chỗ đựng mực. Hơn hai lít nước rót vào cũng chưa đầy phần lõm đó. Có lẽ người ta phải dùng một chiếc muôi bạc múc một chút nước từ trong bình đổ lên lưng con nhện, rồi mài thổi mực quý vào trong nước để hòa

tan. Nếu không phải thế thì dù được gọi là nghiền mực, trên thực tế nó không khác gì một món đồ trang sức thuần túy ở văn phòng.

Ông cụp lên tiếng, nước bọt ở khóe môi như sắp nhều ra ngoài:

- Quý vị nhìn thờ đá và những con mắt này đi!

Đúng là càng nhìn thì càng thấy màu đá rất đẹp. Tưởng như trên làn da nhẵn bóng và mát lạnh kia, chỉ cần một hơi thở phả ra thì hơi nước sẽ tụ lại ngay thành một phiến mây mỏng. Đặc biệt, đáng chú ý là ở chỗ màu của các “con mắt”. Chuyên

tiếp giữa màu mắt và màu nền là một sự thay đổi nhẹ nhàng và tinh tế, đến mức giống như đánh lừa mắt người xem, khiến ta không thể tìm ra được đâu là điểm chuyển màu. Có thể tưởng tượng là chúng ta đang nhìn xuyên qua một miếng thạch màu tím trong suốt và thấy hạt đậu nằm ẩn sâu trong đó. Chỉ cần có một hay hai “con mắt” đã là hết sức đáng quý rồi. Đến chín mắt thì hầu như không biết xếp vào loại nào cho được. Hơn nữa, cả chín con mắt đều được sắp xếp ngăn nắp cách đều nhau, đến mức người ta có thể tưởng là sản phẩm nhân tạo, thì phải công nhận là một tuyệt phẩm có một không hai trên đời.

- Quả là tuyệt diệu! Nhìn mát mắt vô cùng. Mà chạm vào như thế này cũng rất thích - Tôi vừa nói vừa chuyển cái nghiên cho chàng thanh niên ngồi bên cạnh.

- Kyuichi liệu có hiểu được thứ đó không? Ông cụ cười cười, hỏi. Kyuichi có vẻ hơi thất vọng:

- Cháu chẳng biết gì đâu.

Anh ta nói ngay như thể gạt đi, nhưng vẫn đặt cái nghiên mà mình không hiểu được xuống trước mặt ngắm nghía, có vẻ như cảm thấy tiếc rẻ, rồi nâng lên đưa lại cho tôi. Tôi xoa nhẹ bàn tay qua chiếc nghiên

một lần nữa rồi kính cẩn trao lại cho vị Thiền sư. Thiền sư đặt trên lòng bàn tay ngắm nhìn cẩn thận, rồi như cảm thấy vẫn chưa thỏa mãn, ông lấy tay áo *kimono* làm bằng lông chuột lau mạnh vào chỗ lưng con nhện, rồi nhìn chỗ sáng bóng vừa lộ ra với cái nhìn ngưỡng mộ.

- Ngài cư sĩ, màu này đúng là tuyệt thật đấy! Ông có bao giờ dùng qua cái này chưa?

- Không, tôi chưa hề nghĩ đến chuyện đem nó ra dùng, chỉ mới mua được thôi.

- Tôi cũng đoán thế! Cái này chắc ở Trung Hoa bây giờ cũng là loại hiếm,

phải không ngài cư sĩ?

- Đúng vậy.

- Tôi cũng muốn có một chiếc. Chắc phải nhờ đến cậu Kyuichi nhỉ? Thế nào, cậu mua giúp tôi một chiếc được không?

- Ôi... E rằng cháu chưa tìm được cái nghiên thì đã chết mất rồi - Chàng thanh niên cười khẽ.

- Ừ nhỉ! Không kịp tìm ra cái nghiên chẳng? À, khi nào thì cậu đi?

- Khoảng hai, ba ngày nữa ạ.

- Ngài cư sĩ, ông sẽ tiễn cậu ấy đến Yoshida chứ?

- Tôi thì cũng già yếu lắm rồi, lẽ ra không nên đi như thế, nhưng chẳng biết có còn dịp nào được gặp lại hay không, nên chắc là sẽ tiễn một quãng.

- Bác không cần phải tiễn cháu đi đâu ạ!

Chàng trai hình như là cháu của ông cụ này. Thảo nào có nét gì đó hơi giống.

- Cái gì? Tiễn đi một chút thì có sao đâu. Nếu đi thuyền thì chẳng mệt nhọc gì, phải không ngài cư sĩ?

- Vâng. Vượt đèo thì vất vả, chứ đi đường vòng bằng thuyền thì...

Lần này thì chàng trai lặng thinh, không nói lời từ chối nào nữa.

- Anh đi Trung Quốc à? Tôi hỏi.

- Vâng.

Chỉ có một chữ “vâng” thì chẳng đủ để hiểu được chuyện gì, nhưng vì không cần phải gạn hỏi nhiều hơn, nên tôi ghìm lại. Nhìn ra phía vách trượt, tôi thấy bóng hoa lan đã dịch chuyển đi một chút.

- Sao? Anh hỏi gì kia? À, trong cuộc chiến tranh này... Cháu nhà tôi tình nguyện nhập ngũ, nên bây giờ được triệu tập.

Thay lời chàng thanh niên, ông cụ cho biết chàng sắp phải bị đưa ra mặt trận ở vùng Mãn Châu hoang vu. Thật sai lầm khi tôi cứ nghĩ rằng trong ngôi làng mùa xuân đẹp như thơ, như mộng này, chỉ có âm thanh của tiếng chim kêu, tiếng hoa rụng, hay là tiếng suối reo. Hiện thực vượt qua cả núi cao, biển rộng, dồn đuổi đến cả những con cháu họ Taira đang sống cuộc đời thanh đạm ở sơn thôn vắng vẻ này. Có lẽ đã đến lúc máu của chàng thanh niên này phải hòa cùng dòng máu

của muôn người nhuộm khắp vùng đồng hoang phương Bắc. Hay là lúc lưỡi kiếm dài đeo bên hông chàng phải làm cho máu của kẻ thù tuôn chảy. Nhưng chàng thanh niên này lại đang ngồi cạnh một họa sĩ mà cuộc sống chẳng có giá trị gì ngoài những chuyện mộng mơ. Ngồi gần đến mức nếu lắng tai thì có thể nghe thấy tiếng tim đập trong lồng ngực người bên cạnh. Phải chăng trong tiếng mạch đập khê khàng kia có vang vọng âm thanh của dòng máu phun trào lênh láng hàng trăm dặm trên những cánh đồng xa xôi ấy? Chỉ biết rằng định mệnh đã mang lại cho chúng tôi một khoảnh khắc ngắn ngủi bất ngờ để được gặp nhau dưới một mái nhà, ngoài ra thì chẳng cho ta biết gì thêm

nũra.

Chương 9

- Anh đang học à?

Cô gái hỏi. Từ lúc trở về phòng tôi cứ ngồi mãi chỗ chiếc ghế ba chân đã theo mình suốt cuộc hành trình, đọc một trong những cuốn sách đã mang theo.

- Cô cứ vào đi. Không sao đâu.

Cô gái bước vào phòng tự nhiên chẳng chút ngại ngùng. Màu da cổ tuyệt đẹp lộ ra rạng rỡ bên ngoài cổ áo *kimono* màu tối. Khi cô ngồi xuống đối diện tôi, điều

đầu tiên đập vào mắt tôi chính là sự đối lập giữa màu vải áo và màu da ở cổ.

- Sách Tây à? Chắc là viết toàn những chuyện khó hiểu phải không?

- Làm gì có!

- Vậy sách viết những gì hả anh?

- Xem nào... Thực ra thì tôi cũng không hiểu rõ lắm.

- A ha! Vì thế nên mới phải học à?

- Học gì đâu. Chẳng qua nhân tiện mở sách ngồi bên bàn, rồi ngẫu hứng đọc

xem chỗ đang mở sẵn vậy thôi.

- Đọc kiểu đó thì có thú vị không?

- Thú vị chứ.

- Vì sao?

- Vì sao ấy à? Không hiểu sao với những loại như tiểu thuyết thì đọc kiểu này mới thú vị.

- Anh là kiểu người hơi lạ đấy!

- Ừ, cũng hơi lạ thật.

- Nhưng đọc sách từ đầu thì có gì không

hay chứ?

- Nếu mình cứ nghĩ là phải đọc từ đầu, thì cũng có nghĩa là phải đọc cho đến cuối truyện.

- Anh lý luận kỳ lạ thật! Chẳng lẽ không nên đọc đến cuối truyện hay sao?

- Dĩ nhiên chẳng có gì là không nên cả. Nếu muốn hiểu được cốt truyện thì tôi cũng đọc như thế.

- Nếu không đọc cốt truyện thì đọc cái gì? Ngoài cốt truyện còn có gì để đọc nữa chẳng?

“Đúng là phụ nữ thật”, tôi thầm nghĩ. Và cũng muốn thử cô một chút.

- Cô có thích tiểu thuyết không?

- Tôi à? Cô dừng lại đột ngột rồi lấp lửng - Ừ thì... Hình như cô không thích lắm.

- Chính cô cũng không rõ mình thích hay là không thích ư?

- Tôi không hề nghĩ đến chuyện đọc hay không đọc tiểu thuyết...

Trong mắt cô chẳng có vẻ gì là biết đến khái niệm về tiểu thuyết.

- Nếu vậy thì đọc từ đầu hay từ cuối truyện, hay là đọc ngẫu hứng ở bất kỳ chỗ nào cũng chẳng hề gì, đúng không? Có gì mà cô phải thắc mắc và ngạc nhiên như vậy?

- Bởi vì anh và tôi là hai kiểu người khác nhau.

- Khác thế nào?

Tôi hỏi, nhìn sâu vào mắt cô. “Lúc này mới đúng là thử thách”, tôi thầm nghĩ. Nhưng đồng tử trong mắt cô không hề động đậy.

- Ô! Anh không biết à? Cô bật cười to.

- Nhưng, lúc trẻ chắc là cô cũng đọc nhiều chứ?

Tôi không tấn công trực diện nữa mà xoay sang khai thác nội tâm.

- Tôi tin là bây giờ mình vẫn trẻ đấy chứ. Thật tội nghiệp!

Con chim đã sổ lồng nhưng vẫn dè chừng trước sau. Phải hết sức thận trọng trong cuộc chơi này.

- Phải là người có tuổi thì mới có thể nói như thế trước một người đàn ông chứ!

Rốt cuộc tôi cũng tìm được cách để vãn lại.

- Nếu nói vậy thì hóa ra anh cũng là người nhiều tuổi, có đúng không? Thật thú vị khi thấy một người nhiều tuổi như anh, đầu óc hơi ngơ ngẩn nhưng mặt thì đầy mụn trứng cá!

- Ủ, thú vị chứ. Và vẫn thú vị cho đến khi kết thúc cuộc đời.

- Cứ như ông cụ non! Chính vì thế mà anh mới thành họa sĩ à?

- Chính xác! Vì là họa sĩ nên không cần

phải đọc tiểu thuyết từ đầu đến cuối. Nhưng đọc ở đâu thì cũng thấy hay. Trò chuyện với cô cũng thấy hay. Hay đến mức tôi muốn mỗi ngày đều được trò chuyện với cô, trong thời gian trọ lại nơi này. Nhưng dù có say mê đến mức nào thì cũng không nhất thiết phải nên vợ nên chồng với cô. Nếu nghĩ rằng đã say mê là phải nên vợ nên chồng, thì đọc tiểu thuyết cũng phải đọc từ đầu đến cuối.

- Nếu vậy, họa sĩ là những người có kiểu yêu đương vô tình như thế ư?

- Không phải vô tình. Mà là kiểu yêu không ràng buộc. Đọc tiểu thuyết cũng theo kiểu không ràng buộc, nên cốt truyện

ra sao cũng chẳng hề gì. Cứ làm như thế này này, như kiểu rút thăm ấy. Cứ mở ra ngẫu nhiên một trang nào đó rồi nhân nha đọc chỗ vừa mới mở, thế mới là thú vị.

- Thảo nào mà anh có vẻ rất thích thú. Vậy kể cho tôi nghe một chút về chỗ anh đang đọc xem nào. Tôi muốn biết có gì hấp dẫn ở đó.

- Không kể được! Giống như người ta không thể kể về một bức tranh. Như thế còn gì là giá trị nữa, cô hiểu chứ?

- Ô! Cô bật cười - Vậy thì anh đọc tôi nghe với.

- Đọc tiếng Anh luôn à?

- Không, tiếng Nhật ấy.

- Đọc văn bản tiếng Anh bằng tiếng Nhật thì hơi khó đấy.

- Chẳng phải như vậy mới là thú vị sao? Ngẫu hứng thôi mà!

“Có lẽ đây cũng là một ý hay”, tôi nghĩ vậy và cũng đề đáp lại đề nghị của cô, tôi thử đọc lồm bồm một đoạn bằng tiếng Nhật. Nếu trên đời này có một cách đọc gọi là ngẫu hứng thì đó chính là cách mà tôi đang làm. Và dĩ nhiên là cô gái nghe tôi đọc cũng đang nghe một cách rất ngẫu

hứng.

“Từ cô gái lan tỏa ra một cảm giác dịu dàng. Lan tỏa từ giọng nói, từ đôi mắt, làn da. Vì cô đang muốn nhờ vả chàng trai để được ngắm cảnh chiều Venice, hay là vì chàng trai giúp đỡ cô đang rung động sâu sắc trong từng nhịp đập của trái tim?...” Vì là ngẫu hứng, nên tôi chỉ đọc lướt qua thôi. Có thể sẽ lược bỏ nhiều chi tiết.

- Chẳng sao cả. Tùy anh thôi. Thậm chí có thêm vào đôi chỗ cũng không vấn đề gì.

“Cô và anh ngồi bên nhau chỗ mạn

thuyền. Khoảng cách giữa hai người còn hẹp hơn cả dải phướn đang tung bay trong gió. Cả hai cùng nói lời tạm biệt Venice. Lâu đài Doge ở Venice cũng giống như vầng mặt trời trong buổi hoàng hôn lần thứ hai này, với màu đỏ đang nhạt dần rồi mất hút...”

- Doge là cái gì?

- Là cái gì cũng không quan trọng. Đó là họ của những người đã cầm quyền ở Venice ngày trước. Chắc là cũng phải qua bao nhiêu thế hệ. Lâu đài ấy bây giờ vẫn còn ở Venice.

- Vậy thì hai nhân vật nam và nữ kia là ai

vậy nhỉ?

- Tôi cũng chẳng biết họ là ai. Chính vì như thế mới thú vị. Những mối quan hệ vốn có từ trước chẳng có gì quan trọng. Chỉ cần họ đang ở bên nhau như thế là đủ hay rồi, cũng giống như tôi và cô đang ngồi cùng nhau thế này thôi.

- Có lẽ vậy chẳng? Hình như họ đang ở trong một chiếc thuyền thì phải?

- Trên một chiếc thuyền hay một ngọn đồi, thì cứ hiểu theo cách miêu tả trong truyện ấy. Còn nếu đặt câu hỏi tại sao thì lại thành ra tọc mạch.

- Ô! Cô bật cười - Vậy thì tôi sẽ không hỏi nữa!

- Loại tiểu thuyết thông thường đều bày ra những chuyện tọc mạch cả đấy chứ. Vì không có kiểu ngẫu hứng... nên chẳng có gì là thú vị.

- Vậy thì hãy theo dõi tiếp chuyện ngẫu hứng ấy đi nào. Rồi sao nữa?

“Venice thấm dần, thấm dần, cho đến lúc chỉ còn lại một đường mỏng manh mờ nhạt vắt ngang trời. Rồi cái lần ngang ấy cũng tan dần. Chỉ còn là những cái chấm. Đây đó, những cây cột tròn đứng sừng dưới bầu trời như một

mảng pha lê ngũ sắc. Cuối cùng, cái
lầu chuông cao nhất cũng khuất dần đi.
“Qua mất rồi!” cô nói. Tâm hồn cô gái
đang đi qua Venice cũng tự do như gió
thổi ngang trời. Nhưng Venice đang
chìm trong bóng tối đã để lại một nỗi
buồn vây chặt tâm hồn cô, khiến cô nhủ
thậm mình phải quay trở lại. Anh và cô
cùng nhìn về phía vịnh tối thẫm. Những
ngôi sao lần lượt xuất hiện. Biển gợn
sóng nhẹ nhàng tung bọt trắng. Anh
nhắm lấy tay cô. Như nắm chặt một sợi
dây đàn cứ rung ngân không dứt...”

- Hình như không phải là hoàn toàn ngẫu
hứng đâu.

- Sao? Cái này có thể nghe theo kiểu ngẫu hứng mà. Nhưng nếu cô không thích thì tôi lược bỏ bớt đi nhé?

- Không, tôi thích mà.

- Với tôi thì có thể nói là khá hay ấy chứ... Tới đâu rồi nhỉ?... E hèm... đoạn này hơi khó đấy. Dịch thế nào đây?... Ôi, khó thật!

- Nếu khó quá thì cứ lược bỏ đi.

- Ủ, thôi cứ lướt qua vậy... “*Chỉ còn đêm nay thôi*”, cô bảo. “*Chỉ một đêm thôi ư?*”, anh kêu lên. “*Chỉ một đêm thì tệ quá, phải bao nhiêu đêm nữa!*”

- Đó là câu nói của cô gái, hay của chàng trai?

- Chàng trai nói chứ. Dù gì thì cô gái cũng không muốn trở lại Venice mà. Vì thế nên chàng mới an ủi cô như vậy...
“Trong đêm khuya, khi ngả lưng trên boong tàu, gói đầu lên mở dây căng buồm, ký ức của anh lại trở về với khoảnh khắc ấy, khoảnh khắc sống động như một giọt máu nóng hổi, khi anh siết chặt bàn tay cô, cứ bồng bênh trong anh như một con sóng lớn. Nhìn ra màn đêm tối mịt, anh quyết tâm phải cứu được cô ra khỏi bờ vực thẳm của một cuộc hôn nhân cưỡng ép. Xác định

như thế rồi, anh mới nhắm mắt lại...”

- Còn cô gái?

- Cô gái còn đang lạc lối, không biết rồi sẽ đi về đâu. Như thể bị bắt cóc đưa lên trời. Một sự vô cùng tận lạ lùng không hiểu được... Đoạn sau hơi khó đọc. Chẳng thành câu cú gì cả... Chỉ là một sự vô cùng tận không sao lý giải... Sao không có động từ nào cả thế này?

- Có cần gì động từ đâu chứ? Thế là quá đủ rồi.

- Sao?

Rừng cây trên núi bỗng rung lên xào xạc. Hai chúng tôi bất giác nhìn nhau, và đúng lúc đó thì cành hoa trà cắm trong chiếc lọ đặt trên bàn cũng rung rinh.

- Động đất!

Cô kêu khẽ rồi quỳ xuống nép vào dưới bàn chỗ tôi ngồi. Hai thân hình run rẩy kề sát nhau. Một con gà lôi từ trong bụi cây gần đó vỗ cánh phạch phạch bay ra ngoài.

- Gà lôi kia - Tôi nhìn ra cửa sổ, nói.

- Đâu?

Cô thụp xuống, rướn người về phía tôi. Hai khuôn mặt gần như chạm vào nhau. Những sợi râu trên mặt tôi cảm nhận được cả hơi thở từ mũi cô hắt ra nhẹ nhàng.

- Chỉ là ngẫu hứng thôi đấy nhé!

Ngay lập tức cô ngồi thẳng lên, nói chắc nịch.

- Tất nhiên rồi! Tôi đáp lại ngay.

Vũng nước mùa xuân đọng trong chỗ trũng trên tảng đá bị đánh động, bắt đầu chảy róc rách. Vì sự chấn động từ đáy nước làm tràn lên những con sóng dâng

cao là xuất phát từ sự chấn động trong lòng đất, nên chỉ tạo ra trên bề mặt những vết rạn ngoằn ngoèo mà không làm cho đá bị vỡ ra từng mảnh. Nếu mà có từ nào dùng để chỉ sự vận động trong tĩnh lặng thì có thể miêu tả chính xác trường hợp này. Những cây anh đào núi vẫn đứng trầm ngâm soi bóng trên mặt nước giờ đây cũng lắc lư nghiêng ngả, vươn lên oằn xuống liên hồi. Tôi rất thích thú khi thấy rằng, cho dù có ngả nghiêng oằn oại, dáng vẻ rạng rỡ tươi đẹp của cây anh đào vẫn không bị mất đi.

- Thế này thì thích thật! Đẹp và sinh động nữa! Không lay động như thế này thì chẳng có gì thú vị.

- Nếu con người mà có thể lay động kiểu này thì dẫu bị tác động đến đâu cũng chẳng sao đâu nhỉ?

- Nếu không có tinh thần ngẫu hứng thì không chịu được lay động kiểu này đâu.

- A ha! Cô bật cười - Đúng là anh thích ngẫu hứng thật!

- Mà cô thì cũng chẳng phải là không thích ngẫu hứng đâu! Chiếc áo *kimono* dài tay hôm qua ấy...

Tôi vừa gợi chuyện thì:

- Anh thưởng cho tôi cái gì đi - Cô đột ngột đổi giọng vội vãnh.

- Vì sao chứ?

- Vì anh bảo là muốn được nhìn tôi trong bộ áo tay dài, nên tôi mới nhọc công biểu diễn cho anh xem đây! Không phải thế sao?

- Tôi bảo thế à?

- Tôi nghe kể lại rằng, có một anh chàng họa sĩ đi qua con đường núi đã bộc bạch với bà cụ ở quán nước một nguyện vọng như thế kia mà.

Tôi chẳng biết nên trả lời thế nào.

- Với người đăng trí như vậy thì chân thành đến đâu cũng chỉ phí công thôi!

Cô gái nói mà không nhìn tôi, với giọng điệu như mỉa mai, như oán trách. Đây là mũi tên thứ hai bắn từ đôi phương cắm thẳng vào mặt tôi. Mọi chuyện có vẻ gay go hơn hẳn. Tôi đã bị qua mặt và vẫn đang lúng túng chưa tìm ra cách nào để xoay chuyển tình thế.

- Vậy thì chuyện hôm qua ở chỗ nhà tắm ấy, cũng chỉ vì cô tử tế với tôi sao?

Trong lúc đang hết sức lúng túng thì tôi

lại trở được thể cò.

Cô im lặng hồi lâu.

- Tôi xin lỗi, không biết có cần phải làm gì để cảm ơn cô không nhỉ?

Tôi tiếp tục trong nỗ lực dần tới. Nhưng dù tôi có tiến đến đâu cũng không có tác dụng gì. Cô gái cứ ngăn người ngăn bức thư pháp của hòa thượng Daitetsu. Cô lầm nhảm:

- *Bóng trúc quét thêm, không dấy bụi.*

Rồi bỗng cô nhìn thẳng về phía tôi, như chợt nhớ ra điều gì:

- Anh vừa nói gì thế?

Cô cố ý hỏi to. Nhưng tôi không bị cô đánh lừa lần nữa.

- Lúc này tôi đã gặp vị hòa thượng ấy.

Tôi học cách thể hiện sự lay động tiềm tĩn, như nước trong ao bị sánh vì động đất.

- Vị hòa thượng ở chùa Kankaiji à? Ông ta là kiểu người to béo phải không?

- Ông ấy đã nhờ tôi vẽ giúp một bức tranh về tấm cửa trượt theo kiểu hội họa

phương Tây. Hình như Thiền sư hay nói những chuyện mà người ta không hiểu được!

- Có lẽ nhờ vậy mà ông ta mới to béo như thế đấy!

- Và tôi còn gặp một chàng thanh niên nữa...

- Kyuichi phải không?

- Ừ, cậu Kyuichi.

- Anh biết rõ nhỉ!

- Đâu có! Tôi chỉ biết cậu ấy là Kyuichi

thôi. Ngoài ra chẳng biết gì cả. Có vẻ như cậu ta là người rất ít nói, đúng không?

- Làm gì có! Chắc là vì mắc cỡ thôi. Cậu ấy còn trẻ con lắm mà...

- Trẻ con ư? Chẳng phải cậu ta cũng ngang tuổi với cô sao?

- A ha! Anh nghĩ thế à? Cậu ta là em họ tôi đấy. Cậu ấy đến chào từ biệt vì sắp phải ra trận.

- Cậu ấy đang nghỉ lại ở đây à?

- Không, cậu ấy đang ở nhà anh tôi.

- Vậy là cậu ấy chỉ tranh thủ đến uống trà thôi nhỉ?

- Cậu ấy thích tắm nước nóng hơn là thích uống trà. Giá mà bố tôi đừng bắt cậu ấy phải ngồi vào. Chỉ tổ bị tê chân mà thôi. Nếu lúc đó mà có tôi ở đây thì tôi đã cho cậu ấy về sớm rồi...

- Thế cô đi đâu vậy? Hòa thượng có hỏi thăm cô đấy. Ông đoán là cô lại đi dạo một mình.

- Ừ, tôi đi loanh quanh ra chỗ Ao Gương.

- Tôi cũng muốn đến chỗ Ao Gương đó...
- Anh cứ đến xem thử đi.
- Liệu đó có phải là một cảnh đẹp để vẽ tranh không nhỉ?
- Một cảnh đẹp để trầm mình thì có!
- Tôi chưa muốn trầm mình bây giờ đâu.
- Còn tôi thì có lẽ sắp trầm mình rồi đây.

Một câu nói đùa hơi thái quá, khác với kiểu cách của nữ giới thường tình. Tôi bất giác ngẩng nhìn cô. Cô vẫn giữ một vẻ bình thản lạ lùng!

- Nhờ anh vẽ giúp một bức tranh thật đẹp về cảnh tôi chết đuối - không phải chết trong quần quai khổ sở đâu, phải là một cuộc ra đi thanh thản ấy!

- Cái gì?

- Anh ngạc nhiên đúng không? Ồ, tôi đã làm anh phải ngạc nhiên! Phải ngạc nhiên rồi nhé!

Cô nhẹ nhàng đứng lên. Sau khi bước mấy bước chân đến chỗ cửa phòng, cô còn quay lại nở nụ cười với tôi. Tôi bất ngờ đến mức ngồi ngây ra như phỗng!

Chương 10

Tôi thử đi đến chỗ Ao Gương. Con đường phía sau chùa Kankaiji từ rừng tuyết tùng thoải xuống phía thung lũng, rồi rẽ ra làm đôi trước khi lại bò lên sườn núi bên kia, và Ao Gương nằm tự tại giữa hai nhánh rẽ của con đường ấy. Quanh bờ ao mọc rất nhiều tre lùn. Ở một vài nơi, chúng mọc ken dày đến mức người ta không thể nào đi luôn qua đấy mà không làm cho cành lá khua xào xạc. Nhìn qua đám cây cỏ vẫn thấy được mặt nước, nhưng nếu không đi vòng quanh bờ ao thì chắc không thể biết cái ao này bắt

nguồn từ đâu và kết thúc ở nơi nào. Đi quanh một vòng thì thấy ao nhỏ hơn nhiều so với những gì mình tưởng tượng. Chu vi chưa đến trăm rưỡi mét. Chẳng qua, đây là một cái ao có hình dáng hết sức khác thường. Những tảng đá nằm rải rác đó đây trong nước, theo kiểu rất tự nhiên. Mức nước trong ao cũng khó xác định như hình dáng của ao, vì những đợt sóng nhấp nhô cứ liên tiếp vỗ vào bờ.

Khu vực xung quanh ao mọc nhiều cây bụi. Loại cây thì nhiều không đếm xuể, có lẽ phải đến hàng trăm loài. Đã sang xuân mà nhiều loại cây vẫn chưa đâm chồi nảy lộc. Ở một vài chỗ có thể đón ánh nắng mùa xuân rạng rỡ chiếu xuyên

qua lớp lá cành thưa thớt, còn thấy cả những vạt cỏ hồn nhiên lún phún xanh. Và rải rác đó đây là những bông hoa violet mảnh dẻ dịu dàng.

Những bông hoa violet Nhật Bản đang say ngủ. Cách nói bay bổng của một nhà thơ phương Tây, “*sự lý tưởng thánh thiện*”, có vẻ không hợp lắm với những đóa này. Tôi vừa nghĩ đến đó thì đôi chân đang bước đột nhiên dừng lại. Dừng lại rồi thì cứ đứng chôn chân một chỗ. Và diễm phúc cho những ai có thể làm điều đó. Nếu ở giữa phố phường Tokyo mà dừng lại kiểu này thì sẽ bị xe điện đâm chết ngay tức khắc. Mà dẫu không bị xe điện đâm chết thì cũng bị

cảnh sát tuần tra kéo đi ngay. Đô thị đối xử với người dân vô tội như những kẻ hành khất, rồi lại trả lương cao cho những tên thám tử chẳng tốt đẹp gì hơn những kẻ chuyên nghề ăn cắp vặt.

Tôi nhẹ nhàng ung dung ngồi xuống thảm cỏ. Tôi có thể ngồi bất động ở đây năm, sáu ngày liền mà chẳng sợ có ai đến quấy rầy. Thiên nhiên tuyệt vời là thế! Khi hung bạo thì không hề thương xót nể nang ai, nhưng cũng chẳng bao giờ có thái độ khinh miệt hay phân biệt đối xử giữa người này và người khác. Những thứ mà các đại gia như Iwasaki hay Mitsui[1] không thèm nhìn ngó đến vẫn hiện diện bình thường trong thế giới tự nhiên. Mặt

khác, chỉ thiên nhiên mới có thể lạnh
lùng ngoảnh mặt trước quyền lực của
những bậc vua chúa từ cổ chí kim. Đức
cao rộng của thiên nhiên vượt trên thế
giới hèn mọn của con người, duy trì một
trạng thái bình đẳng tuyệt đối trong cõi
mênh mông vô tận. Vì vậy, sống trên đời
chỉ bằng cứ xới đất trồng cây, một mình
vui thú điền viên hơn là làm những
chuyện tầm thường để rồi phải vướng
vào những chuyện bực mình như Timon ở
Athen[2]. Người ta hay nói đến những
khái niệm “vô tư”, “công bằng”. Nếu
điều đó được xem là quan trọng thì có lẽ
người ta nên giết cả nghìn sinh mạng mỗi
ngày, rồi đem những xác chết kia làm
phân bón cho cỏ hoa khắp chốn...

[1] Iwasaki, Mitsui là tên những tập đoàn kinh tế lớn ở Nhật Bản.

[2] Nhân vật Timon trong vở kịch Timon ở Athen của William Shakespeare là một người cư xử rất hào phóng vì thích làm hài lòng bạn bè.

Mà sao mình lại nghĩ đến những chuyện lẩn thần thế này? Mình đến Ao Gương có phải để nghĩ vẩn vơ như một cậu học sinh cấp hai đâu cơ chứ! Tôi lấy từ gói thuốc Shikishima từ trong tay áo rộng và bật diêm châm lửa. Đầu diêm trượt qua kêu xoẹt nhưng chẳng thấy lửa bật lên. Tôi phải dúi vào đầu diều thuốc để hít

vào thì thấy khói hắt ra đằng mũi, lúc đó mới biết là đã mỗi lửa xong. Que diêm bị vút vào bụi cỏ mọc lan trên mặt đất còn tỏa ra một làn khói mỏng ngoằn ngoèo như hình một con rồng, rồi tắt lịm. Tôi thử ngồi nhích lại gần mực nước hơn một chút. Giờ thì tôi ngồi hẳn trong bờ ao, giữa thiên nhiên, ngay sát bên mép nước. Chỉ cần nhích thêm một chút nữa thì chân sẽ nhúng vào làn nước ấm dưới ao. Và tôi quan sát mặt nước dưới chân mình.

Trong phạm vi quan sát của tôi thì hình như mực nước không sâu lắm. Đám rong với những cọng dài mảnh dẻ vạt vờ dưới đáy ao. Tôi không biết dùng từ nào khác

để tả chúng ngoài chữ “vật vờ”. Những cọng lau trên đồi còn biết đến cảm giác rạp mình trong cơn gió. Loài rong biển còn biết đợi chờ những con sóng mơn man. Còn những cọng rong chìm dưới đáy ao này thì dầu đợi trăm năm cũng chẳng có gì chạm đến. Chúng cứ dồn hết niềm khát khao lên đầu ngọn, rồi chờ đợi mòn mỏi từ ngày này qua đêm khác, để bây giờ chẳng còn tươi tắn nữa mà cũng chưa chết được, nên cứ sống vật vờ như thế.

Tôi nhô dậy, nhặt trong đám cỏ mấy hòn sỏi vừa tay. Tự nhủ mình sẽ làm một chút việc thiện, tôi ném một viên sỏi về phía trước. Mấy chiếc bong bóng nổi lên

lục đục, rồi lại biến mất ngay. “Biến mất ngay”, tôi cứ nhắm đi nhắm lại trong đầu. Nhìn về phía ấy, tôi thấy vài cọng rong dài như những sợi tóc khế đu đưa ra chiều uể oải. Nhưng rồi nước bùn bị khuấy động cuộn lên từ đáy ao ngay lập tức che khuất chúng. Nam mô A di đà Phật!

Lần này thì tôi vận hết sức, ném viên sỏi vào giữa mặt ao. Một tiếng rơi “tôm” nhẹ nhàng. Nhưng mặt nước ao tĩnh lặng tuyệt nhiên không hề xao động. Tôi chẳng còn hứng thú để mà ném nữa. Cứ để mặc cái mũ và giá vẽ ở đấy, tôi tha thân đi về hướng bên phải.

Một đoạn đường ngắn dẫn lên đồi. Những cây cổ thụ vươn cành lá che kín phía trên đầu, và tôi bất giác rung mình ớn lạnh. Trong khoảng tối ở bờ bên kia là những đóa hoa trà đang khoe sắc. Lá của loại hoa này có màu xanh quá đậm, nên cho dù có ngấm hoa giữa ánh nắng ban trưa hay ở chỗ ánh mặt trời chiếu sáng thì cũng không có được cảm giác thanh thoát nhẹ nhàng. Mà những cây hoa trà ở đây thì lại mọc nơi hốc đá, nép mình lặng lẽ trong một khoảng không gian sâu kín nên chẳng ai biết đến sự tồn tại của chúng nếu không có những bông hoa nổi bật lên. Ôi những đóa hoa trà! Chúng nhiều đến mức ta có bỏ ra cả ngày để đếm thì chắc là cũng không đếm xuể!

Nhưng chúng tươi tắn đến nỗi khi đã nhìn thấy rồi là ta cứ muốn thử đếm xem sao. Tươi tắn là thế nhưng chúng lại chẳng âm áp chút nào. Chúng hút lấy cái nhìn của ta như một tia lửa sáng lóe lên đột ngột, rồi ngay sau đó lại cho ta cảm giác lạ lùng không thể tả. Chẳng có loài hoa nào thay đổi sắc thái nhanh đến thế. Hễ nhìn thấy những bông hoa trà mọc hoang nơi hốc núi là tôi lại liên tưởng đến những nàng yêu nữ đầy ma thuật. Những cô gái thu hút ta bằng đôi mắt huyền quyến rũ, để rồi trong lúc ta lơ đãng thì khéo léo tiêm vào huyết quản ta thứ thuốc độc ngọt ngào như nụ cười của mỹ nhân. Khi ta chợt nhận ra điều đó thì đã quá muộn rồi!

Khi những đóa hoa trà ở sườn núi bên kia vừa lọt vào tầm mắt, tôi chợt nghĩ giá mình đứng nhìn thấy chúng thì có lẽ tốt hơn. Màu sắc của chúng không phải là màu đỏ bình thường. Trong sâu thẳm của gam màu rực rỡ đến mức có thể làm cho ta say mắt dường như còn ẩn chứa một điều gì đó mơ hồ không sao tả được. Hoa lê đắm nước và ủ rũ trong mưa thì chỉ gợi lên một chút buồn vương vất. Đóa hải đường diễm lệ nhưng lạnh lùng dưới ánh trăng cũng chỉ khơi gợi chút lòng thương cảm. Còn những bông hoa trà nép mình trong hốc đá nơi đây lại hoàn toàn khác. Ở chúng dường như có hàm chứa điều gì u ám, đáng sợ và thậm

chí là nham hiểm nữa. Như thể chúng khoác bên ngoài một bộ cánh rực rỡ chỉ để che giấu những gì tối tăm trong tận cùng bản chất. Nhưng thật ra chúng không có ý tạo ra vẻ rực rỡ để làm vui mắt, mà cũng chẳng muốn thu hút sự chú ý của con người. Cứ nở rồi lại tàn, tàn rồi lại nở, cứ diễm nhiên như thế mà trải qua bao ngày tháng nơi hẻm núi âm u này, chẳng hề có ai nhìn ngó đến. Chỉ cần có một người nhìn đến là xong! Một khi đã đưa mắt nhìn thì chẳng ai là không mê mẩn trước vẻ rực rỡ đầy quyến rũ của cô nàng. Cho nên màu đỏ kia quả không phải là sắc đỏ tầm thường! Mà là một thứ màu đỏ lạ lùng, như thể màu máu của một kẻ tử tù tự nhiên hút lấy mắt ta, rồi mang

lại cho ta một cảm giác bất an kỳ lạ.

Trong lúc tôi vẫn đang đứng nhìn thì có một bông hoa rơi xuống nước. Trong đất trời mùa xuân yên tĩnh, chỉ có mỗi một bông hoa này tạo nên sự lay động mà thôi. Rồi một lát sau, lại rụng thêm một bông hoa nữa. Loài hoa này chẳng bao giờ lả cánh lúc lìa cành. Chúng rụng khỏi cuống hoa nhưng chẳng suy suyển gì mà vẫn còn nguyên vẹn. Dường như chúng muốn thể hiện sự dứt khoát không vương bận một khi đã lìa cành, nhưng hoa đã rụng mà vẫn còn cứng cáp lại có vẻ gì đó rất đáng ngại. Thêm một bông hoa vừa rụng xuống. Nếu cứ rụng mãi thế này thì những bông hoa sẽ nhuộm đỏ mặt ao này

mắt, tôi thầm nghĩ. Quả thật chỗ mặt ao có những bông hoa rụng dập dềnh có vẻ như đang đỏ dần lên. Lại một bông hoa nữa. Hoa rơi nhẹ đến mức tôi không biết là chúng rơi trên mặt đất hay là rơi xuống mặt ao. Lại một bông vừa rụng. Tôi tự hỏi, không biết những bông hoa kia có chìm không nhỉ? Có thể năm này qua năm khác, vô số bông hoa trà rụng xuống đã ngấm mình trong nước cho đến khi rã cánh, phai màu, rồi cuối cùng cũng hóa thành lớp đất bùn dưới đáy ao chẳng? Biết đâu sau hàng nghìn năm nữa, trong lúc không ai để ý đến chuyện này, những bông trà đã rụng nhiều đến mức cái ao có thể bị lấp dần đi, rồi đến lúc nào đó mặt đất nơi này lại trở nên bằng

phẳng. Lại một bông trà lớn, như thể một mảnh linh hồn thấm máu đỏ tươi, vừa mới rụng. Rồi một bông hoa nữa. Như một trận mưa hoa xuống mặt ao. Hoa cứ rơi không ngớt.

Trên đường quay về chỗ cũ, tôi nghĩ đến chuyện đưa khung cảnh nơi này vào bức tranh vẽ một cô gái đẹp đang trôi trên mặt nước. Đốt một điếu thuốc, tôi vừa hút vừa bắn khoản nghĩ ngợi. Câu nói đùa của cô Nami chỗ nhà trọ chợt trở lại trong đầu. Tâm hồn tôi xao động như một con thuyền mỏng manh lướt trên sóng lớn. Tôi định lấy gương mặt nàng làm điểm tựa cho bức vẽ, để gương mặt ấy bồng bềnh dưới bóng hoa trà, với cơ

man là hoa đang đổ xuống. Tôi muốn thể hiện cảnh tượng một cô gái trôi bồng bênh miên viễn đang đón nhận những bông hoa trà rơi không dứt, nhưng một bức tranh liệu có thể mô tả được khung cảnh ấy chẳng? Trong tác phẩm *Laocoon* thì..., nhưng thôi, không bàn đến *Laocoon* nữa. Tôi chỉ cần thể hiện được cảm xúc, không nên chấp nhất chuyện tuân thủ quy tắc làm gì. Nhưng thể hiện cảm xúc về một sự vĩnh cửu mà không thoát ly thế tục thì quả là không đơn giản.

Cái khó đầu tiên là gương mặt. Có thể sử dụng gương mặt cô ấy, nhưng nét biểu cảm thì chưa ổn. Nếu thể hiện sự đau khổ thái quá thì toàn bộ bức tranh sẽ bị phá

vỡ. Ngược lại, thể hiện sự thoải mái hoàn toàn cũng không xong. Hay là tìm một gương mặt khác? Tôi tính toán hết phương án này đến phương án nọ nhưng vẫn chưa tìm ra giải pháp nào. Có lẽ gương mặt cô Nami vẫn là phù hợp nhất. Nhưng tôi cảm giác như vẫn có điều gì khiếm khuyết. Biết là không hoàn thiện, nhưng cụ thể là khiếm khuyết chỗ nào thì tôi vẫn chưa làm rõ được. Cho nên không thể vẽ tùy tiện theo tưởng tượng của mình.

Nếu thêm vào một chút vẻ ghen tỵ thì sao nhỉ? Điều đó sẽ làm cho bức tranh có một vẻ bất an thái quá. Còn vẻ hờn ghét thì sao? Thế thì hơi bạo. Còn nếu là giận

dối? Sự giận dữ sẽ làm hỏng mất vẻ hài hòa của bức tranh. Còn sự ân hận? Có lẽ hơi thô thiển, ngoại trừ trường hợp dùng trong thơ với cảm giác tiếc nuối nhẹ nhàng. Sau một hồi băn khoăn lựa chọn, cuối cùng tôi mới chợt nhớ ra. Trong lúc mải mê đi tìm trong thế giới cảm xúc muôn màu muôn vẻ, tôi đã không nhớ đến mấy chữ “aware” [3]. “Aware” không phải là thứ cảm xúc của thần thánh, nhưng lại thể hiện gần nhất trạng thái thoát tục của con người. Ở nàng Nami không thể hiện chút nào bóng dáng của cảm thức “aware”. Đó chính là sự khiếm khuyết mà tôi cảm nhận được. Nếu có một khoảnh khắc mà xung động bất ngờ nào đó khiến cho gương mặt nàng thoáng

hiện cảm xúc này, thì đó chính là khoảnh khắc mà bức vẽ của tôi cần nắm bắt và thể hiện. Nhưng... không biết đến bao giờ mới gặp được khoảnh khắc kia? Lúc bình thường, ta chỉ thấy gương mặt nàng thấp thoáng một nụ cười khinh bạc và vẻ nóng nảy muốn vượt qua người khác. Mà nếu chỉ thể hiện như thế thì chưa đủ.

[3] Aware là một khái niệm quan trọng của mỹ học Nhật Bản, nhưng rất khó chuyển nghĩa vì nội hàm của khái niệm rất mơ hồ. Nói một cách đơn giản thì aware là trạng thái cảm xúc nảy sinh khi con người thưởng thức cái đẹp mong manh trong thế giới vô thường. Aware là sự trân trọng cái đẹp pha lẫn

nổi buồn và sự luyến tiếc trước vẻ đẹp mong manh.

Có tiếng chân bước lảo đảo. Bức họa tôi đang phác thảo trong đầu gần như tan biến. Nhìn lại, tôi thấy một người đàn ông mặc loại *kimono* có ống tay hẹp, với một bó củi trên lưng, đang đi qua đám tre lùn về hướng chùa Kankaiji. Hình như anh ta mới xuất hiện từ một ngọn núi gần đây thì phải.

- Trời đẹp nhỉ!

Người đàn ông giở vành khăn và cất tiếng chào. Cây rìu chặt củi giắt bên hông lóe sáng lúc anh cúi xuống. Đó là một

người đàn ông chừng bốn mươi tuổi, rắn rỏi, đẹp trai. Hình như tôi đã gặp anh ta ở đâu rồi. Và cách hành xử của anh ta cũng giống như một người quen.

- Anh cũng đang vẽ tranh đây à?

Hộp họa cụ của tôi đang để mở.

- À... tôi cũng định vẽ cái ao này. Ở đây yên tĩnh nhỉ! Chẳng thấy ai qua lại.

- Vâng. Đúng là giữa nơi rừng núi... À này, hôm nọ chắc là anh bị ướt sũng khi đi qua đoạn đường núi ấy phải không?

- Ủa? Thì ra anh chính là người hôm

trước đã dẫn theo con ngựa xuống núi đây à?

- Vâng. Tôi cứ đốn củi như thế này, rồi mang xuống phố.

Anh Genbei đặt mấy thứ đồ mang theo xuống đất rồi ngồi lên. Anh lấy ra một bao thuốc lá. Loại bao cũ, tôi không rõ làm bằng giấy hay bằng da. Tôi đưa hộp diêm cho anh mượn.

- Đoạn đường ấy mà phải đi qua mỗi ngày thì gian nan thật!

- Không sao, tôi quen rồi... Và lại cũng không hẳn là mỗi ngày đâu. Ba ngày tôi

mới đi một lần. Có khi còn cách bốn ngày ấy chứ.

- Bốn ngày một lần cũng là vất vả lắm rồi!

- Hà hà... Tôi đi bốn ngày một lần là để giữ sức cho con ngựa.

- Anh tử tế thật! Quý con ngựa hơn cả bản thân mình! Tôi cười bảo.

- Tôi không tốt đến thế đâu!

- À, tôi thấy cái ao này có vẻ rất cổ xưa. Nó có ở đây từ bao giờ anh nhỉ?

- Từ ngày xưa ấy.
- Từ ngày xưa? Xưa là khoảng lúc nào?
- Nói chung là từ rất xa xưa ấy.
- Từ rất xa xưa ư? Thì ra là thế.
- Đó là thời xa xưa, khi cô con gái nhà Shihoda trầm mình ở nơi này.
- Nhà Shihoda là chỗ quán trọ ở suối nước nóng ấy phải không?
- Đúng đây.
- Cô con gái nhà ấy đã trầm mình ư?

Chẳng phải bây giờ cô ta vẫn đang sống bình thường sao?

- À không, không phải cô gái ấy. Một cô gái từ thời rất xưa kia.

- Một cô gái từ thời rất xưa. Ấy là khi nào nhỉ?

- Một quý cô từ thuở xa xưa lắm...

- Thế cô gái ngày xưa ấy, vì sao mà lại phải trầm mình?

- Anh biết không, quý cô ngày xưa nghe nói cũng là một người rất đẹp, như cô gái bây giờ ấy.

- Thế à?

- Rồi một ngày kia, có một kẻ hành khất xuất hiện...

- Ý anh nói là nhà sư đi khất thực phải không?

- Đúng rồi. Kiểu nhà sư vừa thối sáo vừa đi khất thực ấy. Trong thời gian nhà sư trọ lại chỗ nhà Shihoda - lúc ấy là nhà của trưởng thôn, cô gái xinh đẹp đã yêu say đắm... Như người ta vẫn gọi là “nghiệp chương”, cô cứ khóc lóc và một mực đòi nên vợ nên chồng với nhà sư.

- Khóc lóc ư? Hừm...!

- Nhưng ông trưởng thôn thì nhất quyết không nghe. Ông bảo rằng không chấp nhận cuộc hôn nhân với bất cứ kẻ hành khất nào. Cuối cùng ông đuổi cô đi.

- Đi theo nhà sư khất thực ấy à?

- Vâng. Rồi cô đi theo nhà sư, đến chỗ cái ao này... từ chỗ cây thông ở đằng kia ấy, cô đã nhảy xuống ao... Rồi thì mọi chuyện ầm ĩ cả lên! Nghe nói lúc ấy cô có mang theo một chiếc gương, cho nên từ đó ao này được gọi là Ao Gương đây.

- À... thì ra ở đây đã từng có người nhảy

xuống trầm mình cơ đấy!

- Đúng là chuyện hết sức kỳ lạ, có phải không?

- Không biết là bao nhiêu năm trước nhỉ? Cái chuyện mà anh kể ấy?

- Có vẻ như cách đây lâu lắm rồi. Sau đó thì... nhưng mà chuyện này tôi chỉ kể với anh thôi đấy nhé!

- Chuyện gì vậy?

- Ở nhà Shihoda ấy, mỗi thế hệ đều có một người bị thần kinh!

- Thế à?

- Chắc chắn là do lời nguyên đấy! Mọi người đang đồn ầm lên rằng dạo gần đây cô gái nhà Shihoda có vẻ rất kỳ quặc.

-Ồ! Chắc là không có chuyện đó đâu.

- Không có à? Nhưng mẹ của cô ấy thì đúng là kỳ quặc thật!

- Bà ấy vẫn đang sống trong nhà chứ?

- Không, bà mất năm ngoái rồi.

- Hừm...

Tôi im lặng nhìn làn khói mỏng manh tỏa ra ở đầu điều thuốc. Anh Genbei thì vác mớ củi lên đường.

Tôi đến đây là để vẽ tranh. Thế mà cứ nghe chuyện này, nghĩ chuyện kia như vậy thì có mất bao nhiêu ngày đi nữa cũng chẳng vẽ được bức tranh nào. Dù sao cũng đã cất công mang họa cụ đến đây rồi, chí ít tôi cũng phải phác họa ra một chút gì đã chứ. May mắn là khung cảnh ở bờ ao phía bên kia vẫn còn nguyên đấy, như thể đang chờ nét cọ của tôi. Có lẽ tôi phải ghi lại cảnh này đôi nét.

Một tảng đá màu xanh đen chừng ba mét

từ đáy ao đội lên, cao sừng sững. Ở phía bên phải, chỗ đá bị khuyết vào làm cho mặt nước thẳm màu tạo thành một đường cong gấp khúc, loại tre lùn mà tôi đã tả mọc ken dày từ trên sườn núi lan xuống tận mặt ao, chạm cả vào mép nước. Phía trên tảng đá là một cây thông cổ thụ đứng nghiêng nghiêng. Thân cây to bằng vòng tay của ba người, xoắn lại và quấn đầy dây leo đang nghiêng một nửa xuống mặt nước. Có lẽ cô gái mang theo chiếc gương đã nhảy xuống ao từ trên tảng đá kia.

Tôi ngồi lên chiếc ghế ba chân, nhìn bao quát khung cảnh định đưa vào tranh vẽ. Cây thông, tre lùn, tảng đá và mặt nước.

Nhưng tôi chưa xác định được mình cần vẽ mực nước đến đâu. Nếu vẽ tảng đá cao ba mét thì cũng phải vẽ khung cảnh xung quanh ở tầm cao tương ứng. Và tôi cũng muốn vẽ đám tre lùn không chỉ mọc lan đến mép nước mà còn lan xuống cả mặt ao, soi vẻ tươi tắn đến lạ lùng vào đáy nước. Còn về cây thông, nếu vẽ cây cao ngất đến tận trời thì bóng cây lại quá dài và hẹp. Nếu cứ tả thực phong cảnh như những gì đang bày ra trước mắt tôi thì chắc hẳn bức tranh không thể nào đẹp được. Có lẽ sẽ thú vị hơn nếu chấp nhận bỏ qua thực tế trước mắt mình để chỉ vẽ cái bóng của hiện thực ấy. Nếu chỉ vẽ mặt nước và những cái bóng in trong nước mà bảo đấy là một bức tranh thì

chắc người xem sẽ giật mình kinh ngạc. Mà nếu chỉ làm cho người ta kinh ngạc thì cũng chẳng có gì hay. Nếu cái làm cho người ta kinh ngạc không phải là giá trị nghệ thuật của bức tranh thì có gì đáng nói? “Nên vẽ thế nào đây?”, tôi tự hỏi và chăm chú nhìn mặt ao phía trước.

Nếu chỉ tập trung vào những điều kỳ lạ hay những bóng hình hư ảo thì cũng không thể vẽ thành công. Tôi muốn kết hợp trên cơ sở so sánh cái ảo và cái thực. Ánh mắt tôi đang nhìn vào mặt nước bây giờ dịch chuyển dần lên. Từ điểm xa nhất của cái bóng tảng đá dịch chuyển về tiếp điểm của tảng đá và mặt nước, rồi từ tiếp điểm cứ di chuyển lên

cao dần. Thị giác của tôi vừa thường thức dáng vẻ phong nhiêu của tảng đá, lần theo từng vết gợn trên bề mặt đá, vừa nhích từng chút một lên cao. Cuối cùng khi ánh mắt tôi chạm đến đỉnh cao chơi vơi của tảng đá thì tôi bất ngờ giật nảy mình, đánh rơi cả cây cọ đang cầm trên tay. Giống như một con cóc chột bắt gặp đôi mắt rắn đang rình mình vậy.

Trên cái nền là những tia nắng chiều lúc cuối xuân rọi xuyên qua cành lá, sáng lấp lánh trên đỉnh đá màu xanh thẫm, hiện lên gương mặt rạng ngời của cô nàng. Vẫn là gương mặt đã làm tôi giật mình kinh ngạc khi thì dưới bóng hoa, khi thì trong bộ áo tay dài, và cả khi trong phòng tắm nữa.

Tia nhìn của tôi như đóng đinh vào giữa khuôn mặt trắng xanh của cô gái ấy. Và ở bên kia, cô ấy cũng không hề nhúc nhích, cứ đứng thẳng người, vắt vẻo trên đỉnh đá chon von. Thật là một khoảnh khắc diệu kỳ!

Rồi tôi bất giác đứng bật dậy. Cô gái khẽ xoay người, rồi nhảy xuống phía bờ bên kia và mất hút. Tôi chỉ kịp nhìn thấy có vật gì màu đỏ như bông hoa trà giắt ngang thắt lưng cô. Ánh nắng chiều rọi xuyên qua ngọn cây thông, chiếu vào thân cây lấp loáng. Màu xanh của đám tre lùn càng đậm dần lên.

Một lần nữa, cô lại làm tôi giật cả mình!

Chương 11

Tôi đi loanh quanh thưởng thức khung trời bằng lăng ở một ngôi làng sơn cước. Trong khi leo những bậc đá lên chùa Kankaiji, tôi đã làm được mấy câu thơ:

Một, hai, ba

Ngửa mặt

Đếm sao trời

Thật ra tôi chẳng có việc gì để tìm gặp hòa thượng ở đây. Mà cũng chẳng định

gặp nhà sư để tán gẫu. Chẳng qua là lúc ra ngoài đi dạo, tôi cứ mặc cho đôi chân ngẫu hứng tự do di chuyển, rồi một lúc chợt nhận ra mình đang đứng trước con đường làm bằng những bậc đá dẫn lên chùa. Sau một hồi mân mê cột đá có khắc dòng chữ “*Không dùng rượu và các loại rau có vị cay*”, tôi chợt thấy vui vui rồi nhân tiện leo bậc đá lên chùa.

Trong tác phẩm *Tristram Shandy*[1], tác giả có nói rằng cuốn sách này được viết ra nhờ sự thúc đẩy của thần linh. Câu đầu tiên là do tác giả viết. Nhưng sau đó thì những câu văn cứ tự tuôn ra khi tâm hồn tác giả hướng về thần thánh. Vì thế, dĩ nhiên là tác giả không biết được mình sẽ

viết cái gì. Người cầm bút đương nhiên là bản thân tác giả, nhưng nội dung những gì đã viết thì thuộc về thần linh, nên tác giả không chịu trách nhiệm về nội dung cuốn sách. Với ý nghĩa tương tự, cuộc dạo chơi của tôi lúc này cũng không thuộc về trách nhiệm của tôi. Chỉ có điều, tâm hồn tôi không tìm chỗ dựa nơi thần thánh, nên tôi lại càng vô trách nhiệm. Sterne trốn tránh trách nhiệm bằng cách đổ lỗi mọi chuyện cho thần thánh. Còn kẻ không dựa vào thần thánh là tôi thì chỉ còn cách ném trách nhiệm xuống ao bùn mà thôi!

[1] Tiểu thuyết của Laurence Sterne (1713 - 1768), nhà văn Anh.

Nếu leo những bậc đá mà bị mỗi chân thì tôi đã không leo nữa. Nếu thấy mỗi chân thì tôi đã trở xuống ngay. Nhưng khi bước qua một bậc tôi lại cảm thấy sáng khoái lạ lùng, cho nên mới leo qua bậc thứ hai. Ở bậc này thì tôi chợt nảy ra cảm hứng muốn làm thơ. Tôi lặng lẽ ngắm bóng mình. Cái bóng bị chặn lại và bị chia cắt bởi đường cạnh của bậc đá thứ ba, tạo nên một cảm giác thật lạ lùng. Vì cảm giác kỳ lạ ấy nên tôi mới tiếp tục leo lên cao hơn nữa. Và tôi ngửa mặt nhìn lên bầu trời. Những ngôi sao bé nhỏ đang còn ngái ngủ sau một giấc say sưa đã bắt đầu tỏa sáng lấp lánh. Thật là một cảnh nên thơ, tôi trầm nghĩ và bước tiếp. Cứ

thế, cuối cùng tôi đã leo hết những bậc thang.

Lên đến nơi rồi, tôi mới chợt nhớ về một kỷ niệm. Hồi trước, có lần đi Kamakura chơi, tôi có đến tham quan một ngôi chùa lớn - chùa Engakuji. Khi tôi tham quan quanh khu tháp và cũng đang chậm rãi leo lên những bậc đá như thế này, thì thấy từ phía sau cánh cổng xuất hiện một nhà sư áo vàng, để đầu trần. Tôi đang leo lên, còn nhà sư thì đang đi xuống. Khi đi ngang qua tôi, nhà sư hỏi bằng một chất giọng đanh sắc: “Thí chủ đi đâu vậy?”. Tôi dừng chân và trả lời rằng mình đang định tham quan bên trong khu tháp. Nhà sư nói ngay lập tức, như thể muốn gạt đi:

“Chẳng có gì bên trong cả!”. Rồi nhà sư cúi đi thẳng xuống. Quá sững sốt trước câu nói của nhà sư nên tôi cứ đứng trơ tại chỗ. Rồi tôi quay nhìn nhà sư đang tiếp tục đi xuống dốc, cái đầu để trần cứ lắc qua lắc lại, cho đến khi khuất hẳn vào đám cây tuyết tùng. Nhà sư không một lần ngoảnh lại. Quả thật Thiên sư là những người hết sức lạ lùng! Họ luôn có cách phản ứng hết sức nhanh lẹ. Tôi thăm nghĩ và lững thững bước qua cánh cổng. Nhìn quanh thì thấy cả chánh điện lẫn khu nhà ở phía dưới đều rộng lớn nhưng vắng tanh, không một bóng người. Lúc đó tự nhiên tôi nghe dâng lên trong lòng một niềm vui kỳ lạ. Đầu óc bỗng nhiên sáng láng khi chợt nhận ra

trên đời lại có người nói năng bộc trực, cung cách thẳng thắn đến mức ấy! Niềm vui trong tôi không phải là do hiểu được ý nghĩa Thiên. Thật ra lúc đó tôi chẳng hề có chút ý niệm nào về Thiên cả. Đó chẳng qua chỉ là niềm vui được gọi lên nhờ vị sư để đầu trần tôi mới gặp mà thôi.

Trên đời nhan nhản những kiểu người không ra gì. Cố chấp, độc địa, huênh hoang khoác lác hay tũn mủn keo kiệt. Đến nỗi người ta không hiểu được họ có mặt ở trên đời để làm gì nữa. Nhưng số người như thế lại đông kinh khủng! Và họ cảm thấy vô cùng vinh dự khi hiện diện trong cõi phù sinh. Năm này qua năm

khác họ say sưa với việc xét nét, tò mò đời sống riêng tư của người khác, và lấy chuyện đó làm lẽ sống của mình. Rồi họ đến trước mặt người ta, dạy bảo những điều vớ vẩn hay thô thiển mà chẳng ai cần nghe cả. Nếu mà họ nói ngay trước mặt thì người ta còn có thể chú ý đến những gì họ nói. Nhưng họ còn nói đủ thứ sau lưng người khác, rằng anh ta đã làm những việc gì, làm bao nhiêu lần trong năm năm hay mười năm. Nếu bảo họ lảm chuyện thì họ lại càng nói nhiều hơn nữa. Nếu bảo thôi đi thì họ vẫn cứ nói liên hồi. Bảo hiểu rồi thì họ vẫn không thôi lải nhải. Rồi họ lại khoác lác rằng đó là phương châm xử thế ở đời. Phương châm thì mỗi người mỗi khác.

Nếu mà họ thôi cái trò lải nhải những chuyện dòm ngó thiên hạ, rồi im lặng mà tìm một phương châm sống đàng hoàng thì tốt biết bao. Lễ độ tức là biết kiềm chế cách hành xử của bản thân mình để tránh làm phiền người khác. Còn nếu cho rằng làm phiền người khác mới là thể hiện phương châm sống, thì hóa ra chuyện người ta đánh rắm cũng là phương châm sống hay sao? Nếu thế thì chắc là nước Nhật đã hết thuốc chữa rồi!

Đi tản bộ trong một đêm xuân đẹp trời như thế này mà chẳng cần quan tâm đến kiểu phương châm nào cả mới đúng là sự thanh thản ở đời. Cứ để cho niềm vui tự nhiên đến với ta, rồi cũng để cho niềm

vui tự nhiên biến mất. Đó mới là phương châm vậy. Nếu những vần thơ chợt đến, thì việc nắm bắt tứ thơ cũng chính là lẽ sống của ta trong lúc đó. Nhưng nếu không bắt gặp tứ thơ nào thì điều đó cũng là lẽ sống của ta. Và ta chẳng gây phiền toái cho ai cả. Đó mới là lẽ sống đích thực. Tò mò chuyện thiên hạ là công kích người khác. Đánh rắm là một cách tự bảo vệ chính mình. Còn đi tản bộ đến chùa Kankaiji như thế này là thể hiện lẽ sống “hành xử tùy duyên” vậy.

Sau khi đã làm được mấy câu thơ và leo hết những bậc đá dẫn lên chùa, tôi nhìn thấy biển mùa xuân lơ lơ mờ bên dưới giống như một dải khăn. Tôi bước vào

cổng ngôi chùa. Và quên mất chuyện hoàn tất bài thơ đang làm dở. Vậy phương châm hiện thời là bỏ dở việc làm thơ.

Con đường lát đá phía bên phải dẫn đến nhà ăn chạy dọc theo một bờ rào hoa đỗ quyên. Bên kia rào hình như là khu nghĩa trang thì phải. Còn phía bên trái là chánh điện của ngôi chùa. Ở phần chóp cao của mái ngói lấp lánh sáng. Tôi ngược nhìn và nhận ra vô số vàng trắng in vào vô số viên ngói trên mái chùa. Đâu đó có tiếng chim bồ câu gù khe khẽ. Hình như phía dưới mái ngói có tổ chim bồ câu. Chẳng biết có đúng không, nhưng tôi nhìn thấy có vẻ như ở chỗ mái chìa bên dưới đầu

hồi có những vệt trắng rải rác, hình như là phân chim.

Ở chỗ mép mái chĩa có những vật gì hình dáng hơi kỳ lạ xếp thành một dãy. Tất nhiên không phải là cỏ mọc, mà cũng chẳng phải cây. Nói theo tranh vẽ của Iwasa Matabee[2] thì đó là hình dáng những con quỷ đã thôi niệm Phật và đang nhảy múa. Điệu múa trải dài từ đầu mái bên này sang đầu mái bên kia của khu chánh điện, giống như một cảnh tượng hành lễ. Những bóng hình thể hiện điệu múa cũng xếp ngay ngắn thành một hàng dài từ đầu mái bên này sang đầu mái bên kia. Như thể ánh trăng mờ ảo đã quyến rũ những con quỷ này bỏ cả chuông, cả mõ,

cả sổ ghi công đức cúng dường để tập hợp lại, rồi rủ nhau lên chỗ ngôi chùa trên núi này để mà nhảy múa.

[2] Iwasa Matabee (1578 - 1650) là một họa sĩ Nhật Bản thời Edo.

Khi nhìn gần lại tôi mới nhận ra đó là những nhánh xương rồng lớn, cao chừng hơn hai mét. Trông chúng giống như những quả dưa chuột màu xanh to bằng quả mướp bị ép dẹt ra như một cái thìa xúc cơm đang dựng ngược lên trời với phần tay cầm chúc xuống. Không biết là bao nhiêu cái thìa chấp lại mới bằng được chiều cao như thế này. Như thể chỉ trong vòng đêm nay đám xương rồng sẽ

đâm xuyên qua mái chèo và leo lên lớp
ngói bên trên. Có thể là ban đầu có
những chiếc thìa xanh bất ngờ từ đâu bay
đến mọc ngay vào vị trí này. Và thật lạ
lùng khi những chiếc thìa cũ lại sinh ra
những chiếc thìa mới con con, rồi những
chiếc thìa mới cứ lớn dần lên qua năm
tháng. Sự nối tiếp như thế thật là kỳ lạ.
Sao lại có loại cây buồn cười như vậy
nhỉ? Mà cũng rất vô chấp nữa. Một nhà
sư khi được hỏi “Như thế nào là Phật
tính?” đã trả lời “Cây sồi ở ngoài sân”.
Còn nếu được hỏi như thế thì tôi sẽ trả
lời ngay mà không cần đến một giây suy
nghĩ: “Xương rồng dưới ánh trăng”.

Hồi còn nhỏ, tôi đã đọc truyện du ký của

Cho Hoshi[3], có những câu bây giờ vẫn thuộc:

“Tháng chín. Bầu trời cao vợi, sương trong, núi quang mây và trăng sáng. Ngẩng nhìn trời đêm thì thấy những vì sao rất lớn đang lấp lánh, giống như ở gần ngay trên đầu. Ngoài cửa sổ là bụi tre, thân cứ cọ vào nhau kêu kẽo kẹt. Bên kia bụi tre, mận và cọ mọc rậm rạp trông như mái tóc bù xù của một cụ phù thủy. Hai ba người chúng tôi cứ nhìn nhau, bồn chồn không ngủ được. Trời vừa rạng sáng là chúng tôi đã ra đi.”

[3] Triều Bô Chi (1053 - 1110) là một

văn hào Trung Quốc thời Bắc Tống.

Tôi đọc lại đoạn văn trên và bất giác mỉm cười. Nếu vận vào thời gian và khung cảnh lúc này, thì khi vừa nhìn thấy những nhánh xương rồng tôi đã hoảng hồn và vội vàng quay xuống núi! Tôi thử sờ vào những chiếc gai nhọn và nghe cảm giác hơi nhoi nhói ở đầu ngón tay.

Đi hết con đường lát đá rồi rẽ trái thì đến nhà ăn. Trước khu nhà ăn có một cây mộc lan. Gốc cây to gần bằng vòng tay một người ôm. Ngọn cây cao hơn cả nóc nhà. Tôi ngược nhìn lên thì thấy cành cây ken dày phía trên đầu, tầng này chồng lên tầng khác. Và trên cả những cành cây

chẳng chịt là vàng trắng đang tỏa sáng. Thường thì nhìn từ dưới gốc cây sẽ không thấy được bầu trời qua đám lá cành rậm rạp. Nếu là cây có hoa thì lại càng vướng mắt hơn. Nhưng cây mộc lan thì dù có bao nhiêu lớp cành đi nữa vẫn có những khoảng trống nhìn xuyên qua được. Mộc lan không phải là loại cây cố tình làm rối mắt những ai ngược nhìn từ dưới gốc bằng những cành nhánh mảnh dẻ đan chi chít vào nhau. Những bông hoa trên cây cũng rất dễ nhìn. Tuy rằng khoảng cách khá xa nhưng tôi vẫn có thể nhìn rõ từng bông một. Tôi không biết hoa trên cây nhiều đến mức độ nào, cũng không biết là hoa đang nở đến đâu, nhưng có thể thấy rõ từng bông hoa riêng

biệt, và cũng thấy rất rõ màu trời xanh nhạt ló ra qua khoảng hở giữa các bông hoa. Dĩ nhiên hoa không phải thuần một màu trắng xóa. Trắng quá mức thì lại có vẻ gì lạnh lẽo. Và có thể làm ta bị lóa mắt khi nhìn. Màu của hoa mộc lan thì khác. Loài hoa này cố ý pha vào một chút ấp ấp của màu kem, như thể muốn giảm bớt sắc độ của màu trắng và gợi lên cảm giác nhẹ nhàng. Tôi chìm trong cảm giác mơ màng một lúc lâu, cứ đứng trên con đường lát đá ngược nhìn lóp lóp những bông hoa dịu dàng vươn thẳng lên bầu trời xa thẳm. Trước mắt tôi chỉ toàn hoa là hoa. Không có lấy một chiếc lá trên cành.

Chợt nảy ra tứ thơ:

Ngước nhìn lên

Hoa mộc lan

Rợp trời

Đâu đó lại vang lên tiếng chim bồ câu gù
khe khẽ.

Tôi bước vào nhà ăn. Cửa mở toang.
Dường như ở đây không bao giờ có trộm.
Và cũng chẳng bao giờ nghe tiếng chó
sủa.

- Có ai ở nhà không?

Tôi cất tiếng. Không thấy ai trả lời.

- Cho hỏi thăm một chút.

Tôi gọi lần nữa. Vẫn chỉ nghe tiếng chim bồ câu đang gù. Tôi cố gọi to hơn:

- Cho hỏi thăm một chút.

- Vâng...âng.

Có tiếng trả lời từ xa vọng lại. Tôi chưa từng được đáp lời kiểu này khi đến nhà ai đó.

Có tiếng chân bước dọc hành lang, rồi

ánh nền lập lòe ở bên kia vách. Rồi một chú tiểu bất ngờ hiện ra. Đó là chú Ryonen.

- Sư thầy có nhà không?

- Có ạ. Anh cần hỏi gì chẳng?

- Nhờ chú nhắc lại rằng, có anh họa sĩ ở chỗ suối nước nóng đến thăm.

- Họa sĩ à? Vậy mời anh vào trong đi ạ.

- Không cần hỏi trước sao?

- Không sao đâu ạ.

Tôi cởi giày bước lên thêm.

- Anh có vẻ là một họa sĩ hơi tồi đấy nhỉ!

- Sao cơ?

- Anh để giày lại cho ngay ngắn đi nào!
Nhìn xem!

Chú tiểu nói và soi nển lại gần. Ở giữa cây cột màu đen ngay cửa ra vào, cách mặt đất chừng hơn một mét có dán một mảnh giấy bằng một phần tư tấm giấy viết thư pháp, trên có viết mấy chữ “*Hãy sắp xếp gọn gàng*”.

- Anh nhìn xem. Ở đây có viết “*Hãy sắp*

xếp gọn gàng” mà! Ý nói là phải xem lại dưới chân cho thơm tất đây.

- Vậy sao?

Tôi bèn xếp lại đôi giày cho ngay ngắn.

Phòng của hòa thượng nằm cạnh khu chánh điện, bên kia góc phải của dãy hành lang. Ryonen kính cẩn mở tấm cửa trượt, rồi cũng với dáng vẻ kính cẩn bước qua tấm đệm, quỳ xuống, cúi đầu:

- Bạch thầy, có anh họa sĩ ở chỗ nhà Shihoda đến ạ!

Chú nói một cách hết sức lễ phép, đến

mức khiến tôi cảm thấy hơi buồn cười.

- Thế à? Bảo anh ta vào đi.

Và tôi bước vào phòng, thay vào vị trí của Ryonen. Phòng rất hẹp. Ở giữa có bếp lò. Trên lò là một chiếc ấm làm bằng sắt đang reo khe khẽ. Hòa thượng đang ngồi phía bên kia cái lò, đọc một cuốn sách đang cầm trên tay.

- Anh vào đi!

Hòa thượng nói rồi gỡ kính và đặt quyển sách xuống bên cạnh.

- Ryonen. Ryo...nen!

- Vâ...âng!

- Lấy một cái đệm ngồi cho khách.

- Vâ...âng! Ryonen đáp lời từ đằng xa.

- Rất vui được gặp anh ở đây. Đi sang đây có một không?

- Thấy trăng đẹp quá nên tôi đi dạo loanh quanh thôi mà.

- Ủ, trăng đẹp thật!

Hòa thượng nói và mở cánh cửa trượt. Chẳng nhìn thấy gì ngoài hai bậc đá và

một cây thông. Ngay bên kia khu vườn bằng phẳng là vách đá. Rồi kế tiếp là mặt biển trải rộng ra dưới ánh trăng. Phong cảnh trước mắt làm tôi bất chợt thấy khoan khoái hẳn. Những ánh đèn câu thấp thoáng trên mặt biển, như muốn hòa lẫn vào những vì sao tận cuối trời xa.

- Cảnh đẹp quá! Thầy không thấy tiếc khi đóng cửa thế này sao?

- Đúng thế thật. Nhưng cảnh này tôi vẫn nhìn thấy mỗi đêm mà.

- Phong cảnh như thế này thì có nhìn bao nhiêu đêm cũng không chán mắt. Tôi mà ở đây thì chắc mãi nhìn đến quên cả ngủ!

Hòa thượng bật cười:

- Thì anh là họa sĩ kia mà. Phải khác tôi một chút chứ.

- Chỉ cần biết thưởng thức cảnh đẹp thì thầy cũng là họa sĩ rồi đấy ạ!

- Có lẽ đúng thế thật. Tôi cũng vẽ được hình Bồ Tát đấy. Anh nhìn bức tranh treo trên vách kia kìa! Đó là bức tranh cuộn có từ bao đời trước. Cũng khá đẹp phải không?

Đúng là có một bức tranh vẽ Bồ Tát treo ở góc phòng. Một bức tranh chẳng có

tính nghệ thuật chút nào. Nó chỉ không thô thiển vì không có tục ý. Người vẽ tranh chẳng thể hiện chút nỗ lực nào để tạo ra tác phẩm. Đây quả là một bức vẽ trong sáng. Bậc tiền bối đã vẽ bức tranh này chắc hẳn cũng là người chân thật như những gì thể hiện trên tranh.

- Bức họa trong trẻo thật!

- Loại tranh này chỉ cần có thể. Chỉ cần thể hiện được khí chất của người vẽ tranh thôi...

- Như thế hay hơn loại tranh đẹp nhưng thiếu sự thanh thoát.

Hòa thượng bật cười:

- Tôi cho rằng đó cũng là một lời khen đấy! Mà đạo này trong giới hội họa có danh vị nào gọi là “tiền sĩ” không?

- Không có tiền sĩ về hội họa đâu ạ!

-Ồ, thế à? Hôm trước tôi mới gặp một người là tiền sĩ gì gì đó...

- Thế ạ?

- Tôi nghĩ rằng tiền sĩ là một cái gì hơi đáng nể, phải không?

- Vâng. Đáng nể chứ ạ.

- Vì vậy tôi cứ tưởng rằng trong hội họa cũng có tiến sĩ chứ. Mà sao lại không có nhỉ?

- Nếu nói vậy thì trong hàng ngũ tăng sinh cũng phải có tiến sĩ sao?

Hòa thượng lại cười:

- Ủ, đúng thế thật! ...Mà anh ta tên là gì nhỉ? Cái người tôi gặp hôm nọ ấy mà... Tôi nhớ là mình có danh thiếp của anh ta ở đâu đây...

- Thầy gặp ở đâu ạ? Ở Tokyo chẳng?

- Không, ở đây chứ. Khoảng hai mươi năm nay tôi chưa hề đặt chân đến Tokyo. Đạo gần đây nghe nói có cái gọi là “xe điện”, tôi cũng muốn đi thử một lần xem sao.

- Chẳng có gì hay ho đâu ạ.Ồn ào lắm!

- Vậy sao? Người ta thường nói: “*Chó quen sương mù thì sủa mặt trời, bò xù nóng thì vờ dười bóng trăng*”. Những kẻ quê mùa như tôi chắc sẽ thấy khó chịu với cái loại xe điện ấy.

- Khó chịu thật mà! Nói chung là chán ngắt!

- Thật sao?

Nước trong ấm đặt trên lò tỏa hơi nghi ngút. Hòa thượng lấy ấm chén để trong tủ, pha trà mời tôi.

- Anh dùng một cốc trà nhé. Nhưng không phải loại trà ngon như ở nhà ngài cư sĩ Shihoda đâu.

- Không sao đâu ạ.

- Hình như anh cũng thường đi đây đó phải không? Đi để vẽ tranh à?

- Vâng. Tôi thường mang dụng cụ theo, nhưng có vẽ được tranh hay không thì

cũng chẳng có gì quan trọng.

- À... vậy phần nào chỉ là đi chơi thôi nhỉ?

- Vâng ạ. Nói thế cũng không sai. Chẳng qua là tôi muốn tránh sự soi mói của người đời thôi mà.

Có lẽ hòa thượng cũng không hiểu được ý tôi muốn nói gì.

- Soi mói thế nào kia?

- Nếu sống một thời gian dài ở Tokyo, thầy sẽ hiểu thế nào là soi mói.

- Sao lại thế?

Tôi phì cười:

- Nếu chỉ là soi mói không thôi thì còn chịu được. Nhưng họ còn đem cái xấu của mình ra phân tích nữa kia. Họ toàn nói những điều vô bổ, như cái kiểu miêu tả mộng người khác có hình tam giác hay là hình vuông vậy!

- À, anh nói về vấn đề vệ sinh phải không?

- Không phải chuyện vệ sinh. Ý tôi muốn nói đến thói tọc mạch chuyện thiên hạ ấy!

- Tọc mạch à? Vậy là chuyện về đám cảnh sát phải không? Thật ra thì cảnh sát có làm nên trò trống gì đâu nhỉ? Chúng ta đâu cần đến một đám người như thế!

- Đúng vậy. Giới họa sĩ thì lại càng không cần đến.

- Tôi cũng chẳng cần đâu. Tôi chẳng có việc gì cần phải phiên đến chuyện điều tra cả!

- Tôi cũng nghĩ vậy.

- Nhưng mà đám cảnh sát có tọc mạch đến đâu thì cũng chẳng hề gì. Miễn là tâm hồn mình trong sáng. Nếu ta chẳng

làm điều gì xấu thì sự tồn tại của cảnh sát cũng chẳng ý nghĩa gì.

- Nhưng bị soi mói về con người cá nhân thì thật là kinh khủng!

- Hồi còn là một tiểu tãng, tôi đã được sư phụ dạy rằng: nếu không có can đảm của một người dám phơi bày gan ruột giữa đường phố đông người thì không thể tiến bộ trong tu học. Anh cũng nên học hỏi theo cách đó. Và sẽ thấy chẳng cần phải tìm đến nơi này nơi khác nữa.

- Nếu đã là một họa sĩ thực thụ thì lúc nào tôi cũng có thể làm như thế.

- Vậy thì anh nên trở thành một họa sĩ thực thụ đi.

- Nếu cứ bị soi mói mãi thì làm sao mà trở thành như thế được.

- A ha! Tôi nói anh nghe điều này nhé! Cô Nami ở nhà Shihoda mà anh đang trọ ấy, sau khi bỏ nhà chồng trở về đây thì bị rắc rối phiền não đủ điều. Nhưng từ khi cô ấy đến chỗ tôi học pháp thì mọi thứ đã bình ổn trở lại, như anh thấy đấy. Cô ấy là kiểu người thông minh và nhạy cảm.

- Vâng, tôi cũng thấy là cô ấy không giống như những người bình thường

khác.

- Ô, cô ấy ghê gớm lắm!... Có một tăng sinh trẻ tên là Taian cũng đến đây tu học đã từng gặp chuyện rắc rối to với cô ấy đấy... Có lẽ chuyện đó cũng là một bài học bổ ích để chú ấy ngộ ra được nhiều điều.

Những cây thông ngả bóng lặng im trong khu vườn thanh vắng. Mặt biển lấp lánh sáng, thoáng ắt thoáng hiện ở đằng xa, như muốn đáp lại ánh sáng của những vì sao trên trời nhưng vẫn còn e ngại. Ánh đèn câu chợt lóe rồi chợt tắt.

- Nhìn những bóng thông kia!

- Đẹp quá phải không?

- Chỉ là đẹp thôi sao?

- Vâng ạ.

- Còn hơn cả đẹp. Chúng không suy
suyễn gì trước những cơn gió thổi qua.

Tôi uống nốt chén trà, úp cái cốc lên
khay rồi đứng dậy.

- Để tôi đưa anh ra cổng. Ryooooonen!
Tiễn khách về này!

Chúng tôi bước ra ngoài. Khi qua khỏi

khu nhà ăn, tôi lại nghe tiếng chim bồ câu gù gù đầu đó.

- Chẳng có gì đáng yêu hơn những chú bồ câu. Ta chỉ cần vỗ tay là chúng bay đến ngay. Để tôi gọi thử cho anh xem nhé.

Trăng vẫn sáng vàng vạc. Cây mộc lan vẫn đứng trang nghiêm, đám mây hoa trên mớ cành chằng chịt vẫn vươn cao đến tận vòm trời. Tiếng hòa thượng vỗ tay vang lên giữa đêm xuân thanh vắng, rồi chìm đi trong gió lộng. Chẳng có con bồ câu nào bay xuống cả!

- Sao chúng không bay xuống nhỉ? Tôi cứ nghĩ là thế nào chúng cũng bay xuống

chứ!

Chú Ryonen nhìn tôi, thoáng mỉm cười. Đường như hòa thượng không để ý rằng mắt bồ câu không nhìn thấy trong đêm. Đúng là vô tư thật!

Tôi chia tay hai thầy trò ở cổng chùa. Khi ngoái đầu nhìn lại, tôi thấy hai người, một bóng tròn nhỏ và một bóng tròn lớn, đang quay lại theo con đường lát đá, rồi lần lượt khuất dần về phía nhà ăn.

Chương 12

Tôi nhớ Oscar Wilde đã nói rằng:
“Thiên Chúa giáo là món ăn tinh thần cao cấp nhất cho những tâm hồn nghệ sĩ”.
Thiên Chúa giáo thì tôi không rõ. Nhưng tôi nghĩ rằng điều đó đúng với trường hợp như vị hòa thượng ở chùa Kankaiji. Không thể nói đó là sở thích. Mà cũng không phải thú vui để giải sầu. Ông đã treo lên tường một bức tranh vẽ Bồ Tát khó có thể gọi là hội họa, rồi lại còn khen là vẽ đẹp đấy chứ! Ông còn phát biểu rằng trong thế giới hội họa cũng nên có danh vị tiến sĩ. Và cũng chính ông đã

nghĩ rằng mắt của loài bồ câu có thể nhìn thấy được trong đêm. Nhưng có thể nói rằng ông là người có tư chất của một họa sĩ, bất chấp tất cả những điều này. Tâm hồn ông như một cái giếng sâu không đáy. Mọi thứ đều có thể trôi tuột qua mà không gặp bất cứ trở lực nào. Ông hành xử rất tự nhiên thoải mái, lòng không gợn chút gì vẩn đục. Chỉ cần ở ông có thêm một chút đam mê nữa thì ông đã trở thành một họa sĩ đích thực, có thể nhập tâm vào ngoại giới ở bất kỳ đâu, trong từng chi tiết nhỏ của cuộc sống đời thường.

Người như tôi thì không thể là một họa sĩ đích thực chừng nào mình còn bị nhòm ngó bởi những đôi mắt tọc mạch ở xung

quanh. Những lúc ấy thì tôi chỉ có thể ngồi vào trước giá vẽ. Hoặc có thể cầm bảng pha màu trên tay. Nhưng không thể là một họa sĩ đích thực. Chỉ khi đến một ngôi làng sơn cước xa lạ, khi đắm mình trong sắc màu của trời đất lúc cuối xuân như thế này thì tôi mới nhìn thấy ở bản thân mình hình ảnh một họa sĩ chân chính. Một khi đã bước chân vào thế giới này thì mọi vẻ đẹp trên đời đều trở thành cái đẹp của chính bản thân ta. Dù chưa vẽ nét cọ nào, chưa tô vệt màu nào thì ta vẫn cảm thấy mình là một họa sĩ thuộc hàng thượng đẳng. Dẫu biết mình không thể sánh với Michelangelo về kỹ thuật, không thể bì được Raphael ở sự tinh tế, nhưng nói về tố chất của một họa sĩ thì

tôi phải khẳng định mình không hề thua kém những danh họa từ cổ chí kim. Từ khi đến chỗ suối nước nóng này tôi chưa vẽ được bức tranh nào cả. Tôi mang theo họa cụ chỉ đơn giản vì sự hứng thú nhất thời mà thôi. Có thể người khác sẽ cười vào mặt tôi mà bảo rằng, như thế mà cũng là họa sĩ! Nhưng dù có bị coi thường đến mấy thì giờ đây tôi vẫn cảm thấy mình đang là một họa sĩ thực thụ. Và là một họa sĩ tầm cỡ nữa! Đạt đến trạng thái này thì không nhất thiết phải vẽ được những bức tranh đẹp. Nhưng người có thể vẽ ra những bức tranh đẹp không thể không trải nghiệm trạng thái này.

Trên đây là những điều tôi suy nghĩ lan

man trong lúc ngồi thư thả hút thuốc sau bữa sáng. Mặt trời đã vượt lên cao hơn đám sương mù. Tôi mở cánh cửa trượt, ngắm dãy núi đằng xa. Rừng cây trên núi xanh một màu xanh trong trẻo và tươi mát đến lạ thường.

Tôi vẫn nghĩ rằng mối quan hệ giữa không khí, màu sắc và hình dáng sự vật là chủ đề nghiên cứu hấp dẫn nhất trên đời. Ta nên dùng màu sắc, hay hình dáng sự vật để thể hiện không khí. Hay ta lấy không khí làm chủ đạo để thể hiện màu sắc và sự vật đan xen? Sự phối hợp này trong hội họa chỉ cần khác đi một chút thì sẽ bức tranh sẽ thay đổi rất nhiều. Sự thay đổi này chẵn chẵn sẽ khác nhau tùy

theo phong cách nghệ thuật của từng họa sĩ. Và tất nhiên cũng bị giới hạn bởi yếu tố địa điểm, thời gian. Tranh phong cảnh của họa sĩ Anh quốc chẳng có bức nào là sáng sủa. Có thể là họ không thích những bức tranh rực rỡ, nhưng dù có thích thì họ cũng chẳng vẽ được bức tranh sáng sủa nào trong bầu không khí ảm đạm ấy. Tuy cũng là người Anh nhưng tranh của Goodall[1] thì khác hẳn. Đúng là một kiểu tranh rất khác. Tuy là người Anh nhưng ông chẳng bao giờ vẽ tranh phong cảnh về nước Anh. Họa sĩ này không lấy quê hương làm đề tài hội họa. Ông toàn chọn những nước như Ai Cập hay Ba Tư - những nơi có phong cảnh trong trẻo và tươi sáng hơn nhiều so với nước Anh.

Thế nên tranh của ông thường làm người mới xem lần đầu phải giật mình kinh ngạc: một người Anh mà có thể vẽ được những bức tranh trong treo thế này sao? Phong cách cá nhân thì hẳn nhiên chẳng có gì để nói. Nhưng nếu chủ tâm vẽ tranh phong cảnh Nhật thì chúng ta phải thể hiện màu sắc và không khí đặc trưng của nước mình. Dù anh có ngưỡng mộ phong cảnh trong tranh Pháp đến đâu, anh cũng không thể vay mượn nguyên xi phong cảnh đó đưa vào trong tác phẩm của mình, rồi bảo đây là tranh phong cảnh Nhật. Họa sĩ phải sống với phong cảnh thiên nhiên xung quanh mình, để tâm hồn hòa nhập vào cảnh mây chiều sương sớm, cho đến lúc nào đó chợt bắt gặp

đúng sắc độ mình cần thể hiện thì ngồi ngay vào giá vẽ. Màu sắc đổi thay trong từng giây từng phút. Nếu để lỡ mất cơ hội thì không dễ gì gặp lại sắc độ mình cần. Trên sườn núi trước mắt tôi bây giờ đang tràn ngập những màu sắc vô cùng tươi đẹp nhưng lại rất khó tìm trong phong cảnh quanh đây. Một cơ hội quý báu dường này mà để trôi qua mất thì quả là đáng tiếc. “Mình phải vẽ lại thôi”, tôi tự nhủ.

[1] Frederick Goodall (1822 - 1904) là một họa sĩ người Anh.

Khi mở cửa bước ra hành lang, tôi thấy cô nàng Nami đang đứng tựa cửa trên

tầng hai của gian nhà bên kia. Cầm cô khuất trong cổ áo, và tôi chỉ thấy được gương mặt nhìn nghiêng. Tôi định cất tiếng chào thì tay phải cô bỗng giơ lên, cứ như bị gió thổi, còn tay trái thì vẫn giữ nguyên tư thế đang buông xuống. Một luồng ánh sáng như tia chớp chạy nhanh qua ngực cô hai ba lần, có tiếng “tách” khe khẽ kèm theo, rồi ánh sáng biến mất. Tay trái cô đang cầm một con dao cán gỗ dài chừng ba tấc. Rồi ngay lập tức cô mất hút vào phía sau cánh cửa. Tôi bước ra khỏi nhà mà cảm giác như mình mới vừa xem một cảnh diễn *Kabuki*[2] vậy.

[2] Kabuki là một loại hình nghệ thuật sân khấu Nhật Bản, có kết hợp âm

nhạc, kịch và vũ đạo.

Ra khỏi cổng, rẽ trái là thấy ngay một con đường dốc cheo leo dẫn lên sườn núi. Nghe loáng thoáng tiếng chim chích trong đám cây rừng. Bên trái là một con dốc thoải dẫn xuống thung lũng trồng đầy quýt. Bên phải là hai ngọn đồi thấp, hình như cũng là nơi trồng quýt thì phải. Mấy năm về trước tôi đã có lần đặt chân đến chỗ này. Chính xác là cách đây bao lâu thì tôi cũng chẳng buồn tính nữa. Chỉ nhớ lúc đó trời đang lạnh, có lẽ là vào độ cuối năm. Đó cũng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những vườn quýt sum xuê như vậy. Khi tôi ngỏ ý muốn mua một nhánh quýt thì người ngồi trên cành cây bảo

rằng cứ lấy thỏa thích đi, rồi cất tiếng hát một điệu nhạc nghe rất lạ. Ở Tokyo thì ngay cả võ quýt cũng phải đến tiệm thuốc mà mua ấy chứ, tôi thầm nghĩ. Vào buổi tối tôi thường nghe tiếng súng. Hỏi ra mới biết đó là tiếng súng của những người đi săn vịt trời. Khi đó tôi chẳng biết gì về cô gái có tên là Nami cả.

Nếu là một diễn viên *Kabuki*, chắc hẳn cô ấy sẽ thành công rực rỡ. Những diễn viên bình thường thì khi lên sân khấu mới thoát ly đời thường để hóa thân vào vai diễn. Còn cô ấy thì diễn xuất ngay trong cuộc sống đời thường. Thậm chí bản thân cô không hề biết là mình đang diễn nữa. Diễn rất vô tư và rất tự nhiên. Trường

hợp của cô có thể gọi là cuộc đời thi vị. Nhờ có cô mà tôi tiến bộ rất nhanh trong sáng tác hội họa.

Nếu không xem hành trạng của cô là động tác diễn xuất thì chắc là tôi phải bối rối hoang mang suốt cả ngày. Nếu nhìn sự việc và tìm hiểu cô bằng con mắt của những tiểu thuyết gia bình thường, những người được giáo dục kỹ về quy phạm và đạo lý, thì hẳn tôi phải cho rằng cô là một kẻ quá khích, và sẽ cảm thấy khó chịu ngay. Nếu giữa tôi và cô ấy nảy sinh một mối quan hệ lãng nhăng trong đời sống thực, thì có lẽ sự đau khổ của tôi không bút nào tả xiết. Nhưng vì trong chuyến đi này tôi đã chủ trương thoát ly

tình cảm đời thường để đạt đến sự thăng hoa của tâm hồn nghệ sĩ, nên tôi phải nhìn mọi thứ hiện lên trước mắt mình qua lăng kính nghệ thuật. Tôi phải xem mọi người mình gặp đều là những nhân vật trong kịch *No*, *Kabuki* hoặc là những hình ảnh trong thơ. Nhìn qua lăng kính nghệ thuật theo kiểu này, tôi thấy cô là người có những động tác đẹp hơn tất cả những người phụ nữ mà tôi từng gặp. Hơn nữa, chính vì cô không ý thức được là mình đang diễn xuất, nên động tác của cô còn đẹp hơn cả động tác trên sân khấu của diễn viên.

Xin độc giả đừng hiểu nhầm ý tôi. Tôi chỉ nghĩ là không thỏa đáng nếu lấy tiêu

chuẩn của những người bình thường để phê bình tư cách của một người như cô ấy. Sống cho tử tế, sống như một người có đạo đức hay tiết hạnh thì không đơn giản chút nào. Quên mình vì nghĩa lớn cũng là việc hết sức khó khăn. Ai muốn đạt được những giá trị này cũng đều phải trải qua đau khổ. Nhưng để người ta có thể chịu đựng được khổ đau, hẳn là phải có những niềm vui lớn lao tiềm ẩn trong sự hy sinh ấy. Hội họa, thơ ca và kịch nghệ chẳng qua chỉ là những tên gọi khác nhau thể hiện cùng một thứ cảm xúc thăng hoa từ những bi kịch kiểu này. Một khi thâm thấu được cảm thức này, chúng ta mới có những hành động đầy dũng khí, hay những việc làm cao nhã, và mới có

thể vượt qua mọi khổ đau để cảm giác thư thái tràn ngập tâm hồn. Chúng ta phải quên đi nỗi đau thể xác, coi thường mọi trở ngại của thế giới vật chất để tập trung rèn luyện tinh thần dũng cảm, sẵn sàng hy sinh vì lòng nhân đạo. Nếu đưa ra một định nghĩa về nghệ thuật trong hoàn cảnh chật vật của cuộc sống đời thường, thì có thể nói nghệ thuật là cái tiềm ẩn trong tâm hồn những người có giáo dục, biết cải tà quy chánh, biết bỏ cong tìm ngay, biết giúp đỡ kẻ yếu và chế ngự kẻ mạnh; là sự kết tinh của tinh thần cống hiến hết mình, như một tấm phản chiếu ánh sáng mặt trời rạng rỡ.

Có thể người ta sẽ cười nhạo ai đó có

những hành vi giống như diễn kịch. Như họ vẫn cười nhạo những ai dám hy sinh cho cái đẹp, cho rằng như vậy là viên vông, thiếu thực tế. Họ cho rằng những ai ngu ngốc mới không chờ đến khi cái đẹp của tính cách tự nhiên hiển lộ mà lại đi phô trương cảm quan thẩm mỹ của mình một cách lộ liễu. Những người thấu hiểu được bản chất của vấn đề cũng có thể sẽ cười nhạo người khác theo kiểu đó. Nhưng loại người hạ đẳng không hiểu gì về nghệ thuật mà lại lấy sự tầm thường của mình làm chuẩn để chê cười kẻ khác thì không thể chấp nhận được. Ngày xưa có một chàng trai đã để lại bài thơ tuyệt mệnh trên một tảng đá, rồi nhảy từ độ cao ba mươi mét lao xuống dòng thác

đang cuộn cuộn chảy. Theo tôi thì có thể nói rằng, chàng trai ấy đã hy sinh cuộc đời quý báu của mình vì một điều duy nhất là cái đẹp. Bản thân cái chết của chàng thì thật là hùng tráng, nhưng động cơ thúc đẩy chàng đến cái chết thì khó mà hiểu được. Dù sao, những người không hiểu được vẻ đẹp hùng tráng của cái chết thì chẳng có lý do gì để cười nhạo chàng Fuji Murashi ấy. Tôi cho rằng những ai không sánh được với chàng Fuji Murashi về vẻ đẹp tâm hồn, không hiểu được ý nghĩa sâu xa của một cái chết hùng tráng là để đưa cảm thức thẩm mỹ đến trạng thái viên mãn thì không thể có tư cách mà cười nhạo.

Còn tôi là một họa sĩ. Như thế thì với tư cách là một người hiểu biết về cái đẹp, tôi sẽ được tôn trọng hơn những người bình dân sống quanh mình, nếu tôi chịu hạ mình để sống trong cõi thế tục này như bao người khác. Là một thành viên trong xã hội, tôi đang ở vị trí phải chỉ bảo cho những người xung quanh về cái đẹp. Và tôi cũng có năng lực thể hiện cái đẹp hơn những người không có năng khiếu về thơ ca, hội họa hay kịch nghệ. Trong cuộc sống đời thường thì cái đẹp là sự đúng đắn, là sự chân thật, là lẽ phải. Nói cách khác, việc thể hiện sự đúng đắn, sự chân thực và lẽ phải thông qua ứng xử, hành vi được xem là tư cách của một công dân mẫu mực trong cõi đời này.

Tôi đang tạm thời thoát ly cuộc sống đời thường, và không hề cảm thấy cần phải quay về với những tình cảm đời thường ấy trong chuyến đi hiện tại. Nếu trở lại với đời thường thì chuyến đi này sẽ trở thành vô nghĩa. Như một kẻ đi cát tìm vàng, tôi phải gạt bỏ những cảm xúc tầm thường của nhân gian để chỉ tập trung thưởng thức cái đẹp đúng nghĩa. Tôi tự giải thoát mình khỏi trách nhiệm của một thành viên trong xã hội. Đồng thời cũng tự giải thoát mình khỏi những vướng mắc đời thường để trở thành một họa sĩ thuần túy, để chỉ hoạt động trong thế giới của cái đẹp. Nghĩa là tôi không bị buộc vào bất cứ cái gì, bất kể điều đó

là núi, là nước hay là những người sống quanh tôi. Vì vậy, trước mắt tôi thì hành trạng của cô nàng Nami cứ thể hiện tự nhiên như nó vốn là.

Đi được khoảng năm trăm mét trên con đường núi thì tôi nhìn thấy phía trước có một ngôi nhà màu trắng. Một ngôi nhà nằm giữa menh mông vườn quýt, tôi thầm nghĩ. Con đường trước mặt rẽ làm hai nhánh. Tôi rẽ trái ở chỗ gần ngôi nhà màu trắng, quay nhìn lại phía sau thì thấy một cô gái mặc váy màu đỏ đang đi lên. Làn da thẩm màu của đôi chân lộ ra dưới gấu váy. Bàn chân xỏ trong đôi dép rơm đang chậm chậm tiến về phía tôi. Máy cánh hoa anh đào núi còn vương trên mái

tóc. Và sau lưng cô gái, nắng lấp lánh trên mặt biển đằng xa.

Đi hết con đường dốc thì đến một đỉnh gò tương đối bằng phẳng. Phía Bắc là ngọn núi mùa xuân với cây cối xanh rì. Có lẽ đây chính là ngọn núi mà lúc nãy tôi đã ngắm từ phòng trọ. Phía Nam là một khoảng đất có bề rộng chừng năm mươi mét, hình như là một mảnh nương. Nối tiếp mảnh đất này là một sườn núi bị sạt lở. Dưới chỗ đất sạt lở là những đám quýt mà tôi mới đi qua. Còn phía bên kia ngôi làng ở đằng xa tất nhiên chỉ còn là mênh mông mặt biển.

Có rất nhiều đường đi ở quanh đây.

Những con đường cứ nhập vào rồi lại rẽ ra, nên tôi chẳng xác định được đâu mới là đường chính. Chỗ nào cũng có thể là đường đi, nhưng đồng thời chẳng có đường nào ra hồn cả. Chỉ là những mảng đất trông màu đỏ sậm lộ ra lác đác trên nền cỏ, chẳng phân biệt được mảng nào nối với đường nào. Đúng là một sự rối rắm thú vị.

Tôi đi loanh quanh trên nền cỏ tìm một chỗ khả dĩ để ngồi xuống nghỉ chân. Cái phong cảnh có vẻ đầy hứa hẹn cho một bức tranh đẹp khi nhìn từ phòng trọ giờ đây trở nên rời rạc hẳn. Màu sắc cũng nhạt đi. Lúc vẫn vờ đi lại trên thảm cỏ, cảm hứng vẽ tranh trong tôi đã biến mất

không biết tự khi nào. Đã không muốn vẽ thì việc tìm chỗ ngồi cũng chẳng cần thiết nữa, nên tôi cứ ngồi tạm xuống chỗ mình vừa đặt chân đến. Khi buông người ngồi phịch xuống, tôi mới chợt nhận ra mình vừa làm vỡ tung một lớp khói mù tỏa trên mặt đất do ánh nắng mùa xuân thấm sâu vào lớp cỏ.

Mặt biển lấp loáng đằng xa, phía dưới chỗ tôi ngồi. Bầu trời mùa xuân không một gợn mây tỏa ánh sáng chan hòa mặt biển, tạo cảm giác ấm áp như thể ánh mặt trời rơi xuyên xuống tận đáy biển sâu. Biển như một dải màu xanh thẫm và bằng phẳng trải dài, với vô số chiếc vảy bạc lấp lánh trên cái nền xanh ấy như những

đồng tiền kim loại dưới ánh nắng mặt trời. Giữa cảnh trời nước mênh mông vô tận hiện lên một cánh buồm trắng, nhìn từ xa bé xíu như một chiếc móng tay. Mà cánh buồm cứ đứng im phăng phắc. Chắc hẳn những con thuyền đến từ Triều Tiên trước đây cũng hiện ra từ đằng xa trên biển thế này. Ngoài cánh buồm kia thì thế giới mênh mông chỉ có ánh nắng tỏa xuống biển khơi và mặt biển phản chiếu ánh nắng mặt trời lấp lánh.

Tôi nằm lăn ra cỏ. Chiếc nón trượt khỏi đầu, giống như vàng hào quang gắn vào đằng sau gáy. Có vài bụi lê hoa trà cao chưa đầy một mét mọc rải rác trên nền cỏ. Tôi tìm được một bụi có bóng mát

vừa đủ để ngả đầu. Lê hoa trà là một loài hoa rất thú vị. Cành cây rất cứng, hầu như không thể bẻ cong. Nhưng nếu nói cành mọc thẳng thì cũng không chính xác. Từng đoạn cành ngắn thì thẳng thật, nhưng cành này cứ đan chéo vào cành khác, tạo thành một mớ rối rắm đầy góc cạnh. Và trên những cành cây đan vào nhau ấy là những đóa hoa màu đỏ tươi hay màu trắng đang khoe sắc dịu dàng. Cả những chiếc lá mềm mại nữa. Có thể nói lê hoa trà giống như những người thông thái giả khờ. Trong thế gian có loại người giữ vững lòng cương trực. Chắc hẳn loại người như thế sẽ thác sinh làm cây lê hoa trà. Tôi cũng muốn trở thành một cây lê hoa trà như vậy.

Thuở nhỏ tôi đã từng lấy một cành lê hoa trà đang có cả lá và hoa về để gọt thành một cái ống đựng bút có hình dáng vui mắt. Tôi cắm những cây bút rẻ tiền vào đó rồi đặt chiếc ống đựng bút với những ngọn bút lấp ló trong mớ hoa lá lên bàn và cảm thấy hết sức thú vị. Cả ngày hôm đó tôi chỉ chú tâm vào chiếc ống đựng bút của mình, kể cả khi đi ngủ. Sáng hôm sau, vừa mở mắt là tôi bật ngay dậy chạy đến bên bàn. Cái ống đựng bút phoir ra trước mắt tôi những chiếc lá khô quắt và những bông hoa héo rũ. Chỉ có đầu ngọn bút là vẫn sáng lấp lánh. Sao một cành hoa tươi đẹp thế chỉ qua có một đêm mà đã khô héo nhỉ? Nỗi thắc mắc không

được giải đáp lúc đó cứ mãi ám ảnh tôi. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy hồi đó đúng là mình ngây thơ trong trẻo thật.

Những bông lê hoa trà lọt vào tầm mắt khi tôi nằm xuống là bạn tri kỉ của tôi hai mươi năm về trước. Khi ngắm chúng, tôi thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, thanh thản hẳn. Và tôi lại có cảm hứng làm thơ.

Tôi cứ nằm mà suy nghĩ. Rồi ghi từng câu thơ làm được vào trong cuốn sổ tay. Chẳng mấy chốc đã xong một bài. Rồi tôi đọc lại bài thơ mới làm xong.

Ra đi lòng ngổn ngang

Gió xuân vờn nếp áo

Cỏ xanh vệt bánh xe

Sương mù giăng khắp lối

Dừng chân tự ngắm mình

Ánh sáng soi rọi rõ

Chim oanh ca riu rít

Hoa đào lả tả rơi

Đề thơ trước cổng chùa:

“Cuối đường là đồng rộng”

Dạ sâu chát ngát mây

Cánh chim lướt ngang trời

Bao cảm xúc khôn nguôi

Quên chuyện đời chốc lát

Ba mươi đã chớm già

Kìa nắng lại bừng soi

Thong dong cùng mây gió

Hương thơm lẫn quất hoài...

Ôi xong rồi! Mình đã làm được một bài thơ! Nằm ngắm cây lê hoa trà, tôi đã quên cuộc sống đời thường để tìm được nguồn cảm xúc. Dù bài thơ không nói đến lê hoa trà, không có cảnh biển khơi. Chỉ cần thể hiện được cảm xúc là ổn cả. Tôi khe khẽ reo lên vì sung sướng, và chợt giật mình khi nghe tiếng hắng giọng “E hèm!” ngay bên cạnh.

Tôi trở mình nhìn về phía có tiếng động, thì thấy một người đàn ông vừa đi quanh cái gò nhô ra bên sườn núi, rồi hiện ra từ trong đám cây rừng.

Người đàn ông đội một chiếc mũ phớt màu nâu. Tôi nhìn thấy đôi mắt anh ta

dưới vành mũ đội nghiêng hơi méo mó. Tôi không nhìn rõ lắm, nhưng hình như ánh mắt hơi mệt mỏi. Trang phục của anh ta thì khó mà tả được. Một chiếc quần kẻ sọc màu xanh đậm bó sát đùi và đôi guốc mộc dưới chân. Và nếu nhìn vào bộ râu xồm xoàm không cắt tỉa thì có thể đoán anh ta là du sĩ.

Tôi cứ tưởng người đàn ông kia đi xuống núi theo con đường dốc, không ngờ anh ta quay trở lại sau khúc quanh. Cứ tưởng anh ta sẽ khuất bóng theo đường cũ, nhưng lại không phải vậy. Anh ta cứ đi loanh quanh mãi. Trừ khi đến đây để mà đi dạo, không ai lại cứ đi loanh quanh theo kiểu đó. Nhưng dáng vẻ này khó có

thể là một người đang tản bộ. Và cũng khó tin là anh ta sống ở gần đây. Thỉnh thoảng người đàn ông dừng lại. Nghiêng tai nghe ngóng. Rồi quay nhìn xung quanh. Hình như anh ta đang có điều gì ưu tư lắm. Cũng có thể là đang chờ một người nào đã hẹn. Nói chung là tôi không thể nào đoán được.

Nhưng tôi không thể nào rời mắt khỏi người đàn ông lạ. Không phải vì tôi thấy sợ, mà cũng chẳng phải vì tôi muốn vẽ tranh. Chỉ đơn giản là mắt tôi cứ bị hút về phía người lạ ấy. Tôi cứ nhìn theo anh ta từ phải sang trái, rồi lại từ trái sang phải. Rồi bất ngờ anh ta đứng sững lại. Và một người nữa xuất hiện ngay sau đó.

Hai người có vẻ nhận ra nhau. Rồi cả hai cùng tiến lại gần. Khung cảnh tôi quan sát dần dần thu hẹp lại, rồi cuối cùng chỉ còn tập trung vào một điểm trên trần cỏ. Giờ đây hai người đang đứng đối diện, rất gần nhau. Sau lưng họ là cảnh đồi núi mùa xuân. Trước mặt là biển cả.

Dĩ nhiên người đàn ông chính là du sĩ nọ. Còn người đứng đối diện với anh ta? Đó là một cô gái. Chính là nàng Nami.

Vừa nhìn thấy nàng Nami, tôi nhớ ngay đến con dao nhỏ đã nhìn thấy trên tay cô lúc sáng. Biết đâu cô vẫn giấu con dao trong chiếc áo? Tôi thầm nghĩ và bắt

giác rùng mình ớn lạnh, tuy rằng đã quyết tâm từ bỏ những cảm xúc đời thường.

Họ cứ đứng nhìn nhau hồi lâu, sắc diện không thay đổi. Dường như cả hai đều không hề nhúc nhích. Có thể họ đang nói với nhau điều gì đó, nhưng tôi chẳng nghe được tiếng nào. Một lát sau, tôi thấy người đàn ông lặng lẽ cúi đầu. Còn cô gái thì quay nhìn về phía ngọn núi. Tôi không nhìn thấy gương mặt cô.

Có tiếng chim oanh đang hót trên ngọn núi. Hình như cô gái đang lắng tai nghe. Được một lúc thì người đàn ông ngẩng đầu lên và xoay người ra phía sau lưng. Thật lạ lùng! Thoáng chốc cô gái đã

xoay người nhìn thẳng về phía biển. Chỗ thắt lưng cô hình như đang ló ra một chiếc cán dao. Người đàn ông bước đi, vẻ ung dung, vững vàng. Cô gái, chân mang dép rơm, chạy lúp xúp đuổi theo. Người đàn ông dừng lại. Chẳng biết có phải vì cô đã cất tiếng gọi không? Rồi khi người đàn ông quay lại thì, ngay lập tức, cô gái đưa tay phải lên ngang chỗ thắt lưng. Ô, nguy hiểm quá!

Nhưng cái mà cô rút ra không phải là một con dao như tôi nghĩ. Đó là một cái gói nhỏ bằng vải, trông giống như cái ví. Cô đưa cái gói cho người đàn ông. Bên dưới cánh tay trắng ngần là một sợi dây dài phất phơ trong gió.

Một chân cô bước về phía trước, hơi rướn người một chút khi đưa cái gói ra. Màu vải tím nổi bật trên cánh tay trắng muốt. Chỉ riêng hình ảnh ấy cũng đã tạo thành một bức chân dung tuyệt đẹp. Bề mặt của chiếc túi màu tím nhạt rất hợp với thế đứng xoay nghiêng của người đàn ông đang cách cô gái chỉ chừng vài centimet. “Gần mà xa”, có lẽ đó là câu nói phù hợp nhất để miêu tả hai người trong khoảnh khắc này. Cô gái như muốn níu người đối diện về phía mình, còn người đàn ông lại như muốn lùi ra để tránh cô. Nhưng thực ra thì họ chẳng hề níu kéo mà cũng chẳng tránh né gì nhau. Mọi duyên của họ sắp đến hồi chấm dứt,

với cái túi vải màu tím đang được chìa ra trước mắt kia.

Nếu ta nhìn như đang ngắm một bức tranh, thì hình ảnh hai người với dáng vẻ hài hòa tuyệt đẹp, nhưng vẻ mặt và trang phục thì khác biệt đến mức đối chọi nhau lại càng thêm thi vị. Một bên là người đàn ông có dáng người đậm chắc, râu rậm. Bên kia là cô gái mảnh mai nhưng khỏe khoắn với ngắn cổ cao và bờ vai thon thả. Người đàn ông mang guốc mộc xoay người về phía cô gái với vẻ cục cằn. Còn cô gái mỏng manh, trong bộ áo vải tơ mặc ngày thường vẫn dịu dàng và rạng rỡ, đang đứng hơi nghiêng về phía sau. Người đàn ông thì đội chiếc mũ

nhà nhĩ, quần sọc xanh bó sát đùi, trong khi cô gái thì mái tóc bông bênh buông xuống ngang lưng, như thể đang cháy lên trong quầng sáng mờ ảo những tia nắng phản xạ từ mặt đất, và thấp thoáng sau làn tóc là chiếc *cobi* bóng loáng may bằng vải lụa đen, thể hiện một vẻ đẹp rạng ngời của tuổi thanh xuân đầy sức sống. Sự đối lập này quả là một chủ đề thú vị cho một bức họa thành công! Người đàn ông đưa tay ra cầm lấy chiếc túi vải. Và sự cân bằng tinh tế giữa hai người - một bên níu kéo và một bên miễn cưỡng - bị phá vỡ trong thoáng chốc. Cô gái giờ đã thôi níu kéo. Và người đàn ông cũng không còn bị gằng co nữa. Thì ra trạng thái tâm lý có thể chi phối cấu trúc của

bức tranh đến vậy! Là họa sĩ nhưng trước đây tôi chẳng chú ý đến điều này.

Hai người rẽ về hai hướng khác nhau. Một người bên trái và người kia bên phải. Sự ràng buộc giữa hai người không còn nữa, nên cảm hứng vẽ tranh cũng phân tán mất rồi. Khi đến chỗ bìa rừng, người đàn ông ngoái đầu nhìn lại. Còn cô gái không một lần nào quay lại phía sau lưng. Cô cứ xăm xăm bước về phía tôi, rồi chẳng mấy chốc cô và tôi giáp mặt.

- Ồ, anh! Anh họa sĩ!

Cô thốt lên. Sao cô lại nhìn thấy tôi lúc này cơ chứ?

- Chuyện gì vậy?

Tôi hỏi và ngược nhìn cây lê hoa trà.
Chiếc nón rơi xuống cỏ.

- Anh đến đây làm gì thế?

- Tôi nằm đây làm thơ.

- Xạo! Anh đã thấy hết chuyện lúc này rồi, có phải không?

- Chuyện lúc này ư? Chuyện lúc này là chuyện gì?... Ừ..., thì tôi cũng có thấy thoáng qua...

Cô bật cười:

- Không cần phải thấy thoáng qua đâu! Anh thấy rõ mọi chuyện thì cũng chẳng hề gì!

- Đúng là tôi thấy rõ mọi chuyện thật!

- Thì anh cứ việc nhìn! Mà này, anh đến đây một chút đi. Đến chỗ cây lê hoa trà này một chút nào.

Tôi ngoan ngoãn nghe theo cô, đến dưới gốc cây lê hoa trà cô chỉ.

- Lại có việc gì dưới cây lê hoa trà này nữa sao?

- Không có gì. Tôi chỉ đang định đi về thôi.

- Vậy ta cùng về nhé!

- Ừ, đi nào!

Và tôi lại ngoan ngoãn nghe theo. Tôi trở lại cây lê hoa trà lúc này, đội nón lên, thu dọn họa cụ rồi cùng với cô nàng Nami trở xuống.

- Anh có vẽ được bức nào không?

- Tôi bỏ ý định vẽ rồi!

- Từ khi đến đây anh chẳng vẽ được bức nào, có đúng không?

- Ừ, đúng thế thật.

- Nhưng, anh đến đây để vẽ mà lại không vẽ được bức nào. Thế có khó chịu không?

- Có gì mà khó chịu?

- Thế à? Sao lại không cơ chứ?

- Kiểu gì thì cũng khó chịu hết! Vẽ hay không vẽ thì cũng khó chịu như nhau mà!

- Thế thì hay phết đấy! Hi hi..., anh đúng

là người quá vô tư nhỉ!

- Nếu không vô tư thì tìm đến chỗ này để làm gì cơ chứ?

- Thôi đi! Nếu mà không vô tư thì sống để làm gì, dù có ở nơi nào đi nữa! Như tôi đây này, mới bị người ta nhìn sau lưng mà chẳng thấy xấu hổ, chẳng phải nghĩ ngợi gì hết cả.

- Thì có cần phải nghĩ ngợi gì đâu!

- Thế à? Vậy anh nghĩ người đàn ông lúc này là ai đấy?

- Xem nào..., anh ta chắc hẳn không phải

là người có nhiều tiền.

Cô gái bật cười:

- Đúng đấy. Anh chắc phải là một thầy bói cừ khôi! Anh ta nghèo lắm, bây giờ túng thiếu nên phải đến gặp tôi để lấy tiền!

- Thật thế sao? Mà anh ta từ đâu đến vậy?

- Từ dưới phố ấy.

- Thế thì xa quá nhỉ! Rồi anh ta lại đi đâu?

- À... có lẽ là sẽ đi Mãn Châu đấy.

- Đi đến đấy làm gì?

- Làm gì à? Thì để kiếm tiền. Hoặc là để chết. Tôi làm sao biết được.

Tôi đưa mắt nhìn cô. Một nét cười vừa thoáng nhẹ vành môi, rồi lập tức biến mất. Tôi không hiểu cô muốn nói gì.

- Người đàn ông đó là chồng tôi đấy!

Nhanh như một tia chớp, cô giáng vào tôi một cú choáng váng cả mặt mày. Tôi bất ngờ đến nổi cứng cả họng. Tôi cũng không định hỏi anh ta là ai, mà cũng

không nghĩ rằng cô đem cả những chuyện như thế ra nói cho mình biết!

- Anh thấy sao? Bất ngờ quá phải không?
Cô gái hỏi.

- Đúng là hơi bất ngờ thật đấy.

- Không phải chồng tôi hiện giờ đâu.
Chồng cũ ấy.

- Thì ra thế. Vậy là...

- Chuyện chỉ có thế thôi.

- Thế à? ...Ngôi nhà màu trắng ở chỗ
trồng quýt đằng kia có vị trí đẹp quá nhỉ!

Nhà ai thế?

- Nhà của anh tôi đây. Tiện đường ta ghé vào một chút.

- Cô có việc gì ở đó không?

- Ừ, anh ấy có nhờ tôi chút việc.

- Vậy thì tôi sẽ ghé cùng cô.

Khi đến chỗ đầu con dốc dẫn lên núi, chúng tôi không đi thẳng xuống làng mà rẽ phải, rồi đi khoảng gần một trăm mét nữa thì đến trước cổng ngôi nhà. Chúng tôi vào cổng nhưng không bước lên nhà ngay mà đi vòng ra phía khu vườn. Cô

gái chẳng hề tỏ ra dè dặt mà cứ thoăn thoắt bước đi, nên tôi cũng theo cô xăm xăm bước tới. Trong khu vườn mở ra hướng Nam có chừng ba bốn cây cọ, và ngay bên kia bức tường bằng đất là đám quýt trái dài.

Cô gái ngồi ngay xuống chỗ mép hành lang, bảo:

- Cảnh đẹp đấy chứ. Anh cứ nhìn mà xem.

- Ừ nhỉ. Đẹp thật đấy.

Bên trong cánh cửa im phăng phắc, hình như không có người. Cô gái cũng chẳng

cất tiếng gọi ai, chỉ ngồi điềm nhiên nhìn ra vườn quýt. Tôi cảm thấy thật là khó hiểu! Chẳng biết cô có việc gì mà phải đến đây?

Rốt cuộc rồi cũng chẳng có chuyện gì để mà nói nữa. Hai chúng tôi cùng ngồi yên lặng nhìn ra vườn quýt. Trước mắt chúng tôi, đám lá quýt tắm trong ánh mặt trời giữa trưa đang rọi thẳng xuống sườn núi chừng như đang bốc hơi, lấp lánh sáng. Một lúc lâu, bỗng có tiếng gà kêu to từ chỗ nhà kho ở phía sau.

- Trời ạ, trưa mất rồi! Tôi có việc mà quên mất!... Kyuichi, Kyuichi!

Cô vừa cất tiếng gọi vừa đứng lên, đẩy nhẹ để mở cánh cửa trượt. Gian phòng rộng chừng mười chiều bên trong trống hoác. Hai bức tranh cuộn thuộc phong cách Kano treo hờ hững ở góc nhà.

- Kyuichi!

Cuối cùng cũng có tiếng đáp vọng lên từ phía nhà kho. Rồi tiếng chân bước dừng lại phía bên kia vách trượt. Khi tấm vách vừa trượt mở, tôi thấy một thanh đoản kiếm trong vỏ bao màu trắng vừa được ném xuống tấm chiếu trải sàn.

- Quà chia tay của bác cho cậu đấy!

Không biết cô đã cho tay vào thắt lưng lúc nào mà tôi không hề nhìn thấy. Thanh đoản kiếm nảy lên mấy lần rồi lặng lẽ lăn trên chiếu đến dưới chân Kyuichi. Hình như kiếm gấn vào bao hơi lỏng lẻo, nên phần lưỡi kiếm ló ra khoảng vài phân, để lộ ánh thép lạnh lẽo đang lóe sáng.

Chương 13

Chúng tôi tiễn Kyuichi đến ga Yoshida theo đường sông. Trên thuyền, ngoài người được tiễn là Kyuichi, có những người đi tiễn là ông cụ, cô Nami, anh trai cô, anh Genbei giúp mang hành lý và cuối cùng là tôi. Tất nhiên tôi chỉ là người được mời đi theo cùng.

Tuy chỉ là đi theo nhưng khi được mời thì tôi rất sẵn lòng. Đi mà không cần biết là đi để làm gì. Trong lúc đi tìm sự thanh thản như thế này thì không có gì phải dè dặt cả. Chiếc thuyền của chúng tôi thuộc

loại đáy phẳng, giống như một chiếc bè được gắn thêm thanh vịn ở hai bên. Ông cụ ngồi ở giữa. Tôi và cô Nami ngồi ở phía đuôi thuyền. Kyuichi và ông anh họ ngồi đằng mũi. Anh Genbei thì ngồi tách riêng, bên cạnh mớ hành lý.

- Kyuichi, cậu thích ra trận hay là không thích? Nami hỏi.

- Chưa ra thì chưa biết. Chắc hẳn là vất vả, nhưng biết đâu cũng có niềm vui - Kyuichi trả lời. Cậu vẫn chưa biết gì về chiến trận.

- Dù vất vả đến đâu thì cũng phải hết lòng vì nước - Ông cụ bảo.

- Khi nhận được thanh đoản kiếm này, hẳn là cậu cũng muốn ra trận để biết thế nào là chiến tranh chứ nhỉ?

Cô Nami lại hỏi một câu hỏi lạ lùng. Kyuichi khẽ gật đầu:

- Vâng ạ!

Ông cụ vuốt râu, cười. Còn ông anh họ vẫn làm mặt tỉnh khô.

- Cứ thản nhiên như thế này thì ra trận làm sao được!

Cô Nami táo tợn ghé sát gương mặt trắng

xanh vào trước mặt Kyuichi. Kyuichi và ông anh họ khẽ đưa mắt nhìn nhau.

- Nami mà làm lính thì mới là dũng cảm!

Đó là câu đầu tiên mà ông anh cả nói với cô em gái Nami. Nghe giọng nói thì có thể biết đó không phải là kiểu nói đùa.

- Em á? Em mà làm lính á? Nếu mà được vào lính thì em đã vào từ lâu rồi! Mà cũng đã chết từ lâu rồi! Kyuichi, cậu cũng nên chết ngoài chiến trường đi. Nếu mà còn sống trở về thì sẽ gặp khối chuyện rườm rà đấy!

- Nói năng kiểu gì thế hả?... Này, này!

Cháu phải chiến thắng mà trở về trong khúc khải hoàn ca đấy nhé! Không phải cứ chết ngoài chiến trận là hết lòng vì đất nước đâu! Bác vẫn còn sống hai, ba mươi năm nữa. Bác cháu ta sẽ còn gặp lại!

Ông cụ nói mấy tiếng cuối cùng với giọng nghẹn ngào, dứt quãng, rồi chìm trong nước mắt. Chỉ có anh con trai cả là không bị xúc động. Kyuichi không nói gì, chỉ quay nghiêng đầu nhìn về phía bờ sông.

Bờ sông có một cây liễu già. Dưới gốc liễu buộc một chiếc thuyền câu nho nhỏ. Một người đàn ông đang chăm chú nhìn

vào sợi dây câu trước mặt. Khi thuyền chúng tôi rẽ sóng chậm chậm lướt qua, người đàn ông bất chợt ngược lên, bắt gặp ánh mắt Kyuichi. Ánh mắt hai người gặp nhau mà chẳng có biểu hiện gì. Người đàn ông đang mải nghĩ về chuyện câu cá. Còn Kyuichi lúc này chẳng có bụng dạ nào nghĩ đến chuyện cá tôm. Thuyền chúng tôi cứ lặng lẽ lướt qua người đàn ông trên chiếc xuồng câu ấy.

Tôi không biết trong vòng một phút thì có mấy trăm người đi qua cầu Nihonbashi[1]. Nếu mà ta ra đứng giữa cầu để hỏi thăm từng người một về những ẩn ức trong đời sống cá nhân, hẳn ta sẽ kinh ngạc nhận ra rằng cuộc sống vô

thường này là không thể nào chịu nổi! Chính vì chúng ta cứ nhìn nhau như là những người không quen biết nên mới có người tình nguyện đứng phát cờ tín hiệu cho tàu chạy qua cầu. Người đàn ông câu cá nhìn gương mặt Kyuichi chừng như sắp khóc mà không thấy thắc mắc gì, đó mới là điều may mắn. Khi tôi quay nhìn lại thì vẫn thấy ông ta đang điềm nhiên ngồi nhìn chiếc phao. Và có lẽ ông ta vẫn sẽ ngồi nhìn như thế cho đến khi chiến tranh Nhật - Nga chấm dứt.

[1] Tên một chiếc cầu ở khu trung tâm Tokyo.

Dòng sông không rộng lắm. Mà lòng

sông cũng không sâu. Nước sông chảy lững lờ. Chúng tôi cứ tựa vào mạn thuyền này, trôi trên mặt nước này đến tận nơi đâu? Có lẽ là cứ trôi mãi qua lúc xuân tàn, trôi đến chỗ ồn ào đông đúc - nơi mà người ta cơ hồ muốn va chạm vào nhau. Chàng thanh niên có vết đỏ giữa chân mày như một thứ dấu hiệu của chiến tranh đẫm máu này đang kéo theo cả đoàn người chúng tôi không thương tiếc. Có lẽ chúng tôi phải đi theo chàng cho đến khi chấm dứt sợi dây duyên nghiệp đã ràng buộc giữa chàng và chúng tôi không biết tự ngày tháng năm nào. Cũng như chàng vì định mệnh mà phải đi đến tận phương Bắc xa xôi, tối tăm và khốc liệt. Khi nhân duyên giữa chúng tôi

châm dứt, giống như một sợi dây đến lúc dứt rời ra, thì chỉ còn một mình chàng thanh niên bị cuốn theo định mệnh của riêng chàng. Còn chúng tôi phải chấp nhận là những người ở lại. Lúc ấy cho dù có van xin, có vật nài đến đâu thì chàng cũng không thể nào kéo chúng tôi theo được nữa.

Cảm giác vui vui khi chiếc thuyền lướt đi rất nhẹ. Cỏ rậm rạp hai bên bờ sông hình như là loại cỏ đuôi chồn. Và nhiều cây liễu mọc phía trên bãi sông. Thỉnh thoảng lại hiện lên vài ngôi nhà mái rạ thấp lè tè, cửa sổ ám đầy muội khói. Những con vịt lông trắng rải rác đó đây. Chúng vừa kêu cạc cạc vừa bơi ra giữa

dòng.

Hình như có cả hoa đào trắng lấp ló giữa những cành liễu. Tiếng thoi dệt vải khua lách cách xen lẫn với tiếng hát con gái thấp thoáng vọng ra. Nhưng làn điệu của bài hát thì không nghe rõ được.

- Anh vẽ cho tôi một bức chân dung nhé!

Cô Nami đề nghị. Kyuichi và ông anh họ đang say sưa trò chuyện về quân sự. Còn ông cụ thì đang thiu thiu ngủ.

- Ừ, tôi sẽ vẽ.

Tôi nói và lấy sổ phác họa ra ghi một bài

thơ:

Gió xuân lồng lộng

Xổ tung dải thắt lưng

Tên là gì nhỉ?

Tôi đưa cho cô xem bài thơ, cô cười bảo:

- Chỉ vài nét thế này thì chưa được. Anh phải vẽ đàng hoàng để thể hiện rõ hơn khí chất của tôi kia.

- Tôi cũng muốn vẽ như thế lắm. Nhưng gương mặt cô mà vẽ theo kiểu đó thì

không thành một bức chân dung được.

- Anh biện luận hay đấy! Vậy thì phải làm sao mới thành một bức chân dung?

- Có gì đâu, ngay bây giờ tôi cũng có thể vẽ được mà. Chỉ có điều bức chân dung sẽ không hoàn hảo. Mà sẽ rất đáng tiếc nếu vẽ ra một bức chân dung còn thiếu sót.

- Anh nói là thiếu sót ư? Gương mặt tôi khi sinh ra đã thế thì biết làm sao được bây giờ?

- Gương mặt bẩm sinh vẫn có thể thay đổi nhiều lắm chứ!

- Ý anh nói là tự tôi làm thay đổi đấy ư?

-Ừ.

- Đừng có nghĩ rằng tôi là phụ nữ thì ngu ngơ đấy nhé!

- Chính vì cô là phụ nữ nên mới nói ra một câu ngớ ngẩn như vậy đấy!

- Vậy thì hãy chỉ tôi xem, anh đã làm thay đổi gương mặt anh như thế nào?

- Nó vẫn thay đổi rất nhiều theo từng ngày đấy chứ.

Cô gái im lặng quay mặt đi nơi khác. Bờ sông bây giờ chỉ thấp ngang mực nước, và xa hơn nữa là cánh đồng ngút ngát trái mênh mông. Một biển hoa đỏ thắm trải rộng trong màn sương đến vô cùng, tưởng như một cơn mưa đỏ xuống tự lúc nào đã hòa tan một nửa vào trong màu đỏ ấy và loang rộng mãi ra. Ngược mắt lên, tôi nhìn thấy một ngọn núi sừng sững giữa tầng không, với những đám mây mùa xuân lãnh đãng giăng ngang sườn núi.

- Ngọn núi mà anh đã vượt qua kia kìa!

Cô gái giơ cánh tay trắng muốt ra ngoài mạn thuyền, chỉ về phía ngọn núi mùa

xuân mờ ảo như một giấc mơ.

- Có tảng đá *Tengu* đâu đấy không nhỉ?

- Cái vệt màu tím bên dưới chỗ có màu xanh đậm kia kìa!

- Chỗ bóng râm đấy à?

- Bóng râm á? Tôi lại nghĩ đó là chỗ sườn núi bị trọc kia.

- Xem nó bị lõm xuống kìa. Nếu là chỗ sườn núi bị trọc thì phải có màu nâu đậm hơn chứ.

- Vậy sao? Nói chung là tảng đá *Tengu*

có lẽ nằm ở phía sau chỗ ấy đây.

- Nếu thế thì đoạn đường “bảy khúc quanh” nằm hơi dịch về bên trái, đúng không?

- Đoạn đường “bảy khúc quanh” thì ở xa tí bên kia cơ. Ở tận bên ngọn núi nằm phía sau ngọn núi này nữa chứ.

- À, có lẽ thế thật. Nhưng tôi đoán là nó nằm ở chỗ đám mây mỏng kia kia.

- Đúng rồi, ở phía ấy đây.

Ông cụ đang ngủ gật, khuỷu tay chống vào mạn thuyền bỗng nhiên bị trượt làm

ông giật mình tỉnh giấc.

- Vẫn chưa đến nơi à?

Rồi ông đuổi người, uốn ngực, tay phải choàng ra phía sau, tay trái vươn thẳng ra đằng trước, rồi bật lên tiếng kêu “hu...u...” trong lúc làm động tác của một người kéo dây cung chuẩn bị bắn. Cô gái khúc khích cười.

- Tôi quen làm thế này...

- Có lẽ cụ thích môn bắn cung lắm nhỉ?
Tôi cười cười, bắt chuyện.

- Hồi còn trẻ tôi cũng kéo được loại

cung to lắm đấy. Bây giờ tay vẫn còn chắc lắm.

Ông cụ vỗ vỗ vào vai trái. Phía đầu thuyền, câu chuyện về chiến tranh vẫn đang giòn giã.

Một lúc sau, thuyền chừng như đã đi vào trong phố. Tôi thấy trên một cửa quán nhậu có biển ghi “*Rượu và thức nhắm*”. Một quán khác có tấm màn treo cửa cũ kĩ. Rồi một cửa hàng bán gỗ. Và có tiếng xe kéo thấp thoáng vọng sang. Lũ chim én riu rít nhào liệng trên không. Đám vịt thì kêu cạc cạc. Đoàn chúng tôi rời thuyền, đi về phía nhà ga.

Tôi đang bị kéo về thế giới hiện thực. Theo cách nghĩ của tôi thì thế giới hiện thực là nơi ta có thể nhìn thấy những đoàn tàu hỏa. Không có gì đặc trưng cho sự văn minh của thế kỷ hai mươi bằng tàu hỏa. Những chiếc hộp chạy rầm rập nhồi nhét bên trong cả trăm người. Chẳng có chỗ nào dành cho cảm xúc. Những con người bị nhồi nhét ấy phải di chuyển cùng một tốc độ, dừng lại cùng một nơi, và cùng tắm mình trong thứ hơi nước động cơ của đoàn tàu. Người ta bảo là “lên tàu”. Tôi thấy như thế là bị nhồi nhét. Người ta bảo là “đi tàu”. Tôi thấy là “bị áp tải”. Chẳng có cái gì chối bỏ cá tính như là thứ tàu này. Văn minh làm cho con người có thể phát huy cá tính nhờ

những phương tiện nhất định, nhưng rồi cũng có những thứ phương tiện hủy hoại cá tính của con người. Kiểu văn minh hiện thời cứ như là cấp cho mỗi người một mảnh đất nhỏ xíu như nhau, rồi bảo người ta cứ tùy ý, thức hay ngủ gì trên mảnh đất ấy cũng được. Đồng thời lại dựng lên một hàng rào thép xung quanh mảnh đất kia, không cho người ta bước ra ngoài dù chỉ là một bước. Những người sống tự do bên trong hàng rào thì cũng muốn sống tự do ở bên ngoài, đó là chuyện hiển nhiên. Vậy là người dân tội nghiệp của một đất nước văn minh phải ngày đêm rên rỉ bên trong những chấn song lạnh lẽo này. Văn minh mang đến cho con người tự do cá nhân, biến họ

thành những kẻ hung dữ như mãnh hổ, rồi ném họ vào bên trong cũi sắt để bảo vệ hòa bình. Đó không phải là hòa bình thực sự, mà là kiểu yên bình như con hổ nằm trong lồng sắt nơi thảo cầm viên lừ mắt nhìn ra cảnh vật bên ngoài. Chỉ cần một thanh sắt của lồng giam rơi xuống là tất cả sẽ tan nát ngay thôi. Rồi có lẽ chúng ta sẽ phải trải qua cuộc cách mạng lần thứ hai như ở Pháp. Mà thực ra thì cuộc cách mạng ấy đang diễn ra ngày đêm trong mỗi cá nhân. Ibsen, một nhà viết kịch ở Bắc Âu, đã đưa ra những mô tả chi tiết về tình huống xảy ra cuộc cách mạng này. Mỗi khi tôi nhìn thấy một đoàn tàu hỏa rầm rập chạy, với tất cả những con người như một đồng hàng hóa bị

nhồi nhét lộn xộn, khi thấy sự tương phản giữa những con người cá nhân đang khép mình đến mức co rút lại giữa toa tàu chở khách với đoàn tàu chẳng hề quan tâm đến cá tính của một ai, tôi những muốn hét lên với đám người kia rằng: “Nguy hiểm, nguy hiểm kia! Hãy cẩn thận đề phòng nguy hiểm đây!”. Văn minh hiện thời là kiểu văn minh đầy nguy hiểm, đến mức tưởng như thứ mùi nguy hiểm ấy xộc vào tận vào mũi mình! Mà thứ tàu hỏa cứ lao sầm sập vào khoảng không đen ngòm phía trước là một trong những điều đáng sợ!

Tôi ngồi trong quán nước trước nhà ga, vừa ngắm những chiếc bánh dẻo để trước

mặt vừa nghĩ về tàu hỏa. Tôi không định viết những suy nghĩ này vào trong sổ phác họa, mà cũng không cần phải nói chuyện với ai, nên chỉ ngồi yên lặng uống trà và ăn bánh ngọt.

Ở bàn đối diện có hai người đang ngồi. Cả hai đều mang dép rơm. Một người mặc áo khoác màu đỏ. Người kia mặc chiếc quần màu xanh nhạt có miếng vá nơi đầu gối, đúng chỗ anh ta đang chống khuỷu tay.

- Chắc là không ổn nhỉ?

- Không ổn rồi.

- Nếu mà có hai cái dạ dày như con bò thì hay biết mấy!

- Còn phải nói! Nếu mà được như thế thì có bị hư một cái cũng chỉ cần cắt bỏ là xong!

Hình như hai nông dân này đang mắc bệnh dạ dày. Họ là những người không hề biết đến những ngọn gió mang mùi tanh tươi thổi qua vùng Mãn Châu. Mà cũng không hề biết đến những điều tệ hại của cuộc sống hiện đại hóa bây giờ. Lại càng không biết đến những khái niệm như là “cách mạng”. Và họ có thể hồn nhiên nói đến chuyện mình có một hay hai cái dạ dày! Tôi rút sổ ra, phác họa chân

dung của hai người đối diện.

Chuông reo keng keng. Đã mua được vé rồi.

- Nào, đi thôi!

Nami nói và đứng dậy.

- Ôi...!

Ông cụ cũng gắng gượng đứng lên. Cả đoàn chúng tôi hàng ngũ chỉnh tề đi qua cổng soát vé, ra khu vực đường tàu. Tiếng chuông vẫn kêu to, giục giã.

Có tiếng rầm rập vọng đến, rồi con rằn

không lồ của xã hội văn minh oằn mình
trườn tới trên đường ray bóng loáng.
Miệng rắn nhả ra một cụm khói đen
ngòm.

- Đến lúc phải chia tay rồi đấy - Ông cụ
bảo.

- Bác gắng giữ gìn sức khỏe ạ! Kyuichi
cúi đầu chào.

- Nhớ là cậu phải hy sinh đấy nhé! Nàng
Nami lặp lại.

- Hành lý đầy đủ chưa? Ông anh hỏi.

Con rắn khổng lồ dừng trước mặt chúng

tôi. Những cánh cửa dọc bên sườn được mở ra. Người lên, kẻ xuống. Kyuichi cũng đã bước lên rồi. Chỉ còn ông cụ, anh con trưởng, Nami và tôi đứng lại dưới sân ga.

Chỉ cần con tàu lăn bánh là Kyuichi sẽ không còn thuộc về thế giới của chúng tôi. Sẽ đi về một nơi xa, xa lắm. Nơi mà người ta đang sống trong bom đạn. Và trượt ngã trong màu đỏ tươi của máu. Với những tiếng gầm rú bất tận trên trời. Kyuichi, người sắp đi về nơi xa xôi ấy, đang đứng im lặng trong toa xe nhìn về phía chúng tôi. Vậy là mối duyên của chúng tôi với chàng trai kia, người đã đưa chúng tôi từ trong núi ra đây, sắp kết

thúc rồi. Cuối cùng thì mỗi duyên cũng dứt. Chỉ vì những cánh cửa trên tàu còn mở nên chúng tôi vẫn còn được nhìn thấy mặt nhau. Người đi và người ở lại chỉ cách nhau chừng hai mét nhưng mỗi nhân duyên giữa hai bên thì đã chấm dứt rồi.

Những cánh cửa trên tàu đóng lại, và con tàu bắt đầu lăn bánh về phía chúng tôi. Mỗi lần một cánh cửa khép lại là khoảng cách giữa người đưa tiễn với người ra đi lại xa thêm một chút. Chẳng mấy chốc cánh cửa toa xe có Kyuichi đã đóng sập lại. Bây giờ đã là hai thế giới thật rồi! Ông cụ bất giác chồm lên bên cửa sổ. Chàng thanh niên ở bên trong cũng ló đầu ra.

- Nguy hiểm đây! Tàu đang chạy!

Có tiếng ai hét lên từ bên dưới. Cả đoàn tàu cứ rầm rập lao đi một cách dửng dưng. Từng ô cửa sổ lướt qua trước mắt chúng tôi. Gương mặt Kyuichi nhỏ dần. Và khi toa hạng ba ở cuối đoàn tàu lướt qua, tôi lại nhìn thấy một gương mặt khác bên trong ô cửa sổ.

Bên dưới chiếc mũ phớt màu nâu nhàu nhĩ, du sĩ có bộ râu rậm đang ngóng nhìn ra bên ngoài với vẻ chán chường. Ngay lúc đó, Nami và anh ta bất chợt nhận ra nhau. Tàu vẫn chạy rầm rập trên đường sắt. Gương mặt du sĩ dần khuất dạng.

Nami đứng ngơ ngẩn nhìn theo. Trong khoảnh khắc ngơ ngẩn ấy, bất ngờ trên gương mặt cô thoáng hiện vẻ tiếc nuối pha lẫn nỗi buồn. Đó chính là cảm xúc *aware* mà tôi chưa từng thấy cô thể hiện trên nét mặt.

“Đúng rồi! Đúng rồi! Chính là cái mà ta đang tìm kiếm cho bức tranh kia!” - tôi vừa vỗ vào vai Nami vừa thốt lên khe khẽ. Và đó là khoảnh khắc mà bức tranh tôi đang vẽ ra trong tưởng tượng trở nên hoàn chỉnh với những đường nét thật rõ ràng.

HẾT



Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook -
www.dtv-ebook.com](http://ĐàoTiểuVũeBook.com) để tải thêm nhiều eBook
hơn nữa.



Growing Readers